BnF Gallica

Day Khu trù bay môi tôi... / Chính

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

Chính, Simon. Auteur du texte. Day Khu trù bay môi tôi... / Chính. 1910.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :
- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».
- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter
utilisation.commerciale@bnf.fr.

8°
INDO-CHINOIS
360

BẢY MỐI TỘI

8 Ind-Ch
360

Nom d'auteur Chính

Titre de l'ouvrage: Dạy Khí trà bay
mồi tôi. Chắt Khắc chón huân
(Lutte contre les sept péchés capitaux)

七克真訓

DẠY KHỬ TRỪ

BẢY MỐI TỘI

THẮT KHẮC CHƠN HUẤN

CHA CHÍNH DIỄN NGHĨA

PUBLICATIONS EXTRÊME-ASIATIQUES
IMPRIMÉS
DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 4060

L S

LIBRAIRIE IMPRIMERIE
QUINHON *(Annam)*

1910

C.

Dạy khử trừ.

BẢY MỐI TỘI,

(THẤT KHẮC CHƠN HUẤN.)

Diễn nghĩa.

BIBLIOTHEQUE NATIONALE IMPRIMÉS

ĐOẠN THỨ I

Khiêm nhường chớ kiêu ngạo.

KIÊU NGẠO LÀ ĐI GÌ? Là mê tham sự cao sang quá lẽ. Phạm tội nầy nhiều cách nhiều thế lắm, nhưng mà tóm lại bốn thứ nầy: *Một là* tưởng mọi tài đức là của riêng mình, chẳng phải là của Chúa ban, nên chẳng qui phục Đ. C. T. *Hai là* quyết đoán tại công linh mình, nên Chúa mới ban tài năng sức lực thể ấy. *Ba là* khoe tài cán thông minh, làm hay làm giỏi, ỷ thế cậy mình. *Bốn là* trọng mình khinh chúng: cầm mình hay giỏi đủ đều, mà khinh suất người ta. Cho nên ham danh vọng, mê những đều giả trá, hay tranh hành kình địch, kể mình là phải, chúng vơ, mình hay chúng dở, chẳng kiêng nể kẻ lớn, chẳng kính hiếu cha mẹ, bất thuận với anh em, chữa mình giấu lỗi, giả hình nhơn đức. Ấy

là những chứng bởi bịnh kiêu ngạo mà ra. Như lời Sách thánh dạy rằng: *kiêu ngạo là chính gốc sinh các thứ tội: kiêu ngạo ẩn trong lòng, chắc bắn ra nhiều đều tai hại.*

Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: kiêu ngạo là chúa tướng các món tội: hễ nó nhập vào lòng, thì các tội đều theo, các nhơn đức liền trốn đi hết. Các tội khác tuy cũng nghịch nhơn đức, nhưng mà một tội nghịch một đức mà thôi: như hờn giận nghịch đức nhịn nhục; ghen ghét nghịch đức thương yêu. Tuy đức nầy mất, âu là còn đức khác. Có một mình tội kiêu ngạo khử trừ hết các nhơn đức: vì nó nghịch đức khiêm nhượng; mà khiêm nhượng là cội rễ các nhơn đức khác thẩy thẩy; vậy hễ gốc rễ hư, thì nhành ngọn phải khô héo. Đức khiêm nhượng mất, thì các đức khác cũng chẳng còn. Cũng như cây đinh hương, khí vị nồng nhiệt, trồng gần cây nào thì cây ấy héo don tàn mạt. Hễ kiêu ngạo vào lòng, thì các nhơn đức phải ra, chẳng có đức nào ở với lòng kiêu đặng. Phải cứ thứ tự mà hãm dẹp tư tình, mới tu nhơn tích đức đặng: Bằng chẳng nhổ rễ kiêu ngạo ra khỏi lòng trước hết, ắt là chẳng khử trừ tình tư dục nào khác đặng. Mà hễ cỗi được tính kiêu, thì trừ nết xấu khác, dễ như không vậy. Cho nên Đ. C. T. ghét tội kiêu ngạo hơn các tội khác, mà người ta cũng đều ghét nó lắm.

Hoặc rằng: vì cớ nào Đ. C. T. ghét kẻ kiêu ngạo lắm làm vậy? Thưa mọi ơn phước của Chúa đã ban cho, thì nó cả lòng cướp lấy mà xưng là của riêng mình, chẳng chịu là của Chúa ban. Kẻ nghịch mạng phụ ơn dường ấy, đáng Chúa giận ghét là dường nào! Vả ai nấy cũng là của tay Chúa dựng gầy con Chúa ấp yêu. Máu Thánh Chúa cứu chuộc; mà kẻ kiêu ngạo tôn trượng một mình mình, ở trên đầu trên cổ chúng; dà diệc người ta dưới chơn dưới gót. Cho nên Đ. C. T. rất đỗi ghét, thiên hạ cũng đều chê, thì thậm phải.

Hoặc rằng: Đ. C. T. ghét loài kiêu ngạo, sao còn để nó được chức cao quờn cả? Thưa Đ. C. T. để cho kẻ kiêu lên bực cao, chẳng phải là thêm sang vinh cho nó; một có ý để nữa phạt nó té xuống cho xấu hổ hơn mà thôi. Vì càng cao, té càng nặng.

Ông thánh Bê-na-dô rằng: Kẻ kiêu lên chức trọng, như thuyền đi ngược nước, lên thì chậm rải lần hồi, mà xuống thì vội vàng mau kíp. Vì khi hạ chức, khác nào ở trên trời vụt té xuống đất, như sét đánh vậy. Cho nên có nhiều người đặng chức cao quờn cả, mà kiêu căng tự thị, rủi vấp một đều, bỗng mất hết chức quờn, liền ra thân hèn mạt nhuốc nha quá đỗi.

Xưa có một vua kia, thấy lời trong Kinh thánh dạy rằng: *Đ. C. T. hay dẹp kẻ kiêu ngạo, cất*

quờn tước cao sang nó, mà ban cho kẻ khiêm nhượng, thì vua nói lời ngạo mạn rằng: Phải bôi câu sách nầy đi. Nầy chức hoàng đế trẫm dây, nào ai cất đặng sao? Khỏi ít ngày vua ngự ra tắm mát, các quan triều theo chầu ngọc lộ. Vua cởi áo mão, xuống hồ tắm; các quan xè ra ngoài chực đó. Chẳng ngờ có một thiên thần, hiện giả bình vua, mặc hết áo mão vua, rồi bỏ vài áo cũ xấu bên đó. Thiên thần bước ra đi, các quan nhận là vua, liền rước về ngọc bệ. Vua tắm rồi kêu, không thấy ai thưa, ngó áo mão mất hết, túng thế phải mặc áo cũ xấu đã bỏ đó. Lật đật chạy kiếm các quan, thấy chẳng còn ai, thì càng lấy làm dị kỳ lắm. Lỏn tỏn đi một mình về triều, thấy đã có vua ngồi trên ngai, các quan chầu bệ, thì lấy làm ma yêu quái dị. Liền bước tới hỏi quan cận thần thiết nghĩa với mình rằng: Người không biết ta sao? Quan ấy rằng: không. Vua rằng: Trẫm là vua chúng ngươi. Thì quan ấy mỉn cười, mắng là thằng điên, rồi đuổi đi. Vua thấy vậy, phiền muộn quá sức, mới biết tại bữa trước mình nói lời ngạo mạn nên nay Chúa phạt, liền ăn năn thống thiết, xin Chúa thứ tha. Đoạn vào đền trong xớ rớ một mình đó: những ngẫm nghĩ sự sang vinh ngày trước, việc sỉ hổ bây giờ, càng thêm xót xa cay đắng. Đến chiều tối, bãi chầu, quần thần tản về. Thiên thần mới phán cùng vua rằng: Quờn chức thế gian ở trong tay

Đ. C. T., vua đã biết chưa? Chúa muốn cất, chẳng thèm dùng binh trượng, vua đã thấy chưa? Vua rằng: Mắt tôi đã thấy, mình tôi đã chịu, đâu còn dám nghi nan nữa. Thiên thần rằng: Nay vua thú thật, thôi thì cho mặc áo mão, làm vua lại như thường: mà từ nầy về sau phải kính tin Chúa phép tắc vô cùng, chớ còn nói lời ngạo mạn, mà phải phạt nặng nề hơn nữa.

Tích nầy nội triều ngoại quận không ai hay, đến sau chính tay vua chép để, thì thiên hạ mới biết; cùng ngợi khen Chúa quản hay mọi sự, thưởng phạt mọi người.

Hễ bịnh kiêu nhập vào lòng, thì trí khôn ra u ám, con mắt mịt mờ: Nên thấy việc lành người ta càng trọng, càng buồn bực ghen tương; thấy mình được chút lành, bèn tung hô khen ngợi. Thấy người có công, liền khinh chê gièm siểm; mình được chút công, những khoe trể tưng khen. Nói tắt một lời: nó lấy mình làm hơn làm trỗi; cầm người ta dường sút dường thua. Thấy người liệu được việc gì hay, lại tưởng mình còn có chỗ hay hơn nữa. Những khoe tài năng đức hạnh cho chúng tin khen; xưng lỗi mình cho chúng lấy làm người khiêm nhượng. Mình có lỗi tỏ tường, ai chê trách, liền thù liền oán; không có chút nhơn đức dính tay, mà chúng khen lầm, lại lấy làm nhằm làm phải. Ấy là

chứng bịnh kiêu che lấp trí khôn, bưng con mắt, thì làm vậy.

TẬT KIÊU NGẠO KHÓ CHỮA LÀ THẾ NÀO ?

Kẻ thuật chuyện mình chim bao, thì thức dậy tỉnh rồi, mới nói được. Ai biết lỗi mình, mới hầu cải quá tự tân được. Cho nên kẻ liệt, trước hết phải biết mình có bịnh, mới đành uống thuốc; chẳng vậy, không cầu thuốc làm chi. Mà chẳng dùng thuốc, ắt bịnh chẳng lành. Tật kiêu ngạo làm cho trí tối, mắt mờ, không hay không biết mình có bịnh kiêu, nên khó chữa lắm. Kìa ai làm đều gì xấu, nghĩ lại cũng biết hổ ngươi thầm; có một kẻ kiêu làm việc ngạo, đã chẳng biết xấu, mà lại lấy làm sang vinh. Cho nên bịnh kiêu hại người ta thì dễ lắm, mà chữa cho khỏi tật ấy, thì rất đỗi khó là dường nào.

Ông thánh Ao-cu-xi-tinh rằng: Kiêu ngạo với nhơn đức vốn nghịch nhau luôn: song nó thường bởi việc lành phước đức mà sinh ra, rồi lại phá việc lành phước đức cho hư nát, chẳng còn nên giống má gì nữa, một còn hình nhơn đức bề ngoài mà thôi. Thì chẳng khác con lậy con mọt bởi cây sinh ra, rồi ăn khoét cây cho hư cho nát, chừa da để vỏ lại mà thôi. Các sự dữ hại ngoài hại vô, nên còn dễ ngừa dễ tránh; mà nết kiêu ăn ruồng trong ăn ra, nên khó nỗi tránh lắm.

Các nết xấu khác giao công với ta một đôi phía, mà nết kiêu thì vày bọc tư bề: mặc áo tốt, kiêu cũng núp đó mà giao công; có nhan sắc, kiêu cũng dựa đó mà hại ta; có thông minh tài cán, kiêu cũng nom đó mà hại ta. Nói tắt một lời: nó chấu lại tư bề, mà hại ta trăm phương ngàn cách.

Người chết, nết xấu tan, mà việc kiêu hãy còn chẳng mất: vì kẻ kiêu thuở sống, những lo sắm quan tài cho quí lịch, chọn huyệt mả cho vẻ vang; chết rồi xác ra tro ra đất, mà việc kiêu nó còn hiện tại sờ sờ. Các nết xấu khác, có hãm dẹp, thì lần mòn cũng hết: hoặc đổi chỗ đổi thì, có khi giảm khi hết: khác nào nước sôi, dụt lửa, lâu lâu cũng nguội. Như dâm dục tuy rằng dữ, mà già yếu bớt lần, mê lâu sinh ngán. Nết hờn giận dầu hung, song không ai động chạm, thì nó lặng lẻ ở yên. Có một nết kiêu, mọi giờ mọi chỗ, khi nghỉ khi làm, hồi nói hồi nín, ở trước mặt người ta, ngồi vắng vẻ một mình, thảy đều có nó luôn, chẳng khi nào ngớt. Xác thịt già yếu, kiêu cũng chẳng suy, lại càng ngày càng lớn. Bất luận ở bực nào, làm việc gì, đều có kiêu dựa đó mà lớn lên: Mình đương ra sức hãm dẹp nết kiêu, tưởng đã dẹp được rồi, nghĩ đến công linh, liền có kiêu ló đầu ra đó. Làm việc gì lành, làm chưa rồi, ý kiêu đã mống; làm xong việc, kiêu lại lớn thêm. Ấy nó hằng đeo đuổi phá việc lành ta cho được mới thôi.

Ý kiêu theo việc lành, như bóng theo mình: hễ mặt trời bên nầy, chắc có bóng tối bên kia; chừng nào mặt trời chính giữa đỉnh đầu, soi đủ bốn bên, mới tan bóng tối. Cũng một lẽ ấy, ta làm việc lành, chẳng có ý vì Chúa cho chính đính, chắc có bóng kiêu ngạo dính theo; bằng chỉ về Chúa cho chính đính trọn vẹn, mới được sáng tư bề, mà bóng kiêu tan mất.

XÉT TRƯỚC XEM SAU THÂN PHẬN MÌNH CHO TƯỜNG THẬN, MỚI DỄ DẸP TÍNH KIÊU.

Con làm kiêu làm cao nỗi gì, mà chẳng nghĩ đến thân phận con bởi đâu mà sinh ra, chết đoạn thể nào, ở đời nầy làm những việc gì Đ. C. T. sinh ra con, thì con mới có; thuở Chúa chưa sinh con, thì con là không. Không ấy sinh chẳng bằng cầm thú, hèn hơn thảo mộc; vì các vật ấy có trước con. Chẳng lấy vàng bạc vật gì quí báu, mà gầy dựng xác con, một lấy khí huyết ô uế cha mẹ, mà tượng hình vóc xương thịt con. Con sống giữa trần ai bụi đất, số hệ chưa đến trăm năm, đã thành giòi bọ phân tro hôi hám. Con là vật gì trên thế nầy? Thật là một thùng đựng phân thúi tha. Còn việc làm, lời nói ý tưởng con, biết là bao nhiêu đều xấu xa hư hốt. May được chút khôn ngoan hay giỏi, thì nguyên là của Chúa ban mà thôi.

Khi con chưa sinh, con là một cái không không; chết rồi là một nhúm tro hôi thúi; xưa rày là một đứa tội nhơn; hoặc may sau thành một năm củi thiêu trong địa ngục muôn đời. Kìa thân phận con trước sau thể ấy, còn kiêu căng ngạo mạn nỗi gì!

Ông thánh Bênadô rằng: Bằng con suy đến gốc tích sinh ra con, thật đã đáng hổ hang; có coi xét các chuyện con bây giờ, ắt là đáng khóc; nghĩ đến việc thân hậu con, càng rất nên kinh khủng. Vậy ai hằng suy nhớ ba đều nầy cho chín chắn, tự nhiên dẹp dặng tính kiêu chẳng sai.

Lại những việc con thấy bề ngoài bề trong, nên như tiếng thúc bảo con phải ở khiêm nhượng, chớ khá cậy mình: Bề ngoài dầu thấy mình sốt sắng, nhơn đức, công nghiệp, được danh thơm tiếng tốt, nhưng mà có sánh với đứng thánh nọ, bà thánh kia, bèn thấy mình còn sút kém xa chừng, chưa đáng kể là người đức hạnh. Còn xét bề trong, mình là đứa đầy tội lỗi, xấu xa trước mặt Chúa, đáng Chúa phạt vô cùng, đáng thiên thần nhờm gớm; lại đã mang những nết xấu tính tà, hằng hiểm trở chẳng khi dừng. Còn ngỗ nào dám cậy mình kiêu ngạo, mà chẳng biết hổ mặt sao?

Vã như đặng tài hay đức tốt, ắt là của Chúa ban; có văn chương võ nghệ, cũng đều đã học với người ta, có thông minh cho mấy, hãy còn

muôn muôn vàn vàn chuyện chưa hiểu chưa biết đến. Lẽ gì dám cậy tài ỷ giỏi, mà ở kiêu căng sao! Lại ma quỉ hằng lo sát hại con luôn, như chẳng có ơn trên cứu chữa, nào con có sống được đến rày sao?

Kìa cầm thú thảo mộc là vật hèn hạ: mà chim lẹ làng hơn con; thú mạnh mẽ hơn con; cỏ cây trổ sinh hoa quả cho con nhờ. Con nhờ vật, nào vật có nhờ chi con: không có con, muôn vật hằng sinh trưởng đặng; không có vật, ắt con phải chết, không sống đặng. Suy bấy nhiêu đã đủ hạ mình xuống, chẳng dám kiêu căng nữa.

ĐI ĐÀNG NHƠN ĐỨC PHẢI LÁNH NẾT KHOE MÌNH.

Xưa có một người quyết chọn chỗ tu, hỏi hiền nhơn kia rằng: Lánh vào nơi vắng vẻ, hay là ở giữa thôn hương, chỗ nào tu đức tiện hơn? Hiền nhơn đáp rằng: Bằng anh biết trách mình, chẳng dám khoe khoang, hai nơi ấy, nơi nào cũng tiện; như chẳng biết trách mình, một muốn khoe công, trong hai chỗ ấy, chẳng chỗ nào tu được.

Sự khoe mình có ba thể: Một là khen thầm việc mình trong lòng; hai là khen mình trước mặt người ta; ba là ham nghe người ta khen mình. Hai thứ trước bởi lòng mình mà ra, đều thứ ba bởi người ta mà vào. Hễ có một, chắc có ba, nên kêu chung một tiếng là khoe mình.

Như tôi tớ lãnh tiền bạc chủ nhà, đi mua bán, đặng lợi bao nhiêu, giao hết cho chủ, mới kể là tôi tớ ngay lành; bằng giấu lợi để riêng dùng tư, ấy là ăn trộm của chủ. Vậy con có tài năng, nói hay làm giỏi, thì hết thảy là của Chúa giao cho, phải dùng việc Người cho trọn vẹn, là làm sáng danh Chúa, khuyên giúp người ta làm lành lánh dữ, mới kể là tôi tá trung nghĩa; bằng lấy đó mà khoe trẻ cầu danh, thật là gian lận của Chúa: cướp sự sáng danh Chúa, để làm sáng danh mình, nên phải kể là tôi tá trộm cướp. Bởi đó dầu con làm việc lành phước đức mấy, mà chẳng chỉ về Chúa, một chỉ về mình, thì con thật là đứa gian ác bất trung mà chớ.

Đ. C. G. phán trong sách Evang rằng: *Có hai người vào nhà thờ cầu nguyện: một người tài đức cao sang; một người hèn hạ tội lỗi. Người sang lướt tới bàn thờ nguyện rằng: Lạy Chúa, tôi cám ơn Chúa, đã cho tôi thờ phượng Chúa hẳn hơn thiên hạ: tôi chẳng hề gian dâm trộm cướp như kẻ nọ người kia. Mỗi tuần lễ tôi ăn chay hai ngày; của tôi mười phần đã dưng cho Chúa một. Đội ơn Chúa, tôi chẳng phải như người tội lỗi đương quì dưới góc nhà thờ đó. Còn người tội lỗi kia, run sợ khép nép, chẳng dám đến gần bàn thờ, chẳng dám ngước mặt lên, một quì xa xa dưới góc, sấp mình đánh ngực, thảm thiết ăn năn, than thở rằng: Lạy*

Chúa, tôi là đứa đầy tội lỗi, xin Chúa thương đến tôi cùng.»

Đ. C. G. phán đoán hai người ấy rằng: *«Đứa hèn nầy, hồi tới nhà thờ, thật là đứa có tội; bởi thật lòng khiêm nhượng ăn năn, đã đặng ơn tha thứ; nên khi ra khỏi nhà thờ, hoá ra người sạch tội. Còn người sang kia, bởi kiêu ngạo cậy mình, liền mất hết các việc lành trước, chưa ra khỏi nhà thờ, đã trở nên một đứa tội nhơn.»*

Ta suy người sang ấy, bởi việc lành sinh kiêu, thì kiêu còn, việc lành mất: đã mất phước, lại mắc tội. Còn đứa hèn kia, bởi tội sinh khiêm, thì khiêm còn, tội hết: đã khỏi phạt, lại đặng phước. Thật như lời ví rằng: ĂN ĐỒ QUÍ THƯỜNG SINH BỊNH, UỐNG THUỐC ĐẮNG HAY CHỮA BỊNH. Kẻ có công mà kiêu, chẳng bằng đứa có tội mà khiêm.

Cầu nguyện cách kiêu căng tự thị như vậy, chẳng khác chi mặc áo gấm đi ăn mày: có kêu xin mấy, nào ai đem lòng thương đặng. Phải tỏ những sự thiếu thốn nghèo ngặt linh hồn ra trước mặt Chúa, xin Người cứu chữa, mới trông Người động lòng thương xót. Bằng cầu nguyện mà cầm mình nhơn đức, chẳng thiếu thốn sự gì, lẽ nào Chúa thương đặng. Cho nên kẻ kiêu vừa cầu nguyện vừa khoe mình, đã chẳng đắc lời, lại làm cho Chúa giận thêm mà chớ.

Ông thánh Bê-na-đô trách kẻ khoe mình rằng: Mầy được sự gì lành, ấy là của Chúa ban: sao mầy lấy đó mà khinh dị người ta? Mầy phải biết, mầy càng đặng nhiều ơn, thì càng mắc nhiều nợ, Chúa phán xét càng nghiêm nhặt. Mầy khoe mình khinh chúng, thật là khoe mầy mắc nợ nhiều, phải phán xét nặng, mà chê người ta mắc nợ ít, phán xét nhẹ hơn mầy.

Biển cả là gốc sinh ra nước các sông các suối; bởi nước biển chưng lên làm mây, mưa xuống khắp đất, cho nên nước đâu đó đều bởi biển cả mà ra. Đ. C. T. là mạch mọi sự lành: ai nói đặng lời lành, làm việc gì tốt, nghĩ sự gì hay, thảy đều bởi Đ. C. T. mà ra. Vậy sông suối cứ chảy về biển cả, nên chảy hoài chẳng hết; việc lành có qui về Đ. C. T., thì còn hoài chẳng mất. Con có tài năng, chớ khá cậy tài ý giỏi. Vì các tài năng ấy là của Chúa ban, chẳng phải là của riêng con đâu: Đ. C. T. đã ban cho con đặng, thì chẳng ban cũng đặng; tuy ban rồi, Người muốn cất đi, nào có khó gì. Vậy con là một người lãnh giữ các ơn ấy, ngày sau con phải tính tại cùng Chúa, chẳng ly phân nào.

Vã Đ. C. T. sinh ra con, mới có con trên thế nầy; Người hằng gìn giữ con, con mới còn đến rày; Người ban tài năng trí lực cho con, con mới có. Ấy mọi sự của Chúa hết, con có phần nào riêng, hầu phô trương khoe trẻ?

Xưa có hiền nhơn kia, qua sông với chúng bạn, chẳng may đò chìm, chới với gần chết. Người ngửa mặt kêu xin, Chúa liền sai thiên thần vớt đem lên bờ. Người thấy vậy mống lòng kiêu, tưởng mình dày công nghiệp, nên Chúa cứu thể ấy. Chẳng ngờ khỏi một giây, đương đi trên bờ, trợt té xuống nước, mới biết Chúa phạt tội kiêu ngạo khi nãy, liền ăn năn, xin Chúa tha thứ; may khỏi chết. Ta hãy coi, trông cậy Chúa, dầu trong nguy hiểm, cũng đặng an lành; cậy mình ỷ đức, tuy giữa bình an, thật là nguy hiểm.

Có kẻ hỏi rằng: Ta làm lành như thợ làm đồ: thợ làm rồi, khoe đồ chẳng đặng sao? Thưa chẳng nên khoe mình vì bốn lẽ nầy: một là chẳng có ơn Chúa giúp, thì một mình ta chẳng có sức làm đặng việc gì lành. Như thuyền giữa dòng nước chảy, chẳng ai chèo chống, chẳng đi lên đặng; như cá vào lưới một mình đặng, không ai gở, chẳng ra khỏi đặng. Đất tự nhiên sinh cỏ rác, không ai gieo vãi, chẳng sinh lúa má đặng. Tính người ta hay chìu về sự dữ, như nước hằng chảy xuống; chẳng có Chúa nưng đỡ, chẳng ai làm đặng việc gì lành. Như lời Kinh thánh rằng: « *Mọi sự lành đều bởi Chúa mà ra.* » Có lời Chúa phán rằng: « *Sự gì tì ố, là việc mầy làm; còn sự gì tốt lành, ấy là của Tao ban.* » Vì vậy hễ việc lành tiếng trọng phải qui về Đ. C. T., chẳng nên lấy đó mà khoe mình.

Hai là việc lành ta làm, chưa biết nên hư thể nào: như lời thánh nhơn kia rằng: Tuy lòng ta minh mẫn, cũng chưa biết chắc ta đã thật lành chưa. Ta làm lành đời nầy, khác nào kẻ làm việc thầm ban đêm, đến sáng ngày minh bạch, mới thấy rõ tốt hay là xấu. Việc lành ta làm, chưa tới toà Chúa phán xét, nào ai chắc đặng thật lành hay chăng. Ông thánh Phaolô rằng: « *Dầu ta xét mình chẳng thấy đều gì dữ, cũng chưa chắc mình là người lành thật: vì ta chẳng đoán ta đặng, có một Đ. C. T. là Đấng thông hay mọi sự, đoán xét ta mà thôi.* »

Ba là việc lành ta làm, bề ngoài coi tử tế, song xét cho tường tận, cũng có chút tì ố, chẳng khỏi đặng, khác nào vàng thượng thập, cũng có chút ten rét bợn nhơ. Làm dữ chắc thành việc dữ; làm lành chưa chắc trọn lành, cũng còn vướng bén một hai chút dữ. Dầu việc lành mấy, có xen chút dữ vào, ắt chẳng kể là lành thật. Ông thánh Gia-cô-bê Tông đồ rằng: « *Giữ trọn mười răn, mới thật người lành, bằng giữ chín, phạm một, cũng như phạm mười.* » Chẳng khác chi bờ thành ngăn đạo tặc, có lỡ trống một chỗ, các chỗ vững chắc khác, thảy đều vô ích. Như lời ví rằng: DÀY ĐÁNH BA BỀN BỈ, NHƯ CÓ MỤC MỘT TẤC, ĐỨT LIỀN. Việc lành cũng phải luận như vậy.

Bốn là việc lành chưa trọn, công nghiệp chưa thành, thì Chúa chẳng thưởng. Ví như chiến

trận chưa rồi, nào ai dám định bề thắng bại. Việc lành chưa thí nghiệm, chưa tới toà Chúa thẩm phán, nào ai dám quyết là lành thật ; như chưa chắc là thật lành, lẽ nào dám khoe khoang tự thị.

Xưa có người quân tử kia thấy kẻ khoe khoang, cầm mình khác thường thiên hạ, thì trách rằng: Anh khác người ta làm chi? khác ấy nghĩa là làm sao? nghĩa là chẳng như người ta: chẳng như người ta, ắt chẳng phải là người. Trên người ta có thiên thần, dưới có cầm thú : trên, anh chẳng như thiên thần được, dưới, anh chẳng chịu như cầm thú ; vậy thà như người ta thì hơn.

Vả khác người ta cũng có đều nên việc tốt. Ví dụ: thìn lòng sửa nết, giữ lời nói việc làm cho chính đính, chẳng theo thói thường thiên hạ, ấy là khác chúng: như bực phú quới ai cũng ham ; mà con biết là sự chóng qua mau mất, chẳng bền đỗ bao lâu; nên được chẳng mừng, mất chẳng tiếc, chẳng để lòng dính bén duồng nó ; ấy là khác người ta. Trường danh vọng ai ai cũng muốn; con biết nó hay làm hư đức hạnh, phá hết công linh ; nên con làm lành, chẳng thèm cầu danh tiếng ; ấy là khác người ta. Cuộc vui chơi sung sướng thiên hạ sa mê ; con biết vui đó khác dường cầm thú, chẳng xứng đứng làm người ; nên con chẳng màng, một hứng vui ái

mộ bề lập công tu đức; ấy là khác người ta. Bằng con cũng ham, cũng muốn, cũng sa mê như thiên hạ, thật chẳng những không khác người ta, mà lại không khác chi cầm thú.

Làm lành chớ khá cầu danh.

Ông thánh Gio-ang Kim-khẩu rằng: Mầy chẳng làm việc gì cho Chúa, lẽ nào Người trả công cho mầy: mầy làm lành cho được danh tiếng, nào có can chi đến Chúa, hầu Chúa trả công. Tiếng làm cho Chúa, mà thật cho mầy. Làm lành vì Chúa cho thật, mới kể là làm cho Chúa, mới trông phần thưởng. Vậy làm lành cầu danh, danh tiếng được rồi, ấy là phần thưởng công lao khó nhọc, nào trông đi gì nữa? Làm việc lành thể ấy, tuy khó nhọc cả đời, những tưởng mình đã dày công nghiệp, nào hay giờ chết đến, mới biết mình tay không lưng sạch, chẳng có chút công linh, lấy gì mua phần phước thiên đàng, khỏi sa trong địa ngục đặng. Có lời trong Êvang rằng: « *Tay tả bố thí, đừng cho tay hữu hay: phải làm phước cách kín, thì Đ. C. T sẽ trả công cho.* » Lại rằng: « *Làm lành đừng có ý cho người ta thấy mà khen; chẳng vậy, Chúa chẳng trả công.* »

Làm lành cho được tiếng, thà đừng làm thì hơn: vì chẳng làm, chẳng đặng phần thưởng trên trời, cũng không hao công tốn của ở thế. Còn làm lành cầu danh, đã mất công tốn của vô ích, lại mắc tội. Như thí cơm áo cho kẻ đói rách, thật là việc phước đức; bằng làm cho được tiếng khen đời nầy, chẳng trông phần thưởng đời sau trên thiên đàng: thật là hao công tốn của vô ích. Giả như có vật quí giá, để ngày sau bán đặng ngàn vàng, rày ham chút lợi hèn, bán năm ba đồng kẽm, biết thiên hạ chê cười là dường nào! Nhơn đức là của báu vô giá, để ngày sau mua đặng phước thật thiên đàng, rày lấy mua một chút tiếng hèn vô ích, biết uổng là dường nào!

Phần ta phải làm việc lành phước đức luôn, bất luận kỳ nào; còn tỏ việc lành phước đức cho thiên hạ biết, là chính việc Chúa đã định có kỳ, chẳng phải là việc ta. Vậy làm việc lành, phô trương cho người ta thấy, khác nào cây ở mé đàng, kẻ qua người lại hái phá, bất kể già non, dầu sinh muôn vàn trái, cũng chẳng còn trái nào chín đặng. Trương việc lành ra sớm quá, chưa đến kỳ Chúa định, chẳng khác chi cây non rễ cạn, gặp gió bão là lời khen thổi tới, liền trốc gốc chẳng sai.

Thánh hiền tu đức lập công, chỉ một ý cho đẹp lòng Chúa, cho được phước thật Thiên đàng

mà thôi: vì biết danh tiếng đời nầy, rất đỗi hại phần công đức. Ông thánh Ba-gi-li-ô rằng: Danh tiếng đời nầy tôi chẳng dám cầu; mà lại rủi người ta khen ngợi, tôi chẳng dám nghe, kẻo được vinh giả đời nầy, e mất phước thật đời sau chăng. Ông thánh Hi-la-ri-ô xưa làm nhiều phép lạ, đồn tiếng tứ phương, thiên hạ đến thăm đông đảo. Người thấy vậy buồn rầu, trốn đi ẩn mình nơi vắng vẻ. Song trốn đâu cũng chẳng khỏi người ta tìm tới, nên người than khóc cả tiếng. Có kẻ hỏi khóc chuyện gì, người đáp rằng: Trong Kinh thánh dạy: « *Ai chịu hoạn nạn, mới là phước thật.* » Tôi chiêm nghiệm các thánh xưa, công cao đức cả, thảy đều bị thiên hạ khinh chê, mới thành công, hưởng phước thật. Còn tôi bây giờ, thiên hạ xúm khen lao: e Chúa để tôi được phước giả đời nầy, mà mất phước thật đời sau trên Thiên đàng.

Xưa bên tây có một người nghèo, sinh đặng ba con, đến tuổi khôn lớn, ngặt trong nhà không tiền bạc, chẳng biết lấy gì lo đôi bạn. Ông thánh Ni-cù-lao Giám mục biết ý, ban đêm Người lén quăng một túi bạc vô nhà ấy, đủ lo đôi bạn một đứa. Lo đứa lớn xong rồi, người lại lén ném vào một bị bạc nữa, đủ lo cho đứa kề. Lo bạn đứa thứ hai vừa xong, nhà ấy nghĩ rằng: Mình còn một đứa chưa lo nổi, thế ai đã lén bố thí cho mình lo hai đứa trước, chắc cũng bố thí cho

đứa nầy nữa, chẳng không. Vậy ta rình coi cho biết ai đã làm phước cho ta thể ấy. Ban đêm thánh Giám mục xách túi bạc tới lén quáng vô như trước. Chủ nhà rình thấy, liền chạy lại lạy tạ Đức Giám mục rằng: Cám đội ơn Đức Cha: con biết lấy gì mà bảo nghĩa Đức Cha cho xứng đặng! Thánh Giám mục rằng: Ta làm vì Chúa, chẳng muốn cho ai biết; con muốn đáp nghĩa ta, thì đừng nói cho ai hay chuyện nầy, mới thật là trả ơn cho ta. Vậy khoe công cầu danh, là bụng dạ tiểu nhơn; làm lành giấu tiếng, là chí khí người thánh.

Xưa có thầy ẩn tu già, tên là Môi-sen, tiếng nhơn đức đồn ra xa lắm. Có một người sang trọng tìm đến thăm. Giữa đàng gặp Môi-sen chống gậy đi đàng, bèn hỏi rằng: Ông già kia, ông có biết thầy Môi-sen chăng? Môi-sen thưa rằng: Biết. Môi-sen là một lão vô dụng: diện mạo không nên dáng, đức hạnh chẳng ra gì. Ông hỏi thăm lão làm chi uổng tiếng? Người sang trọng xét cách nói khiêm nhượng, liền biết đây là thầy Môi-sen: Trước người ta đồn thổi nhơn đức người, nay tai mình nghe mắt thấy, đích thật là người rất khiêm nhượng, thì càng tôn kính ngợi khen thầy Môi-sen hơn nữa. Vậy con coi người thánh đi đàng nhơn đức chẳng thèm cầu danh, mà danh tiếng càng rạng.

Ông thánh Ghê-rê-gô-ri-ô rằng: Kẻ kiêu dầu biết mình chẳng có nhơn đức, mà thấy chúng khen có, càng mừng. Người khiêm nghe ai khen liền suy xét: như mình chẳng có việc lành mà người ta khen, ấy là lời nhạo báng, nên phát hổ ngươi thầm; bằng có, thì tưởng âu là người khen muốn cất việc lành mình, cho mất công linh trước mặt Chúa, nên càng lo sợ hơn nữa. Trong Kinh thánh rằng: «*Lửa thử vàng, lời khen thử đức: vàng giả vào lửa, liền xì đen theo khói; vàng thật vào lửa, càng rực rỡ thêm màu.*» Nhơn đức giả được lời khen, liền mừng rỡ; nên công nghiệp phải tiêu tan; nhơn đức thật gặp tiếng khen, liền phát sợ; nên phước đức càng thêm. Người kiêu làm bộ nhơn đức cho chúng khen, song chẳng được mấy hồi: cũng như ma quỉ là giống xấu xa, có giả hình thiên thần, hiện hình sáng láng, dối người ta, khỏi một hồi, xấu cũng hườn lại xấu. Người kiêu lo làm lành trước mặt người ta, còn nơi khuất tịch không ai thấy, việc dữ mấy cũng chẳng từ; nên chầy ngày phải rõ mặt. Ấy việc giả hình, chẳng dặng bền lâu.

Nhơn đức thật khác nào vật sống, làm đặng một mình, chẳng nương dựa miệng kẻ khen chê. Nhơn đức giả như kèn, có kẻ thổi, mới kêu; như ghe, có gió đưa, mới chạy: hết thổi, kèn hết kiêu; đứt gió, ghe hết chạy. Kẻ giả hình, còn khen, còn nhơn đức; hết khen, hết nhơn

đức. Người nhơn đức thật, ai khen chẳng màng, ai chê chẳng núng, cứ một lòng vì Chúa mà thôi. Nhơn đức thật như mặt trời cả sáng, dầu có mây che, cũng chẳng hề mất sáng. Nhơn đức giả thí như mặt trăng, nhờ yếng mặt trời mới sáng; nên có khi lưng khi vơi. Nhơn đức thật hằng sáng, dầu có lời phỉ báng phủ che, hết hồi, cũng rạng ngời như trước. Nhơn đức giả sáng nội lúc người ta khen, hết khen liền tối; cho nên thoạt có thoạt không, chẳng bền đỗ một mực đặng.

Xưa có một thợ vẽ rất khôn khéo, vẽ hai bức một hình như nhau. Rồi cất một bức, treo một bức cho thiên hạ coi. Người nầy biểu sửa chỗ nầy, thợ cất bút sửa theo; người kia biểu thêm chỗ kia, kẻ nọ xin bớt chỗ nọ, thợ cũng tùy ý thêm bớt như lời. Sau hết thành một hình dị kỳ. Bấy giờ có kẻ hỏi sao vẽ thể ấy? Thợ lấy bức kia đem ra mà rằng: Nầy là bức một mình tôi vẽ; còn bức đó là của phò ông vẽ: bởi mỗi người mỗi ý, ưa ghét khác nhau, vẽ tốt làm sao đặng. Ấy kẻ làm lành cho đẹp lòng người ta, cho chúng khen, đã chẳng nên người lành, mà lại hoá ra một người kỳ dị. Vậy muốn tu nhơn tích đức cho thật, phải lo đẹp lòng một Chúa mà thôi; vì người ta coi thấy bề ngoài, không xét đặng thật giả cho đích; có một mình Chúa thấy rõ trong ngoài, mới đoán đặng việc lành ta làm thật giả mà thôi.

Kẻ làm lành chẳng có ý cầu danh, lại đặng danh tiếng; nên được nhờ hai thế: một là được kính danh vọng; hai là được nhơn đức thật. Còn kẻ làm lành cầu danh, đã thất danh, lại thêm thiệt hại hai bề: một là nó yêu chuộng tiếng hèn vô ích; hai là mất nhơn đức thật. Vốn danh tiếng theo nhơn đức cũng như bóng theo hình: có nhảy tới bắt bóng, bóng liền tránh đi; còn bỏ bóng mà đi, bóng lại theo sau. Danh tiếng bởi nhơn đức mà ra, chẳng hề rời nhơn đức đặng: cho nên kẻ trốn danh tiếng, thì đặng nhơn đức; mà nhơn đức đặng rồi, thì danh tiếng không mất. Còn kẻ ham danh vọng, thì mất nhơn đức; nhơn đức mất, thì danh vọng nào còn.

Của quí người ta phải cất trong hòm rương khoá kỹ cho khỏi mất. Nhơn đức là của báu trong đời, có để trong lòng mình là hòm kín đáo, mới khỏi ma quỉ trộm cắp. Còn miệng người ta là hòm không nắp, đựng của báu sao được? Con gởi nhơn đức nơi miệng người ta, ắt còn mất tự ý người ta mà thôi: chúng khen thì còn, chúng chê liền mất, lẽ nào con tích trử của quí đặng. Ông thánh thánh Grê-go-ri-ô rằng: Làm việc phước đức cho được danh tiếng, khác nào lấy bao lủng đáy đựng gạo, đổ vào trên, lọt ra dưới, luống công vô ích.

CHẲNG NÊN GIẢ HÌNH CHO NGƯỜI TA KHEN.

Giá hèn mua chẳng đặng của quí: có mua đặng, ắt là vật giả, của chiêu, hay là kẻ khờ dại mới bán. Nhơn đức là của rất châu báu, mà bán giá rất hèn mạt, là lời khen ắt là nhơn đức giả, nhơn đức chiêu, nhơn đức kẻ ngu muội mà chớ. Xưa thành Sô-đô-ma gian dâm tội ác, Chúa cho lửa bởi trời xuống đốt tiêu tan, sập thành biển thẩm, rày kêu là Biển chết. Bên mé bãi có một thứ cây, trái coi xinh tốt, hái xuống lột ra, thấy trong ruột đầy những mùi hôi khí thúi. Vậy kẻ giả hình cũng như trái ấy.

Giả lành hại hơn thật dữ: kẻ thật dữ, người ta thấy chê trách, nên còn có ngõ sửa mình; kẻ giả lành, người ta những khen lao, nên nó biết đâu mà chừa cải. Có lời thánh nhơn kia rằng: Mầy biết giả lành là tốt, lẽ thì cũng biết thật lành càng quí hơn, sao chẳng làm lành cho thật? Mầy đã biết hình bóng tội là xấu, lẽ thì biết chính tội càng xấu hơn, sao chẳng chừa cải?

Kẻ giả hình xem qua như người tốt, song xét lại là đứa xấu. Phải chi để công khó nhọc giả lành, mà lo bề đức hạnh cho thật, thì tự nhiên nên người lành thật bề trong bề ngoài, chẳng hay hơn sao? Phải chi để công linh làm bộ tốt, mà lo bổ dữ làm lành cho thật, ắt đã nên người tốt lành thật, lại đặng tiếng tốt, chẳng

quí hơn sao? Kẻ giả hình khác nào con khỉ: làm bộ người ta, mà chẳng phải người, một làm cho chúng tức cười mà thôi. Kẻ giả hình chẳng khác chi con nhện làm lưới kiếm ăn: rút hết chỉ ruột gan, dệt thâu đêm tới sáng, trông bền đỗ, kiếm ruồi muỗi đỡ thân; chẳng may trận gió thổi qua; đứt tan hoang rách nát, khó nhọc uổng công. Kẻ giả hình những lao tâm tiêu tứ, kiếm chút tiếng khen, nào hay gặp chuyện, liền lộ mặt; xấu ra đứa xấu, luống công vô ích.

Nghe khen chẳng nên mừng.

Lời tưng khen hay làm cho lòng người ta u ám: Dầu kẻ thông minh sắc trí, nghe tiếng tôn khen, cũng ra u ám rối rắm; nghe khen mà mừng, càng ra người ngu muội. Con xem trong gương, thấy mặt mũi giống con, nhưng mà trái cựa: má hữu qua tả, má trái thành mặt. Kẻ tưng khen trước mặt con cũng vậy: miệng khen lòng dể: trước mặt nói con tốt, sau lưng chê con xấu. Khác nào con ong, có mật trước miệng, đọc ẩn sau đuôi. Con muốn lấy mật trước miệng nó, ắt bị đọc sau đuôi.

Người hiền xưa bày một thí dụ ví kẻ ham lời khen rằng: Có con quạ tha khúc thịt đỗ trên cây; con cáo đứng dưới gốc thèm, mà chẳng biết làm sao đặng, thì cất tiếng khen rằng: Nghe

nói anh quạ đen đỉu xấu xa, mà tôi coi đi nhắm lại thiệt trắng trẻo tốt lành, đáng làm vua muôn chim; song lâu nay tôi chưa được nghe tiếng tốt anh kêu. Quạ thấy khen khoái chí, hả họng kêu to cho cáo nghe. Chẳng hay vừa mở miệng, khúc thịt rơi xuống, con cáo nắm được, liền chê rằng: Mầy thiệt đen thiệt xấu thiệt dại; nhưng vậy tao khen mầy, mới được miếng thịt.

Kẻ khen con trước mặt cũng vậy: như nó tưởng con là người khôn, chẳng chịu lời khen, âu là chẳng dám khen trước mặt; mà bởi nó biết con khờ dễ phỉnh, nên mới dám mở lời tặng khen trước mặt con. Vã kẻ bon phót khen lao, thường có trông chuyện gì đó; chừng nó được việc rồi, trở lại chê cười.

Lời tưng khen hay làm hại hơn lời phỉ báng: vì tiếng chê trách làm cho ta biết lỗi mà cải chừa; lời tặng khen che lấp tội ta, làm cho ta sinh kiêu thêm tội. Ông thánh Grê-gô-ri-ô rằng: Kẻ gặp gian nan mà còn giữ lòng nhơn đức, thì nhiều; được khen ngợi mà khỏi mất nhơn đức, thì chẳng mấy ai. Người quân tử kia rằng: Chẳng có sự gì hay làm cho ta mất nhơn đức bằng lời khen. Ông thánh Ao-cu-xi-tinh rằng: Thiếu chi kẻ dua khen nhơn đức cho chúng sinh kiêu; song chẳng mấy người nói tỏ lỗi kẻ khác, cho nó sửa mình; thật Đ. C. T. ghét thứ người miệng ngọt lòng cay thể ấy lắm.

Ông thánh Phan-xi-cô có tiếng nhơn đức, đồn ra tứ phương, thiên hạ tôn khen lắm. Vậy Người dạy môn đệ rằng: Đâu đó người ta khen thầy, nên các con đến đâu phải chê thầy đó: người ta nói thầy thông minh, các con phải nói thầy ngu muội; người ta nói thầy tài năng, các con phải nói thầy vụng đại. Bởi đó sau có người kia chê trách, ông thánh ấy liền cám ơn mà rằng: Từ bé đến giờ, chưa thấy ai biết rõ tôi cho bằng anh.

Hoặc có kẻ hỏi rằng: Hễ có công thì có danh, có đức thì có tiếng: hai ấy tự nhiên theo nhau chẳng rời đặng. Nay dạy phải lánh danh tiếng; dạy làm vậy e ngăn trở bề tu đức lập công? — Thưa rằng: Người ta biết việc lành phước đức con, vốn chẳng có lỗi gì. Như lời Kinh thánh dạy rằng: « *Việc lành phước đức bay làm, hãy cho người ta thấy mà ngợi khen Đ. C. T.* » Vì vậy tỏ việc lành mình làm, chẳng có ý cầu danh, một có ý dạy kẻ khác làm theo, cho đặng thờ phượng Chúa, rồi linh hồn, thì chẳng những không tội, mà lại đặng công đặng phước; dầu có được tiếng khen, cũng dưng hết cho Chúa; chẳng hề qui công về mình chút nào. Ấy là kẻ trọn lành, mới đặng làm vậy; phần ta chẳng đức hạnh bao lăm: được chút nào, giữ kín chút nấy, cho khỏi sinh kiêu, thì đã đủ.

CHẲNG NÊN HAM SANG TRỌNG.

Được quờn cao chức cả, chớ khá cậy mình. Có một sự nhơn đức được bền đỗ lâu dài mà thôi; chẳng có sự gì hay đổi dời biến cải cho bằng quờn chức cao sang ở đời nầy. Chẳng khác nào nắm con lươn trong tay, càng nắm chặt càng dễ sẩy. Chức tước đời nầy thí chẳng khác mây bay chớp ánh, thoạt có liền tan, chẳng đừng đậu mấy hồi. Tuy hưởng oai quờn danh thế mấy năm, nhắm mắt đoạn liền ra tro ra đất, chẳng nên giống má gì, nào có đáng cho ta yêu chuộng đâu. Ông thánh Bê-na-đô khuyên đứng làm vua rằng: Đức bệ hạ ngự trị muôn dân, đừng tưởng mình khác hơn thiên hạ: vì xưa mình sinh ra cũng một kiểu như người ta nữa, chết rồi cũng ra tro bụi như mọi người; có khác một đều, là mình ở ngôi cao, nên phải gia công làm việc lành phước đức cho xứng phò đứng bực. Nhớ đều nầy luôn, tự nhiên chẳng dám cậy quờn ỷ chức.

Xưa có một vua đem binh đi đánh giặc, ước dư trăm vạn. Vua bài binh bố trận giữa đồng, rồi lên nơi cao nhắm nhía binh mã, liền mông lòng kiêu mà rằng: kìa bấy nhiêu binh tướng, đều cúi đầu vưng phục mình, không ai dám dĩ hơi răng lạnh. Mình thiệt đã cao sang. Đoạn hồi tâm lại nghĩ rằng: Chẳng tới trăm năm, binh sĩ

nầy chết hết, mình cũng băng. Thác rồi còn cao sang gì nữa chăng? Chừng đó còn gì nữa mà kiêu? Nước sông suối lớn nhỏ sâu cạn chẳng bằng nhau, chừng chảy về tới biển rồi, thảy đều chung lộn như nhau cả, chẳng còn phân biệt gì nữa. Của đời càng quí, người ta càng tham, tưởng là thật quí; song chẳng phải, vì mau mất, chẳng đặng bền đỗ. Tước lộc càng cao, người ta càng ham, tưởng là phước thật; song chẳng phải, là hình bóng mà thôi. Phước thật thì ở trên trời, kẻ lành mới đặng hưởng; còn phước lộc cao sang đời nầy, bất luận kẻ lành kẻ dữ cũng hưởng đặng, nên chẳng đáng kể là phước thật.

Ông thánh Ghê-rê-gô-ri-ô rằng: Kẻ ham quờn cao ở trên người ta, thì nó đã phải hạ mình xuống ở dưới tính kiêu ngạo nó. Muốn làm chúa cai trị người ta, thì trước nó đã làm tôi tình tư dục nó rồi. Muốn người ta tùng phục, nó đã phải luồn cúi kẻ khác trước. Muốn người ta tôn khen, nó đã phải tôn khen người ta trước. Đặng danh tiếng chứa quờn, trước đã phải lao khổ nhọc nhằn lắm. — Lại thấy nhiều người cả đời những lao tâm tiêu tứ, mong mỏi chút công danh phú quới, mà luống công vô ích, khác nào bắt gió, chụp hình, chẳng được việc gì. Dầu cho được, rủi một chút, chẳng kịp trở tay, liền mất hết sang giàu, ra ngơ ngẩn, chẳng khác chi một giấc

chiêm bao cả thể mà thôi. Coi đó liền biết công danh phú quới đời nầy chẳng đáng cho ta tham cầu yêu chuộng.

Kẻ ham hố chẳng biết chức cao là nguy hiểm: vì càng cao danh vọng, càng dày gian nan; càng cao, té càng nặng. Hễ chức tước cao, phải có tài đức cả, xứng đối nhau, mới hầu nổi việc. Không tài đức mà cầu chức trọng, thì chẳng khác leo thang mục mà lên lầu cao, bất quá lên đôi ba nấc, gẫy thang rơi xuống: có khỏi chết, cũng là bị bịnh. Kẻ không tài đức mà được chức cao, chầy kíp chẳng khỏi xác hồn lâm nạn.

Kẻ ham cầu chức tước, chẳng có khi an: hồi chưa đặng, những âu lo mưu kế, chẳng quản đêm ngày; đặng rồi, phải lo trăm phương gìn giữ, sớm tối chẳng yên; mất rồi, lại ưu phiền nhớ tiếc chẳng khi đừng. Vã khi chưa đặng, những giả hình giả dạng, làm bộ nhơn đức, chuốt ngót bề trên, cho đặng chức cao; chừng được, lại giả đò từ thác, làm bộ khiêm nhượng chẳng muốn chức quyền; rủi mất chức, liền buông ra tính dữ, chẳng kể kẻ trên người dưới, không còn biết phải chẳng, kiêng dè; nên khốn nạn hồn xác, chẳng đặng ích gì.

Kẻ đi ngựa, trước phải nhắm ngựa mạnh yếu, đàng xa gần, mới dám đi; kẻ chở đồ lề, trước coi thuyền mảnh chắc, mới dám chở. Có

một kẻ ham hố chức cao quờn cả, chẳng xét trước xem sau, chẳng kể mình có tài đức gánh nổi, cùng chăng; những trằn trọc đêm ngày mong cho đặng chức mà thôi. Được rồi, sức chẳng kham, giữa đàng phải té phải chìm, có quày cương bẻ lái, cũng không kịp nữa.

Việc cai trị người ta, thật là rất khó: kẻ tài đức đủ bề, mới hầu nổi việc. Như lời ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: Cai trị người ta, khó hơn hết các nghề. Kẻ kiêu ngạo chẳng kể gì: dầu chẳng khôn ngoan đức hạnh đủ, cũng cả quyết mình gánh nổi có dư; nèn nó ham hố chức quờn lắm. Cỏ kẻ khuyên ông thánh Phan-xi-cô chịu chức linh mục; người thấy mình kém tài ít đức, chẳng dám tự chuyên, một kêu xin Chúa dạy bảo. Chúa sai thiên thần hiện ra, tay cầm bình thủy tinh đựng nước trong sạch, mà phán cùng người rằng: Bằng linh hồn mầy trong sạch như bình nầy, mới đáng lên vì đạc đức. Ông thánh Phan-xi-cô chẳng dám đoán linh hồn mình đã chắc trong sạch thể ấy, nèn trọn đời chẳng dám chịu chức thầy cả.

Đáng chê, đáng ghét, đáng hổ ngươi, cho kẻ ham chức tước là dường nào! Nó vừa được chút công, đã mong chức trọng, nên ai thấy chẳng chê? may được quờn cao, mà vốn không xứng đáng, nên ai thấy cũng ghét. Cả đời những hao công tốn của cầu chức, mà chẳng được

chức phận gì; hoặc dược rồi, chưa kịp trở tay, đã mất, nên đáng hổ thẹn là dường nào! Cho nên kẻ khiêm nhượng lấy mình làm hèn hạ chẳng xứng đáng, phú mặc thánh ý Chúa phân định, thì Chúa lại nhắc lên vì cao chức trọng. Thiên hạ tưởng phẩm cao là sang trọng; chẳng hay đứa tiểu nhơn càng lên cao phẩm càng bị nhuốc nha: vì ngồi cao thiên hạ mới thấy tỏ tường nó dốt nát quê muà, mới rõ công việc nó là một đứa tiểu nhơn. Khác nào con khỉ lên ngồi ngai vua, nào ai khen rằng sang trọng, chẳng qua là cho chúng coi cười chơi mà thôi.

Làm người thì phải ham tài, mà chẳng nên ham chức: vì có tài không chức cũng sang, không tài có chức ắt mang chê cười. Bên tây có thói, hễ ai công trạng to, thì vua dạy tạc hình, dựng nơi thành thị, cho nổi tiếng vang danh. Có một người tên là Catô, công danh cả thể, mà chẳng chịu cho dựng tượng mình như thói nước. Người ta hỏi vì ý nào không chịu, thì người đáp rằng: Tôi muốn thiên hạ hỏi cớ sao chẳng dựng tượng Catô; mà chẳng muốn ai hỏi cớ sao mà dựng tượng Catô.

VỀ ĐỨC KHIÊM NHƯỢNG.

Khiêm nhượng là làm sao? Khiêm nhượng là lấy mình làm hèn hạ: nhìn biết Chúa là Đứng rất cao rất trọng, biết thiệt mình là vật rất ti tiện. Như Chúa chẳng sinh dưỡng tài bồi, thì mình chẳng sinh ra đặng, chẳng sống đặng, chẳng nên thánh nên hiền đặng. Tôn kính Chúa, trân trọng người ta, cầm mình rốt hèn, bất tài thiểu trí, đáng mọi người khinh dể. Ấy là khiêm nhượng. Khiêm nhượng là nền là gốc là mạch các nhơn đức: nhà có nền mới đứng đặng; cây có gốc mới lên; suối có mạch mới chảy đặng. Vậy các nhơn đức cũng phải có đức khiêm nhượng mới thành. Ông thánh Ao-cu-xi-tinh rằng: Phải có lòng khiêm nhượng luôn, chẳng khi nào ngớt: muốn làm lành phải có đức khiêm nhượng dẫn đàng chỉ nẻo; đương khi làm, phải có đức khiêm nhượng theo nương đỡ; làm rồi, phải có đức khiêm nhượng thâu xếp giữ gìn; chẳng vậy, sinh kiêu, mà việc lành ra mất công vô ích. Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: than lửa đỏ chẳng vùi tro, liền bọn; nhơn đức tuy sáng láng tốt lành, chẳng lấy đức khiêm nhượng mà bao bọc, liền tan mất.

Ông thánh Bê-na-đô rằng: Khiêm nhượng mấy cũng chẳng sợ quá phần; mà kiêu ngạo một thí đã đủ sợ hại. Cũng như qua cửa thấp,

có cúi đầu khum lưng mấy cũng chẳng sợ chuyện gì hại, bằng ngay lưng vác mặt mà qua, có khỏi u trán giập môi là họa. Sách Khinh-thế-kim-thơ rằng: Cầm mình thua sút muôn người, chẳng có đều gì hại; mà lấy mình làm hơn một người đã có hại to.

Sách thánh dạy rằng: « *Phẩm chức càng cao, càng phải khiêm nhượng, thì Đ. C. T. mới gìn giữ phù hộ.* » Cũng như thuyền, buồm cao mui rổng, trống không, hèu trên mặt biển, chẳng khỏi gió giay sóng lướt, phải tấp phải chìm; bằng có chở hàng hoá cho khẳm cho đằm, rủi gặp trận phong ba, cũng còn vững chắc. Cây cao phải có rễ sâu, mới chịu gió bão nổi, ra hoa quả đặng. Chức phẩm cao hơn người ta bao nhiêu, phải khiêm nhượng hơn người ta bấy nhiêu, mới xứng đáng. Kìa bàn toán bên tả phải để vì không, hầu đầy mười lên trăm, đầy trăm lên ngàn, lên muôn: càng lên vì trống số càng ra Cũng một lẽ ấy, càng nên khiêm nhượng, càng dày công linh. Tuy con đã làm nhiều việc lành cả thể, lòng con phải kể như chưa làm đặng việc gì lành, mới thật là khiêm nhượng, lấy mình làm không.

Kẻ kiêu hay tranh hành với thiên hạ, chẳng được bình an; người khiêm hiền hoà với mọi người, hằng đặng an ổn: vì kẻ kiêu ham cao, mà kẻ ham cao thì nhiều, nên sinh kình địch;

kẻ khiêm ham thấp, mà ham thấp chẳng mấy người, nên hằng an hào với người ta. Người khiêm ở chỗ bằng, nên vững chắc khỏi lo ; kẻ kiêu chiếm nơi cao, nên bốn phía đều dốc hiểm.

Khiêm nhượng là tốt, kiêu căng là xấu, ai ai đều rõ biết: cho nên dầu đứa kiêu cũng làm bộ khiêm cho khỏi xấu; song le chẳng nhẹm, chầy kíp phải lộ tính kiêu xấu hổ mà thôi. Kẻ kiêu ghét người khiêm, ra sức hiếp đáp, thì Đ. C. T. phạt tội kiêu căng nó; người khiêm hằng giữ lòng nhịn nhục thắng dặng kẻ kiêu, nên Đ. C. T. thưởng đức nhịn nhục nó.

Có kẻ hỏi hiền nhơn kia: Học thứ gì mới trọng, thì người đáp rằng: Học hèn mới trọng. Hỏi học hèn là làm sao, thì người giải rằng: Muốn cho người ta khinh dể, chẳng muốn cho ai kính chuộng mình, ấy là học hèn.

Xưa có một người nhơn đức lắm, tên là Tô-toả; từ bé hằng đi đàng nhơn đức, thiên hạ đều khen lao kính trọng. Ngày kia thiên thần hiện ra bảo người rằng: Thật bấy lâu nay con đã ân cần tu đức lập công; nhưng mà thiên hạ hằng khong khen tôn kính con, nên công đức con chưa thí nghiệm, chưa quí trọng là bao nhiêu. Bằng con muốn vào đám học hèn, cho người ta khinh dể chê ghét, con chịu được bằng lòng như lúc giờ, thì mới kể là học trọng mà chớ.

Lòng khiêm nhượng sánh dường biển thẳm, các ngả sông suối chảy về đó hết, mà chẳng khi đầy. Người khiêm tuy đã đặng công cao đức cả, cũng cầm mình như thể chưa làm được việc gì lành: nên công đức càng nhiều, thì lòng khiêm càng thẳm. Lòng kiêu như vũng lỗ xoi, mưa một chặp đã đầy óc nóc. Kẻ kiêu làm được việc lành một thí, đã lấy làm cả thể: cho nên tính kiêu càng nổi lên, thì việc lành càng kém. Người khiêm nhượng coi bề ngoài như kẻ bần tiện, mà bề trong, một ngày một thêm phú quí bề nhơn đức; bề ngoài xem tợ đứa ngu, bề trong thật là khôn ngỗ; bề ngoài thật là người ta, bề trong giống thiên thần.

Đức khiêm nhượng hay làm cho Chúa đoái thương: vì thường lề thấy kẻ khó khăn, mới động tình thương xót, mà thấy ai đã giàu có thì thôi: kẻ kiêu tưởng mình đã đủ đã dư, chẳng còn phải xin đi gì nữa, nên Đ. C. T. chê bỏ, chẳng ban ơn xuống phước cho nó. Còn người khiêm cầm mình khó khăn thiếu thốn, chẳng có đức hạnh công linh, một chăm chỉ kêu xin, nên Đ. C. T. đoái thương phù hộ. Như lời Kinh thánh rằng: « *Đ. C. T. chê bỏ kẻ giàu có, mà ban ơn cho kẻ đói khát no đầy dư dật.* »

Đức khiêm nhượng hay làm cho nguôi cơn thạnh nộ Đ. C. T., như lời Kinh thánh dạy rằng: « *Lòng khiêm nhượng ăn năn thảm thiết thì Chúa*

chẳng từ bỏ.» Lời kẻ khiêm cầu khẩn, chắc Chúa đoái nhậm thứ tha. Đức khiêm nhượng cũng làm cho nhơn vật ra hiền. Kìa sư tử là thú dữ hơn các loài; như ai bộ hung hăng nạt nộ, nó nổi xung cắn chết chẳng tha; còn như nói nhỏ nhoi mơn trớn, thì nó ra hiền chẳng cắn. Người ta đương giận con, con tỏ lòng khiêm nhượng, tự nhiên nó hết giận con. Vậy bộ khiêm dỗ được thú dữ ra hiền; lời khiêm dỗ được người xung hết giận; mà lại làm cho kẻ thù trở nên thiết nghĩa.

Người khiêm nhượng cầm mình chẳng có nhơn đức, chẳng đáng Chúa thương xem, chẳng dám đến trước toà Chúa, thì Đ. C. T. càng đoái thương, cho đến gần Chúa, chẳng những ban các ơn nó xin, mà lại những đều nó chẳng dám xin, thì Chúa cũng ban cho nữa. Như lời Đ. C. G. phán rằng: « *Bay bắt chước con nít mà ở khiêm nhượng, thì sẽ đặng vì cao trên nước thiên đàng.* Lại rằng: *Ai có lòng khó khăn, ấy là phước thật: vì nước thiên đàng là của kẻ ấy.* » Lòng khó khăn là làm sao? Là cầm mình thiếu thốn, chẳng dám cậy mình có công linh nhơn đức, mà khinh dể người ta; dầu đã trổi hơn chúng, cũng cầm mình rất hèn hơn mọi người. Ấy là lòng khó khăn, sẽ đặng vì cao thiên đàng. Trong Kinh thánh rằng: « *Kẻ khiêm nhượng hạ mình xuống,*

Đ. C. T. nhắc lên; kẻ kiêu ngạo tặng mình lên, thì Đ. C. T. hạ nó xuống. »

Trong dòng ông thánh Phan-xi-cô có thầy kia nhơn đức lắm. Ngày kia Đ. C. T. cho xem thấy thiên đàng, nhiều toà châu báu lắm; mà có một toà cao hơn hết, rực rỡ chói lói phi thường. Thầy ấy nghĩ rằng: Người thế gian ai sẽ được toà qui trọng thể ấy. Liền nghe tiếng thiên thần bảo rằng: Toà cao trọng nầy là chỗ thiên thần nhứt xưa, bởi kiêu ngạo nên Chúa phạt xuống địa nghục thành ma quỉ rồi. Rày Chúa đã định để toà nầy cho Phan-xi-cô, mà thưởng đức khiêm nhượng người. Thầy ấy thấy sự lạ lùng làm vậy, chẳng dám nói ra, một có ý dò xét coi, ông thánh Phan-xi-cô khiêm nhượng thể nào, mà được toà cao sang quá đỗi làm vậy. Ngày kia đi đàng cùng nhau, người hỏi ông thánh Phan-xi-cô rằng: Trình thầy, thầy tưởng mình làm sao? Thánh Phan-xi-cô rằng: Thầy là một đứa rất xấu hơn hết trong thiên hạ. Người rằng: Thầy nói vậy sao cho phải: trên đời thiếu gì đứa gian dâm trộm cướp, lẽ nào thầy xấu hơn bấy đứa đó sao? Ông thánh ấy đáp rằng: Thế gian nhiều người xấu thật; mà nếu Đ. C. T. lấy các ơn đã ban cho thầy, mà ban cho nó, chắc nó thờ phượng yêu mến Chúa chí thiết hơn thầy bội phần. Thầy kia nghe làm vậy thì khen thầm rằng: Bữa trước tai nghe thiên thần truyền, nay

mất thấy nhẫn tiền: bởi ông thánh Phan-xi-cô cầm mình rất hèn hơn mọi người thiên hạ, nên Đ. C. T. định thưởng toà cao trên hết mọi người. Ấy vậy tội kiêu ngạo kéo thiên thần xuống làm ma quỉ; đức khiêm nhượng nhấc người ta lên làm thiên thần.

Đức khiêm nhượng có sức phá mọi chước kẻ thù: vốn ma quỉ ghét kẻ đi đàng nhơn đức, hằng lập mưu cám dỗ, nhứt là hay giục tư tưởng về đàng trái. Mà người khiêm nhượng, trong cơn cám dỗ, chẳng dám cậy mình, một cậy sức Chúa, nên hằng thắng ma quỉ luôn. Có một lần Đ. C. T. cho ông thánh An-tôn tu hành thấy cả và mặt đất đầy những lưới ma quỉ bủa giăng, thì kinh hãi mà than rằng: Như vầy ai hầu thoát khỏi lưới quỉ được! Liền nghe tiếng thiên thần bảo rằng: Ai khiêm nhượng, mới thoát đặng lưới quỉ mà thôi. Ấy vậy ma quỉ thì sợ đức khiêm nhượng, mà Đ. C. T. thì ghét sự kiêu ngạo lắm.

Người khiêm nhượng thì khôn ngoan, mà kẻ kiêu ngạo dại dột. Xưa có một vua tên là A-le-xan-đe, ham chữ nghĩa văn vật, mà tính khí kiêu căng; nên hiền nhơn kia nói cùng vua rằng: Đức Chúa Trời muốn ban đức khôn ngoan cho đức vua, mà ngặt, lòng đức vua chẳng còn chỗ nào đựng đặng. Vì lòng kiêu như chót núi, mưa bao nhiêu cũng chảy trợt, chẳng đừng đậu, nên hằng khô khan, chẳng sinh cây trái đặng. Lòng

khiêm khác thể nơi sủng chứa đặng nước mưa, thấm tháp đượm nhuần, nên làm ruộng lập vườn sinh hoa lợi đặng. Có một thầy nhơn đức tên là Bam-bô, danh tiếng thông minh lắm. Tứ phương thiên hạ đến xin người biện bạch những đều khó giải khó phân. Mà người chẳng hề cậy mình thông thái, một quì gối nguyện xin Chúa soi sáng chỉ dẫn, rồi mới dám phân giải các đều người ta hỏi. Người hằng cứ kiểu ấy cho đến trọn đời. Ông thánh Gioang Kim-khẩu rằng: Kẻ cậy mình khôn ngõ, thì đã thành một quỉ rồi, chẳng còn phải có ma quỉ nào phỉnh gạt nó làm chi nữa.

Hoặc rằng: sao người khiêm nhượng khôn, kẻ kiêu căng dại? Thưa coi cách thế hai đàng ưa hạp, liền biết: người khiêm ham lo việc bề trong, kẻ kiêu ham lo việc bề ngoài. Người khiêm mộ nhơn đức thật, kẻ kiêu mộ tiếng khen. Người khiêm yêu gốc cội, kẻ kiêu yêu nhành ngọn. Người khiêm ưa chỗ bằng, nên an ổn; kẻ kiêu ưa chỗ cao, nên dốc hiểm. Người khiêm lo chế trị mình, kẻ kiêu lo chế trị người ta. Người khiêm ưa trái, kẻ kiêu ưa hoa. Người khiêm ham chắc, kẻ kiêu ham sắc. Người khiêm chuộng sự thật thà, kẻ kiêu chuộng sự dối trá. Người khiêm ham phước thật, kẻ kiêu ham vui giả. Người khiêm hay luồn cúi, nên người ta yêu vì; kẻ kiêu hay cầu cao, nên thiên hạ tranh cạnh. Lại

Kinh Thánh rằng: « *Đàng nẻo kẻ kiêu, đầy những gươm dao.* » Người khiêm ở nhỏ nhoi, thì người ta kính chuộng; kẻ kiêu ở tự thị, người ta lại dể duôi. Xem qua ít đều, liền biết rỏ ai khôn ai dại.

Xưa có một hiền nhơn học Sách thánh, gặp phải câu hiểu chẳng đặng, bèn ăn chay cầu nguyện lâu ngày, xin Chúa chỉ dẫn cho mình hiểu nghĩa câu ấy. Chúa chẳng nhậm lời, túng thế mới đi hỏi kẻ thông hiểu. Đi nửa đàng, có thiên thần hiện ra bảo rằng: Người ăn chay hãm mình xin Chúa dạy chẳng đặng; chi bằng hạ mình xuống, đi học với người ta. Nay người được chút khiêm nhượng, đi học với chúng, nên Chúa sai ta đến dạy bảo người. Vậy con coi khiêm nhượng một chút, mà công hiệu là dường nào; cũng như ngọc kia tuy một đỉnh mà đã có giá cao.

Biết mình mới sinh khiêm nhượng.

Ông thánh Y-na-xi-ô rằng: Tôi chẳng sợ tính kiêu ngạo chút nào. Kẻ nghe lấy làm lạ, liền hỏi rằng: ý kiêu rất đỗi hiểm nghèo: nhập vào lòng thì dễ, mà tránh cho khỏi, thật là rất khó; nên nó hại người ta lắm. Nhơn sao chẳng sợ? Ông thánh ấy đáp rằng: Ai chẳng biết mình mới dễ

mống lòng kiêu ngạo; phần tôi rõ biết mình tôi thiếu thốn mọi bề, có đi gì kiêu được mà sợ.

Hoặc rằng: Làm cách nào cho được khiêm nhượng? Thưa phải làm bạn với người khiêm; đừng đôi đọ với đứa kiêu. Lời Kinh Thánh dạy rằng: Bậu bạn với đứa kiêu, ắt lây phải tính kiêu nó; bạn với người khiêm, thì khác. — Lại hằng nhớ tội lỗi mình, mà đừng xét đến tội lỗi kẻ khác; hằng xem xét những việc sút kém mình, mà đừng lo đến những đều dở dang thiên hạ; đành bỏ ý riêng mình mà theo ý người ta.

Kẻ biết mình, biết Đ. C. T, biết hai sự ấy, thật là khôn ngoan minh mẫn: biết mình cho tường tận, tự nhiên phải lấy mình làm hèn hạ dở dang, ấy là đầu các việc lành. Nhìn biết Đ. C. T, cho thật, tự nhiên phải đem lòng kính sợ, ấy là gốc các nhơn đức. Nhược bằng chẳng biết mình, ắt sinh lòng kiêu hãnh, ấy là đầu các sự dữ. Chẳng nhìn biết Đ. C. T. ắt chẳng kiêng dè, ấy là gốc sinh các thứ tội lỗi.

Con ong kia nhỏ mọn, mà trí huệ cao xa. Bay đi thăm hoa hút nhụy, thấy mình nhẹ, e chẳng chống nổi gió to; nên khi hòng phát gió, liền tha một hột cát cho nặng cho đằm, khỏi vật vờ bê theo ngọn gió. Con muốn đi đàng nhơn đức, cũng phải bắt chước như vậy; là hằng nhớ tội lỗi mình, khác nào mang một bị cát nặng dằn lòng, dầu có gió bão tiếng khen thổi vào lòng

con, cũng khỏi xiêu theo trận gió. Ông thánh Gioang Kim-khẩu rằng: Bằng tra xét tội lỗi mình đã phạm trong một ngày cho tường tận, thì đã đủ mà nên khiêm nhượng cả đời. Ấy vậy muốn khiêm nhượng, khỏi kiêu căng, phải tra xét mình cho nhặt nhiệm, mới đặng.

Vì vậy kẻ thông minh thật, ít hay kiêu ngạo. Như lời ví rằng: Bình đầy khỏi giọng, bình lưng xao như sóng biển. Xưa có một thầy tên là A-thê na-tô danh tiếng thông thái lắm; thiên hạ phương xa đua nhau đến học với người. Kẻ làu cận rằng: Ai học với thầy A-thê-na-tô được một năm, liền thấy mình thông minh; được hai năm, thấy mình phấn phát; được ba năm thấy mình ngu độn. Cớ sao thể ấy, nhơn bởi năm đầu mới học, chưa thấu hiểu đạo lý cao sâu, vừa biết được một ít đều, liền tưởng mình đã nên thông thái. Năm thứ hai mới bắt bén hiểu đặng lẽ sâu nhiệm ít nhiều, nên sinh lòng phấn phát. Qua năm thứ ba mới biết đạo lý rất sâu rất nhiệm, đàng tu đức càng tới càng xa, thấy mình còn sút kém xa vời, chưa đặng một mảy, nên cầm mình như đứa ngu độn. Ấy vậy cho nên hễ đầy no nhơn đức, mới hết hơi kiêu. Thì chẳng khác hũ không, thì khí ở, đổ rượu vào, khí bay ra: rượu vô lần lần, khí ra lần lần; đến chừng rượu đầy, hết chỗ khí ở. Cho nên kẻ trọn lành thì chẳng còn hơi kiêu ngạo.

Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: Kẻ lành càng nhơn đức công nghiệp, càng thấy mình đáng khinh dể chê cười: nhơn bởi biết Chúa rất cao sang, biết mình rất hèn mạt đầy dẫy tội lỗi; nên dầu đã lên bực nhơn đức cả, cũng cầm mình như chưa hề khỉ sự bước vào đàng nhơn đức. Ông thánh Phan-xi-cô đã nên vì thánh cả, mà người còn nói với mình rằng: Hỡi Phan-xi-cô, đàng nhơn đức mầy còn xa lắm, chưa tới đặng một bước: Vậy nay mầy phải gắn vó bước tới cho mau, kịp bù những ngày mầy đã trễ xưa rày.

Đức khiêm nhượng phân ra năm bực: bực nhứt là biết mình tội lỗi, đáng người ta khinh dể. Bực nhì là thật lòng ăn năn chừa cải, xưng tội ngay thật. Bực ba là muốn người ta biết lỗi mình mà chê trách khinh dể. Bực tư là nghe người chê cười nhạo báng mình, mà cam chịu vui lòng. Bực năm là hễ có sự gì tốt lành, đều qui về Chúa hết, chẳng quản đến mình chút nào.

Hoặc muốn biết kẻ xưng lỗi mình ra trước mặt người ta, có phải là người khiêm nhượng hay chăng, thì phải xét ý tứ kẻ ấy thể nào, mới dám định. Người khiêm nhượng thật, thấy mình có lỗi, liền ăn năn chừa cải, nói lỗi mình ra, một có ý cho người ta biết mình có tội, mà khinh dể, cùng vui lòng chịu lời chê trách, mới thật là khiêm. Còn kẻ kiêu thì khác, nó lỗi mình ra, chẳng phải cho người ta biết nó có tội, một có ý

cho chúng khen nó là người khiêm nhượng; bằng ai chê trách nó chịu chẳng đặng; ấy là đứa giả khiêm, mà thật là kiêu: ngoài miệng nói mình thua sút, mà trong lòng tưởng chẳng ai bằng. Vậy người khiêm nói lỗi mình ra càng thêm khiêm; kẻ kiêu nói lỗi mình ra, càng thêm kiêu mà chớ.

Người khiêm có nhơn đức chẳng dám tỏ bày, sợ sinh kiêu ngạo; kẻ kiêu có lỗi lo che đậy, cho khỏi bề sỉ nhục. Khiêm với kiêu tuy ẩn trong lòng, mà chầy ngày ắt phải lộ ra; khác chi trong tro có lửa tự nhiên ngoài nóng. Cho nên chắc có ngày vinh hiển cho người khiêm, xấu hổ cho đứa kiêu chẳng sai. Ông thánh Ghê-rê-gô-ri-ô rằng: Thánh hiền hằng lo phương giữ lòng khiêm nhượng: hễ thấy mình đã học đặng ít nhiều, đã làm một hai việc lành, liền đem lòng nghĩ lại còn nhiều đều mình chưa học, nhiều việc lành chưa làm. Xét như vậy hằng thấy mình còn thiếu thốn, tự nhiên khỏi khoe mình dư dật.

Vã các nhơn đức phải có lòng khiêm nhượng mới thành, nên thánh hiền hằng chăm chỉ giữ lòng khiêm khắn khắn: cứ xem xét việc dở dang mình, việc giỏi hay người ta; đem việc lành nhỏ mọn mình làm sánh việc lành cả thể kẻ khác, liền thấy mình thua sút, nên hằng bắt mình gia công tấn tới chẳng khi đừng. Ấy là cách thế

thánh hiền giữ lòng khiêm nhượng. Còn người ngu thì khác, nó hằng xem xét chuyện giỏi mình, chuyện dở kẻ khác; hằng tưởng mình hơn trỗi, chẳng ai bằng; so lỗi nhỏ mình với lỗi to kẻ khác, mà chữa những sự hung ác mình. Ấy là kiểu cách dứa ngu dưỡng tính kiêu ngạo.

Con thấy sự dữ người ta chẳng qua là coi bề ngoài, chẳng thấu đặng tâm tình nó; hoặc nó có ý tốt, mà mình không hay; cho nên thà con cắt nghĩa lành chữa tiếng cho nó: hoặc nó lầm chẳng biết, hay là ma quỉ cám dỗ thái quá; rủi sa ngã. Đừng cả quyết nó là người xấu, mới khỏi tội vội xét đoán người ta. Nhược bằng sự dữ con làm, thì lòng con đã rõ biết; dầu người ta nói chữa cho con, cũng chẳng che lấp trí khôn con đặng. Vậy con đã rõ biết mình nhiều tội, sao chẳng ăn năn hổ thẹn? Vừa thấy được chút lành, đã khoe trẻ, lấy mình làm hơn thiên hạ? Ấy thật là con dối con mà chớ.

Ông thánh Bê-na-đô dạy môn đệ rằng: Chúng con chẳng những không nên lấy mình làm hơn người ta, mà lại đừng so sánh hơn thua, hay là bằng kẻ khác làm chi: vì sự giống thể ấy, là tính hay mê muốn, có để nhập vào lòng, ắt sinh kiêu ngạo, nên các con phải xa lánh. Ai biết rõ mình lành, kẻ khác dữ, bằng có so sánh, tự nhiên chẳng khỏi khen chê. Vã bây giờ tuy con là người lành, mà có chắc bền dỗ chăng?

Hoặc sau nầy rủi ro sơ ý, hay là mống lòng một chút, liền hoá ra người tội lỗi. Còn kẻ tuy bây giờ dữ, mà hoặc mai sau cải dữ về lành, nên thánh cả, thì ai hầu biết đặng.

Việc đi đàng nhơn đức, đừng cầu người ta thấy làm chi, cùng đừng nhớ các việc lành mình đã làm. Chẳng những giấu việc lành mình làm là hay, mà lại quên việc lành mình đã làm càng quí. Ta quên mà Đ. C. T. chẳng quên đâu. Ta quên làm vậy, là cầm mình dưỡng bằng chưa làm việc gì lành, tự nhiên nông nả tấn tới đàng nhơn đức, mà chẳng dám cậy mình kiêu ngạo. Bằng cứ nhớ các việc lành đã làm, liền phát tưởng mình đã dày công nghiệp, nên bê trễ việc lành, cùng sinh lòng kiêu ngạo. Vì vậy ông thánh Phao-lô dạy rằng: « *Phải quên các việc đã làm, mà bươn làm những sự chưa làm.* » Khác nào kẻ đi đàng, lo chóng bước tới, chẳng kể mấy bước đã qua rồi, một coi mình phải tới đâu mà thôi. Đi đàng nhơn đức cũng chẳng nên ngừng bước: hễ chẳng bước tới, ấy là lui lại. Như thuyền ngược nước, có buông tay chèo chống, tức thì trôi sụt xuống.

Ông thánh Bê-na-đô rằng: Con biết nhơn đức quí trọng, mới gia công rèn tập; tập đặng, chớ thấy quí trọng mà khoe khoang. Vì tu đức mà khoe mình, chẳng những vô ích, mà lại thêm hại. Ví dụ hai đứa tôi tớ giúp chủ nhà, giỏi công

việc bằng nhau: một đứa kể lể công lao, một đứa cầm mình không công cán; ắt chủ nhà thương đứa nầy, ghét đứa kia: thương đứa khiêm nhượng, ghét đứa khoe công. Cho nên trong Kinh thánh dạy rằng: « *Dầu bay đã giữ trọn đều răn Chúa, cũng chẳng nên khoe mình; một phải kẻ đã làm những việc phải làm, lại phải xưng mình là đầy tớ vô ích.* »

Bổn tính người ta ham nhớ việc tốt lành mình; còn những đều xấu sự dữ mình đã làm, thì khỏa lấp, chẳng muốn nghĩ tới: làm được chút gì khá khá, liền lấy làm mừng làm khoái; còn bao nhiêu việc xấu đều bỏ quên hết. Phải biết ta ở thế phải tu đức lập công, khác chi phải trả nợ đời: sống ngày nào, phải trả ngày nấy, đến giờ chết mới thôi. Cũng như khách bộ hành, chẳng nhớ phần đàng đã đi, một chăm lo phần đàng chưa đi mà thôi.

Có lời hiền nhơn kia rằng: kiêu ngạo là đầu cội rễ sinh các thứ tội: bất luận làm việc gì, cũng đều sinh kiêu ngạo đặng. Trong bảy mối tội đầu, sáu mối kia báo hại chán chường, nên dễ thấy mà dè giữ; có một mối kiêu hằng núp lén, nên khó nỗi quan phòng: nó suồn hết công linh phước đức, mà người ta không hay.

Muốn biết mối kiêu báo hại chừng nào, thì hãy coi ma quỉ: trước là thiên thần, chẳng trộm cướp gian dâm, một ỷ tài năng, mống

lòng ngạo, liền mất phước thiên đàng, phải phạt địa ngục; mất chức thiên thần, biến ra ma quỉ. Rày ai học đòi thói kiêu nó, mai sau chắc phải phạt xuống địa ngục như nó chẳng sai.

Tính kiêu căng thí chẳng khác như dầu, như lửa, như khí, như khói. Bốn món nầy tính ham lên, không chịu xuống. Dầu trộn vào nước, thì cứ nổi trên mặt nước. Kẻ kiêu cũng vậy, nó hằng trượng mình khinh chúng, cứ muốn ở trên người ta: thấy ai có công linh, liền ra sức che lấp, kẻo người ta được tiếng hơn mình. Lửa tính cứ phừng lên: gặp vật gì cháy vật nấy, thêm củi càng bừng lên, có tra tay mà tắt liền phỏng. Đứa kiêu cũng vậy, kẻ gần nó khinh khi, người xa nó phỉ báng, khen nó càng phừng lên, chê, chẳng khỏi nó hại. Khí là thứ hay xao động: ở cao chẳng yên, ở thấp chẳng lặng. Người kiêu ở bức cao, nó khinh dể người ta, ở bực thấp, nó hổ hang với thiên hạ. Khói bởi lửa mà ra, làm mù quáng con mắt, lên chưa bao cao, đã tan mất. Chứng kiêu ngạo bởi tài đức mà ra, che lấp trí khôn, ham lên cao, mà chẳng được mấy hồi, phải hư mất. Ôi! lửa sáng sinh khói đen, nhơn đức tốt lành sinh kiêu ngạo xấu xa! Thật là mẹ lành sinh con dữ! Lời ông thánh Au-cu-xi-tinh dạy rằng: Làm nhiều việc lành phước đức, mà để ý kiêu lòn vào, thì các việc lành đã làm, đều mất công nghiệp thảy thảy. Các tội khác sinh ra

trong sự dữ: như tham lam, lỗi tại trộm cắp; dâm dục, lỗi tại vui hèn xác thịt. Có một chứng kiêu ngạo lỗi tại trong việc lành. Áo quí sinh sâu, sâu lại cắn nát áo; nhơn đức sinh kiêu, kiêu phá hết nhơn đức. Có lời Đ. C. G. dạy rằng: « *Bay làm lành đừng có ý cho người ta hay biết: chẳng vậy, việc lành bay vô ích, chẳng đặng phần thưởng trên trời.* »

Ông thánh Ba-gi-li-ô rằng: Chúng con làm việc lành phải giữ cho khỏi ý kiêu: vì chứng kiêu như quân ăn cướp, chẳng bắt kẻ tay không, chẳng chậu thuyền trống ruột; một cứ người có của, cướp thuyền chở đầy mà thôi. Chứng kiêu hễ có việc lành liền tới, không có thì thôi; nên khi làm lành phải dè giữ cho lắm. Khói giem con mắt thể nào, thì kiêu ngạo cũng mù trí khôn như vậy. Người kiêu không được chút nhơn đức dính tay, cũng ngờ mình có; tội lỗi đầy đầu, mà cũng tưởng mình không: nên khó nỗi cải dữ về lành lắm.

Kẻ kiêu đã nghịch cùng Chúa, lại chích với người ta; nên Đ. C. T. ghét nó, mà thiên hạ chẳng ai ưa. Ông thánh Bê-na-dô rằng: Thuở xưa có một thiên thần kiêu ngạo, rủ các thần khác dua theo, thì hết thảy Chúa đã đuổi ra khỏi thiên đàng; rày người ta kiêu ngạo, Chúa lại cho vào thiên đàng sao? Thiên thần kiêu ngạo Chúa đã chẳng dung; người ta kiêu ngạo,

Chúa lại dung cho sao? — Vì cớ gì người ta ghét đứa kiêu? Là tại nó tôn mình khinh chúng, lấy mình làm cao sang, người ta hèn mạt, khoe mình chê thiên hạ; nào ai yêu đặng mà chẳng ghét sao?

Kẻ kiêu căng cũng hằng giận ghét người ta luôn: vì ở đời có kẻ trên người dưới, hay là đồng hạng với nhau: nó thấy kẻ ở bực cao, mình bươn theo chẳng kịp, thì ganh gổ; kẻ ngang vai đồng hạng, mình trổi hơn chẳng nổi, thì ghen tương; kẻ bực dưới chẳng qui lụy phục tùng như ý nó, thì giận ghét. Các nết xấu khác hay kiếm bạn bè, ví dụ: trai gái, cờ bạc, một mình không đặng. Có một mình đứa kiêu hễ gặp người kiêu, liền kình địch cãi cò, tranh công lấn thế với nhau, chẳng hề hoà hảo đặng.

Đ. C. G. phán ví dụ: « *Cửa thiên đàng thấp nhỏ, đàng lên trời hẹp hòi. Kẻ cúi đầu dón vóc mới vào đặng; ai vác mặt phình hông vô chẳng lọt; nên ít kẻ được vào thiên đàng.* » Vì kẻ cúi đầu dón vóc là người khiêm nhượng, mà kẻ khiêm nhượng thật thì ít lắm. Cửa địa ngục thì cao lớn, đàng vô đó minh mông, ngước mặt xàng xê đều vào được hết; nên kẻ xuống địa ngục đông vô số; vì kẻ kiêu căng thì nhiều lắm, cho nên Đ. C. G. dạy rằng: « *Bay hãy học cùng Tao mà ở hiền lành khiêm nhượng thật lòng, thì mới đặng bình an trong linh hồn.* »

Ông thánh Au-cu-xi-tinh rằng: Người khiêm nhượng chẳng dám cậy công nghiệp mình, một cậy lòng nhơn lành Chúa, cho nên cầu xin sự gì thì Chúa nhậm lời. Vậy dầu con đặng công cao đức cả, bằng thiếu lòng khiêm nhượng, thì các việc con đều ra vô ích thảy thảy. Con làm việc lành bởi lòng kiêu, chẳng những luống công vô ích, mà lại mắc tội: Đ. C. T. chẳng thưởng việc lành con, một phạt tội kiêu con mà thôi. Con muốn cho được ơn Chúa, thì đừng cậy công đức mình chút nào, một cậy công nghiệp vô cùng Đ. C. G., mà nài xin, mới nhằm cách cầu nguyện, thì Chúa mới nhậm lời. Phải biết mọi việc lành người ta làm, thảy đều bởi ơn Chúa mà ra. Nên người khiêm làm được việc gì lành, đều qui về Đ. C. T. hết; khác nào tôi tớ trung nghĩa, lãnh tiền bạc đi buôn bán, lợi đặng bao nhiêu, giao lại cho chủ hết. Còn kẻ kiêu thí chẳng khác học trò bạc ác kia, thầy gia công dạy nghề nghiệp, nó học được nghề rồi, thì trở lại khinh thầy. Người kiêu đặng ơn Chúa làm được việc lành liền quên Chúa, một khen mình mà thôi.

Đức Chúa Giê-Giu dạy Môn đồ cho biết sức riêng người ta yếu đuối dường nào, thì phán ví dụ rằng: *« Tao là cây nho, bay là nhánh: nhành nào dính trong cây, mới sống, mới sinh hoa quả đặng; nhành nào lìa cây, liền phải khô héo. Bay nương Tao, mới làm nổi việc lành; bằng lìa*

Tao, ắt chẳng làm đặng việc gì lành sớt. » Ông thánh Au-cu-xi-tinh gẫm lời ấy rằng: Chúa phán ví dụ nầy dạy ta cho biết sức ta yếu đuối hèn hạ là dường nào. Kìa nhánh cây khác gẫy ra, còn dùng nên việc; song nhánh nho rơi xuống, chẳng dùng được việc gì, một nhúm lửa mà thôi. Suy đó liền biết mọi việc lành phước đức ta làm, đều bởi Đ. C. T. mà ra thảy thảy; nên chẳng dám kiêu căng qui công cho mình chút nào.

Ông thánh Ăm-pho-lo-xi-ô rằng: Kẻ kiêu ngạo kẻ tội lỗi thì đua kiêu với nhau; còn Chúa ta với các thánh thì đua nhau khiêm nhượng. Đ. C. G. dạy ông thánh Gioang làm phép rửa, người liền từ chối rằng: Chúa là Chúa chí tôn vô đối, tôi là người phàm hèn tội lỗi: tôi phải xin Chúa rửa tôi; có lẽ nào Chúa dạy tôi rửa Chúa? Chúa toan rửa chơn các thánh Tông Đồ, ông thánh Vê-rô chẳng dám chịu, liền thưa rằng: Thầy là Chúa cả trời đất, tôi là đứa hèn mạt tội lỗi, đâu dám cho Chúa rửa chơn tôi. Chúa rửa chơn, thánh Tông Đồ không dám chịu, ấy là Chúa cùng thánh tỏ lòng khiêm. Còn kẻ kiêu tranh cao với nhau, ấy là ma quỉ tranh nhau mà chớ.

Ông thánh Phao-lô rằng: « *Ba mươi ba năm Đ. C. G. ở thế, là kho tàng tích nhơn đức khiêm nhượng* »: sinh trong hang lừa, nằm trên máng cỏ, tấm vải che thân, thợ mộc nuôi mình, chết trần trên cây thánh Giá. Dầu Chúa chẳng mở miệng

mà trách ta kiêu hãnh; nhưng mà hang lừa, máng cỏ, tấm áo, nghề hèn, chết tất tưởi, nên như tiếng lớn hằng kêu trách giục bảo ta phải bỏ chứng kiêu ngạo, mà học khiêm nhượng theo gương Chúa. Hỡi ôi! Ta mê muội cho đến đỗi nào! kìa Chúa Trời đất cao trọng vô cùng, đã hạ mình xuống cho hèn cho mạt; mà ta là vật hèn tội lỗi, lại muốn tưng mình lên cho cao cho trọng, hầu làm sao! Thật đã đáng thẹn thuồng mà chớ!

Có lời Đ. C. G. ngợi khen Đ. C. Cha rằng: « *Lạy Đ. C. Cha, là Chúa cả trên trời dưới đất: Cha đã bỏ loài kẻ kiêu ngạo thông minh thế gian, chọn kẻ khiêm nhượng thật thà dốt nát, mà khai quang cho phỏ kẻ ấy đặng thông minh nhơn đức, cầm giềng mối việc đại sự trong trời đất, là cao rao đạo thánh Chúa chớ thiên hạ.* »

Con coi Chúa chọn mười hai Tông Đồ, là những người chài lưới dốt nát, mở mang đạo Thánh Chúa, mà chẳng thèm chọn kẻ thông minh tài trí thế gian. Như Chúa dùng kẻ thông thái nhứt trong thế gian, chẳng hay hơn sao? Nhưng mà phỏ kẻ ấy hay ỷ tài cậy trí, đầy lòng kiêu hãnh, nên chẳng thấu hiểu đạo cao sâu mầu nhiệm Chúa đặng. Như lời Chúa quở trách quân nghịch đẳng rằng: « *Bay kiêu căng tự thị, giả hình cầu danh, lẽ nào nghe lời Tao dạy đặng. Kẻ muốn vưng giữ đạo Tao truyền, phải hạ mình xuống*

tin phục lời Tao mới đặng, phần bay những cậy trí tin mình, lẽ nào tin đạo Tao đặng. »

Ông thánh Phao-lô rằng: « *Chúa chọn kẻ ngu muội đời nầy, mà làm cho kẻ thông minh thế gian xấu hổ; dùng người yếu đuối, mà làm cho kẻ mạnh mẽ nhước nha; lựa kẻ thấp hèn mà làm cho kẻ cao sang sỉ nhục.* » Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: Ơn Đ. C. T. như của châu báu tích để trong kho, có niêm có khoá: chẳng có chìa khoá là đức khiêm nhượng, thì chẳng mở lấy đặng.

Có lời hiền nhơn thí dụ rằng: Xưa có một người khiêm một người kiêu, giành vì cao với nhau, kiện tới toà Chúa, xin Chúa phân xử. Người kiêu tàu trước rằng: Tôi ở chốn triều đường, lầu cao dinh cả, thiên hạ tôn phục kính vì; còn tên nầy hèn hạ, được chút khiêm, là việc đứa tiểu nhơn, muốn đối địch với tôi đâu nổi. Người khiêm đáp rằng: Thật anh cao sang, tôi hèn mạt, thế gian khinh dể; may nhờ Đ. C. Con đoái thương tôi, Đức Mẹ yêu dấu tôi, thần thánh thương yêu tôi. Lại khi Chúa còn ở thế, đã hứa bực cao thiên đàng cho tôi rằng: Bay hãy ở khiêm nhượng như con nít, thì sẽ đặng bực cao thiên đàng. Chúa đã hứa với tôi, chắc chẳng bỏ tôi. Hai bên tâu rồi đối đáp đoạn, Đ. C. T. phán đoán rằng: Sang trọng thế gian, là phần thưởng đứa kiêu; trước đã đặng cao sang rồi, nên sau phải thấp hèn, mới nhằm lẽ công chính. Còn khiêm

nhượng là nhơn đức người thánh : trước đã thấp hèn, thì sau đặng cao trọng, mới hiệp lý.

Ông thánh Au-cu-xi-tinh rằng : Các nhơn đức là bực thang lên thiên đàng, mà đức khiêm nhượng là bực thang dưới hết ; phải bước vào bực nầy trước đã, mới lên đặng ; cũng như lên lầu cao, có bước vào bực rốt trước, mới lên đặng.

Ông thánh Ghê-rê-gô-ri-ô rằng : Đức khiêm nhượng là cữa đưa ta vào cho hiểu lẽ cao sâu mầu nhiệm : kẻ khiêm được vào, người kiêu thì không. Vốn Đ. C. T. hằng muốn người ta chịu lấy ơn Chúa ; mà khốn thay ! tính kiêu tràm đàng lấp cữa, chẳng cho ơn Chúa vào lòng người ta đặng.

Ông thánh Au-cu-xi-tinh rằng : Chúa sinh con sâu bọ nhỏ thó làm hại người ta, cho đặng phạt tội kiêu ngạo ; mà chưa biết tỉ còn tưng mình lên, thật đáng hổ thẹn là dường nào !

Đ. C. G. dạy rằng : « *Ai chẳng hoá ra như con nít, thì chẳng đặng vào nước thiên đàng.* » Ông thánh Ám-pho-lo-xi-ô rằng : Con hãy coi con nít nhỏ vóc dịu dàng, hằng tríu mến chẳng rời cha mẹ, chẳng giận dữ, kiêu căng, chẳng oán thù chưởi rủa, chẳng trau tria láo xược, chẳng ham thế tục tài sắc, dễ biểu dễ dạy. Con bắt chước như vậy, chắc thẳng tới thiên đàng, dễ như không ; bằng chẳng vậy, khó nỗi trông lên trời lắm.

ĐOẠN THỨ HAI

Yêu người chớ khá ghen ghét.

Ghen ghét là làm sao? Là buồn rầu vì người ta thạnh lợi, vui mừng vì người ta mắc nạn. Tật ghen ghét cũng bà con với tính kiêu ngạo: hay ghim gút sự dữ người ta, đàm tiếu chuyện xấu kẻ khác, thấy người ta hoạn nạn thì vui mừng; ấy là nết xấu bởi lòng ghen tương mà ra. Quân tử Sê-nê-ca rằng: Phước lộc càng chung, càng quí: mình được vinh hoa thạnh lợi, mà không ai nhờ với, thì cũng chưa kể là phước. Kẻ có tính ghen tương lại nghĩ rằng: Một mình được phước, mới kể là phước; bằng người ta cũng đặng, thì phước mình được cũng như không.

Các tội khác bởi lòng ham vui mới phạm: như tham vui của cải, mới sinh trộm cắp; ham vui xác thịt, mới phạm tà dâm. Còn tội ghen ghét thì khác: chẳng những hại linh hồn, mà lại lòng trí hằng ưu sầu phiền muộn, chẳng đặng chút an vui. Cho nên nói đặng kẻ phạm tội khác là ham vui tạm mà làm cho mình phải khốn đời đời; còn kẻ ghen ghét thì lấy sự buồn rầu đời

nầy mà mua hình khổ đời sau vô cùng. Ấy vậy kẻ ghen ghét vào hai địa ngục: một là địa ngục đời nầy, nó gia hình cho nó; hai là địa ngục đời sau, quỉ gia hình cho nó.

Kẻ ghét người ta chẳng những hại trí khôn, hại linh hồn, mà lại khốn phần xác nữa. Như lời Kinh thánh rằng: « *Kẻ tích lòng ghét người ta, thì chẳng đặng sống lâu.* » Vì ghen ghét sinh hờn giận, mà hờn giận thì xác hồn mất sự bình an: bề trong bề ngoài chẳng đặng bình an thơ thới, nên sinh nhiều chứng bịnh dị kỳ. Như chẳng lấy đức thương yêu mà hãm dẹp tính ghen ghét, dầu có thuốc mầu, cũng chẳng chữa các bịnh ấy đặng. Bởi đó chẳng đặng sống dai.

Tật ghen tương xấu hơn chứng giận dữ vì giận hờn là tại người ta phạm đến mình, cho nèn sự giận dữ bởi tại người ta mà nổi lên. Còn chứng ghen tương bởi lòng kiêu ngạo mình mà sinh ra: những lo phương kiếm thế hại người ta, kẻo nó được phước đức hơn mình.

Tật ghen ghét cũng xấu hơn bịnh hà tiện: kẻ hà tiện chẳng bố thí giúp ai, nhưng vậy chẳng đem lòng ghen ghét ai. Còn kẻ ghen tương đã chẳng chịu cho ai, mà lại thấy người ta được sự lành thì phiền muộn.

Đ. C. T. nhơn lành hay thương yêu, hằng ban ơn phước cho người ta, đã dựng nèn mặt trời mặt trăng soi sáng, gió mưa tư nhuận, cho

mọi người được nhờ, bất luận kẻ lành kẻ dữ. Song kẻ ghen tương thấy người ta đặng sự lành lại rầu, thấy người ta phải tai nạn mới vui. Nó muốn cho Đ. C. T. bỏ hết mọi người, lo cho một mình nó mà thôi; muốn Chúa thương yêu một mình nó, mà ghét hết mọi người; muốn Chúa ban ơn rộng rãi cho một mình nó, mà đừng ban ơn cho ai nữa. Kìa lòng nó xấu cho đến đỗi nào?

Kẻ kính mến Chúa trên hết mọi sự, thương yêu người ta như mình, thấy ai mắc nạn, cầm như mình mắc, liền đem lòng thương giúp. Thấy người ta đặng phước, thì mừng như mình đặng, mà cám tạ ngợi khen Đ. C. T. là chính căn bổn mọi ơn phước. Kẻ ghen tương chẳng phải như vậy: nó thấy người ta đặng phước, cầm như mình mắc nạn; thấy người ta lâm lụy, liền mừng như mình được phước. Mình đặng người ta cũng đặng, chưa kể là đặng; mình trọng người ta cũng trọng, chưa lấy làm trọng. Nó trông sao cho mình có, người ta không; mình trọng, người ta hèn, mới phỉ lòng toại chí. Ấy vậy nó lấy phần phước người ta làm tai hại cho mình. Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô gọi kẻ ghen ghét rằng: Bởi người ta sáng, nên mình tối, bởi người ta vui, nên mình buồn, bởi người ta lành, nên mình dữ, bởi người ta mạnh, nên mình đau, bởi người ta sống, nên mình chết. Thật khốn nạn là dường nào!

Kẻ có đức yêu người thì vui cùng kẻ vui, buồn với kẻ buồn, sự người ta ưa mình cũng ưa, người ta ghét mình cũng ghét. Có loài ma quỉ ghét kẻ được phước, mừng người mắc nạn mà thôi. Kẻ ghen tương đồng một bụng với ma quỉ, ắt là một đẳng với ma quỉ mà chớ. Đ. C. G. phán cùng môn đồ rằng: « *Bay thương yêu người ta, mới thật là môn đệ Tao.* » Ma quỉ là loài ghen ghét, song chẳng ghét nhau, một ghét người ta mà thôi. Kẻ ghen tương người một loài với mình, thì xấu hơn ma quỉ bội phần.

Kẻ kiêu mấy gặp người khiêm cũng dễ chịu, giận mấy, gặp kẻ nhịn, cũng mau nguôi, tham mấy được của rồi cũng ngán bớt; các nết xấu thể ấy còn có lẽ dễ sửa. Song tật ghen tương chẳng ưa phước đức người ta, cho nên ai càng phước đức, nó càng ghét. Con càng nhịn, nó càng ghét đức nhịn nhục con; con khiêm nhượng chừng nào, nó ghét đức khiêm nhượng con chừng nấy. Con được phước đức bao lâu, nó ghét bấy lâu. Người ta được quờn chức của cải, thì nó đem lòng ghen ghét. Có bỏ hết của cải chức quờn, mới làm cho nó hết ghét đặng. Tính khí nó làm vậy! Nào ai chịu bỏ phước đức, đánh mất linh hồn, cho nó khỏi chứng ganh gổ sao?

Nết xấu nào cũng dắc người ta làm hại kẻ khác, làm xấu hổ cho mình, nhưng mà vì chẳng bằng tính ghen tương.

Xưa trong nhà dòng kia có hơn trăm người khôn ngoan đã bỏ thế gian vào tu đó. Có một thầy trẻ tuổi, đức hạnh trổi xa, tên là Ba-nô. Thầy kia thấy vậy ghen tương, lập kế gia hại: bèn lấy sách mình đã chép mấy ngày, đem giấu trong phòng thầy Ba-nô. Đến kỳ hội hiệp, ai nấy phải đem sách mình đã chép từ ngày, mà nộp cho bề trên; thầy ghen ghét ấy đến tay kbông mà phân phô trước mặt các thầy rằng: Sách tôi chép, ai ăn cắp mất rồi, trình cha bề trên xin soát. Đoạn bề trên soát thấy trong phòng thầy Ba-nô. Mọi người nghe đều lấy làm lạ cớ sao người bấy lâu nhơn đức thể ấy, mà còn làm bậy dường nầy. Nhưng mà thầy Ba-nô chẳng cãi lẫy, chẳng chịu mình lấy, một qui gối xin tha. Cha bề trên chiếu luật phạt tội, rồi cho ở lại trong dòng, khỏi đuổi. Thầy ghét kia thấy được việc, mặc sức khoái dạ mừng thầm. Chẳng hay ma quỉ nhập vào thầy ấy, nói rỗ cớ sự thật giả trước mặt các thầy, cùng làm khốn cực thầy ghen ghét ấy. Ai nấy thấy vậy càng thêm kính phục thầy Ba-nô hơn nữa, vì Đ. C. T. tỏ phép lạ làm chứng nhơn đức người. Đoạn các thầy cầu xin Chúa đuổi ma quỉ ra khỏi mình thầy ghen tương ấy, song chẳng dặng. Thầy Ba-nô lạy xin Đ. C. T, thì ma quỉ mới chịu xuất ra.

Xấu hổ cho kẻ ghen ghét là dường nào! mình đã chẳng lo nhơn đức cho hơn người ta,

một lấy tính ganh quyết hạ người ta xuống; sau hết chẳng thoát khỏi phép công minh Đ. C. T. đặng: nhơn đức kẻ lành càng rạng tiếng, mà tội mình ghen tương càng thêm tố lộ. Bởi vì danh thơm tiếng tốt là của Đ. C. T. ban, nên kẻ ghét danh tiếng người ta, ấy là ghét Chúa; lẽ nào Chúa nhịn. Chẳng những phạt đời sau, mà lại đời nầy Chúa cũng chẳng dung tội nó.

Tiếc thay! Kẻ ghen ghét ngu muội, chẳng biết suy hơn tính thiệt cho tỏ tường. Người ta được phước, cũng chẳng thâm phạm gì đến phước mầy, cớ sao mầy ganh? Người ta mắc nạn cũng chẳng bớt hoạn nạn cho mầy phần nào, thì mầy mừng làm chi? Mầy ghen tương muốn cho mình thạnh lợi, người ta thua thiệt, e người ta chưa thiệt hại, mà mầy đã phải thiệt hại rồi. Mầy ganh tài đức người ta làm chi? đàng tài đức rộng rãi minh mông; cả và thiên hạ ai vào ai đi cũng đặng hết, ai lấy ai dùng cũng chẳng thiếu. Khác nào ngọn đèn, có nhen thêm trăm ngàn ngọn, cũng chẳng bớt sáng phần nào, mà lại thêm sáng xấp trăm xấp ngàn hơn nữa. Người ta có tài có đức, muốn bắt chước, chẳng ai ngăn cấm. Mầy có tài có đức muốn phân phát cho người ta cũng chẳng hao mất phần nào.

Kẻ ghen tương thường trông cho thắng hết mọi người. Dầu nó hơn được mấy muôn người cũng chưa phỉ dạ; nó thua một hai người, ắt đã

đầy lòng phiền muộn. Kẻ trổi, nó ben chẳng kịp, cũng ghét; ai bằng, nó hơn không được, cũng ghét; người thua, nó sợ sau hơn, cũng ghét: nó ghét hết mọi người mọi bực chẳng chừa ai, một mình một thế mọi người là kẻ thù, không ai là bạn hữu nghĩa thiết. Trên nó chẳng mến Đ. C. T., dưới nó chẳng ưa người ta. Dầu cho nó đặng phước lộc cả và thế giái, thì nó thật là đứa khổ nhứt trên đời luôn.

Nhơn đức công nghiệp là cội rễ sinh danh thơm tiếng tốt: hễ có nhơn đức, ắt là có danh tiếng. Kẻ lành thấy ai có nhơn đức, dầu chẳng thương, cũng không ghét. Kẻ ghen ghét ham danh vọng mà chẳng đặng, vì chẳng có nhơn đức, cho nên những ước cho người ta hèn, mình sang, người ta thua thiệt, mình thạnh lợi. Ấy là duyên cớ kẻ ghen tương cầu danh tiếng thì làm vậy.

Chẳng nên nhớ sự dữ người ta.

Kẻ lành là gương sáng cho thiên hạ soi việc phước đức kẻ lành nên gương chiếu cho người ta thấy việc xấu mình mà chừa cải. Vả người lành mấy cũng chẳng khỏi một hai đều sớ lỡ. Kẻ ghen ghét liền chíp lấy đó; còn những việc lành cả thể, thì giả điếc làm ngơ, chẳng màng ngó tới. Ấy là lấy gương mù soi mặt, nào thấy đặng mặt

mình lem luốc sao? Cho nên chẳng những chẳng thấy việc xấu mình, mà lại thêm ghét dơ hơn nữa. Khác nào chim mèo ghét yếng sáng ban ngày; ngày càng sáng, thì con mắt nó càng mù.

Lấy lòng mình mà xét việc người ta, cũng như lấy kính thủy tinh mà coi vật; sắc vật đều tùy theo sắc kính: hễ kính vàng, thì thấy mọi vật cũng đều vàng. Kẻ có lòng thương yêu, thì mọi sự đều tỏ ra việc thương yêu; ai có lòng ghen ghét, thì mọi sự đều bày ra hình ghen ghét. Con coi kẻ có đức yêu người, thấy việc lành người ta, liền tin; thấy sự dữ, liền chữa. Khi thấy ai lầm lỗi, thì đoán là tại vô ý, chẳng có bụng xấu. Dầu thấy ý xấu, cũng còn chữa cho nó bởi rủi ro lầm lỡ. Hoặc chẳng chữa đặng phía nào, thì đổ tại cực quá nó mới làm vậy, lâm hồi mình có gặp việc như nó, hoặc mình quá hơn nữa chăng. Coi kẻ có đức thương yêu thấy sự dữ người ta, còn động tình chữa cho nó, huống lựa là thấy việc lành. Khác nào con ong mật, dầu hút nhằm hoa đắng, cũng làm nên mật ngọt.

Kẻ hay ghen tương thì khác, nó thấy sự dữ người ta, liền chê cười; thấy ai lỗi chút đỉnh, bèn kể là tội to. Thấy việc lành người ta, liền nghi hoặc, chẳng chê là giả hình, cũng nói là việc mặc may chẳng mấy thuở. Nó thấy việc lành người ta, còn xấu thêm thể ấy, huống chi

thấy việc dữ. Chẳng khác chi rắn độc, dầu nhụy hoa cũng lấy mà làm nọc độc.

Người nhơn đức thật, nó nói giả hình. Kẻ khiêm nhượng, nó chê là hèn hạ. Ai nhịn nhục nó chê rằng yếu nhát. Người sốt sắng nó nói giả đò. Kẻ ở thanh liêm nó nói mua danh tiếng. Người ít nói nó chê lù khù. Người khoa ngôn ngữ nó chê liến xáo. Ở ngay thẳng nó chê cứng cỏi. Ở đằm thắm nghiêm trang, nó nói làm duyên làm sỉnh. Ở hoà nhã vui vẻ, nó cho là a dua nịnh đọc. Có bố thí làm ơn, nó chê phá của. Ở tiết kiệm nó chê hà tiện. Lấy lời lành khuyên người, thì nó nói cầu danh vọng. Nói tắt một lời, mọi việc lành mọi phước đức người ta, vừa qua con mắt kẻ ghen tương, liền hoá ra việc dữ thảy thảy. Vì cái lưỡi là ngọn, tấm lòng là gốc; nên kẻ có bụng ghen tương, thì phát ra những lời ghen tương mà chớ. Như cây trên rừng, đứng gió thì chớ, có gió liền rung, càng gió càng day động. Lòng đứa ghen ghét cũng vậy, ai không việc lành phước đức thì thôi, mà có việc lành phước đức càng nhiều, thì nó càng nổi chứng ghen ghét.

Đoán xét việc lành việc dữ người ta là đều rất khó, vì tội phước bởi lòng ý mà ra. Tâm tình cũng như con mắt; con mắt sáng, cả mình đều sáng; con mắt tối, cả mình cũng tối. Con chẳng thấy tình ý trong lòng người ta, lẽ nào đoán việc lành dữ người ta đặng. Có một mình Đ. C. T. thấy

biết mọi sự kín nhiệm trong lòng mọi người, mới đoán đặng mà thôi. Như lời Kinh thánh dạy rằng: « *Chẳng nên đoán việc người ta trước kỳ Chúa phán xét. Đến ngày phán xét mọi việc kín nhiệm trong lòng người ta, sẽ bày ra tỏ lộ; chừng ấy mới biết rõ ai đáng khen, ai đáng chê.* » Cho nên rày thấy việc bề ngoài, mà đoán sự xấu trong lòng người ta, ấy là cướp quờn Đ. C. T., mắc tội kiêu ngạo chẳng sai.

Lời Kinh thánh dạy rằng: « *Kẻ lấy sự dữ làm lành, lấy việc lành làm dữ, thì Đ. C. T. ghét lắm.* » Thấy việc dữ bề ngoài, còn chưa nên đoán xấu cho người ta, huống chi thấy việc lành mà đoán dữ thì làm sao? Dầu cho may trúng, nhưng mà chưa rõ đầu đuôi, đoán bậy cho người ta thể ấy, thì khỏi tội làm sao đặng. Cứ lòng ngay lẽ chính mà xét đoán, còn sợ lầm lạc: phương chi lấy bụng ghen tương mà quả quyết việc lành dữ người ta, thì khỏi lầm sao đặng? Vì lòng ghen tương làm cho mờ mắt tối trí, chẳng còn phân minh việc thật giả, suy biết việc nên hư, lẽ nào đoán cho nhằm đặng? Ông thánh Phao-lô rằng: « *Người ta lành dữ, nữa sau Chúa phán xét, nào có can chi đến con. Sao con chẳng xét mình con, muốn xét việc thiên hạ làm chi?* »

Những đều lành việc tốt người ta, con lấy con mắt ghen tương mà xem, đều hoá ra việc dữ; có lấy lòng công chính mà coi, mới thấy

là việc lành. Vậy khi thấy ai làm sự lỗi, tức thì con coi lại trong mình, hoặc con đã phạm nhiều tội nặng hơn nó. Con chẳng trách nhiều tội nặng mình, mà trách một chuyện xấu người ta, sao cho phải lẽ?

Có kẻ hỏi hiền nhơn kia rằng: Vì ý nào tôi hay nhớ lỗi người ta? Người đáp rằng: Bởi anh chẳng suy đến tội lỗi anh.

Xưa trong viện tu có một người phạm luật nhà, người ta tưởng phải phạt nặng, bèn dẫn tới bề trên tên là Môi-sen, xin người định phạt. Tức thì thầy bề trên lấy cái bị lớn, bỏ cát vào nặng lắm, đoạn rán mang sau vai, đi qua giữa các người ấy. Có kẻ hỏi mang làm chi, thì người đáp rằng: Những hột cát trong bị nầy là tội lỗi ta, đã nhiều lại nặng, ta mang chẳng nổi, bỏ chẳng rồi; có thong thả đâu mà tra xét lỗi kẻ khác, còn sức lực gì mà đoán xét tội người ta. Ai nấy nghe thì mất cỡ mà tản đi.

Có một người quân tử, tên là Ca-tô. Kẻ ghét chê rằng: Ca-tô đêm ngày những lo ăn uống, đâu đáng gọi là quân tử. Người kia cãi rằng: Ca-tô đêm ngày cần cán sửa sang việc nhà nước, anh không nghe thấy sao? Sao anh chẳng nói công nghiệp người? Hãy coi Ca-tô là người thật tốt, mà kẻ ghét chê là người mê ăn uống, kẻ chẳng ghét thì khen là người quân tử.

Xưa có một người nhơn đức, tên là Can-ta-ri-nô, hễ gặp một người nghèo thì rằng: Tôi phải hổ ngươi, vì chưa dứt bỏ thế gian, nên nghèo khổ như người nầy. Thấy người giàu, thì rằng: Tôi phải mất cỡ, vì chưa giữ nhơn đức cho bằng người nầy giữ của cải. Thấy người nữ trang điểm thì rằng: Tôi thẹn thuồng vì chưa trau giồi đức hạnh cho đẹp lòng Đ. C. T., cho bằng người nầy chuốt đạng cho đẹp mắt thế gian. Cả đời người cứ như vậy. Khi chết đoạn hai con mắt sáng loà như hai ngôi sao. Những kẻ thấy, lấy làm lạ lùng lắm, thình linh có tiếng phán rằng: Người nầy cả đời những coi người ta mà sửa mình cho trọn lành, nên nay Đ. C. T. thưởng cho hai con mắt chói loà rực rỡ.

Chẳng nên nói gièm.

Ông thánh Gioang Kim-khẩu rằng: Tưởng đến sự xấu người ta, thì dơ lòng mình; nói đến việc xấu kẻ khác, dơ miệng mình; mó đến sự xấu người ta, dơ tay mình. Kẻ nói hành khác nào con heo chạy vào vườn hoa: hoa thơm chẳng kể, nước trong chẳng thèm, một ham chỗ bùn thúi nước dơ mà thôi. Kẻ nói hành thấy ai nói việc đức hạnh tài năng người ta, là đều đáng khen, đáng bắt chước, thì nó chẳng thèm nghe thèm hỏi tới;

còn nói đến chuyện xấu, lỗi kín người ta, thì nó ham nghe ham hỏi, giục nói cho mau: đoạn chíp lấy vào lòng, rồi nói ra cho kẻ khác, mới ưng lòng đẹp dạ.

Kẻ nói hành khác nào đứa ăn trộm, ban ngày sợ chúng thấy, chẳng dám kiếm chác vật gì; chờ đêm tối tăm, mới xoi thềm khoét ngạch, suồn của cải người ta. Kẻ nói hành làm bộ người lành, nói tử tế trước mặt, sau lưng liền phỉ báng. Chẳng những nó như đứa ăn trộm, mà lại hại người ta hơn nữa: vì ăn trộm làm cho người ta mất của cải; mà kẻ nói hành, làm cho người ta mất danh thơm tiếng tốt.

Nó dữ hơn địa ngục: vì địa ngục nuốt kẻ chết dữ mà thôi. Còn đứa nói hành thì bất kỳ kẻ lành kẻ dữ, bất luận sống chết, nó cũng nuốt ào. Nó hại người ta hơn ma quỉ; vì ma quỉ cám dỗ, cũng chưa chắc người ta nghe theo; dầu có sa chước, cũng làm lén lúc một mình, không dám cho ai hay biết; bất quá hại một người ấy mà thôi. Còn đứa nói hành che lấp đức hạnh người ta, làm cho chúng nghi nan, hết thương hết mến kẻ ấy; lại bán rao lỗi kín người ta cho chúng biết, mà chê ghét kẻ ấy. Coi đứa nói hành làm hại là dường nào! Ắt là hại hơn ma quỉ mà chớ.

Lưỡi nói hành tuy nhỏ, mà thật hại to. Như lời ông thánh Bê-na-đô rằng: Lưỡi nói hành độc hơn đọc rắn: rắn độc cắn một miếng, bất quá

hại được một người, mà có thuốc chữa cũng không sao. Còn lưỡi nói hành buông ra một lời, hại đến ba người: một người nói, một người bị xấu tiếng, một người nghe. Kẻ nói hành, bởi lòng ghét mà phạm tội; kẻ nghe bởi lòng vui cũng phạm tột; người bị nói hành sinh lòng giận cũng phạm tội.

Nhơn vì sự ấy, mất nước hư nhà, bạn hữu bất hoà, anh em bất thuận, cha con ghét nhau, vợ chồng lìa nhau, cũng tại sự nói hành mà ra. Như lời Kinh thánh rằng: « *Lời nói hành như gươm như tên, hại người ta vô số.* » Lại rằng: « *Kẻ có lưỡi đôi, một phía nói hành, một phía nói dữ, ắt phải khốn mà chớ...* » Đứa hay nói hành thường bị tranh tụng, bị chết khốn nạn; vì hại nhơn, nhơn hại chẳng khỏi đặng. Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: Ai thổi tro, thì đui con mắt phần xác; ai nói hành cũng đui mắt phần hồn. Lại rằng: Kẻ lên thiên đàng chẳng nói hành, kẻ nói hành chẳng đặng lên thiên đàng.

Kẻ nói hành quyết nhận người ta xuống hầm, mà sau hết chính mình nó phải sập hầm. Có hiền nhơn kia đặt thí dụ dạy rằng: Sư tử là vua các thú vật, ngày kia mắc bịnh nặng, các thú vật đến thăm; còn chồn cáo chưa đến. Chó sói đến trước mặt sư tử, gièm chê con cáo rằng: Đức vua làm bịnh, chúng tôi đều chạy đến viếng thăm chầu chực bết thảy; có một mình con cáo

khinh dị, chẳng thèm đến viếng thăm, thật đã nên đáng ghét. Chẳng khỏi bao lâu chồn cáo đến, mới hay chó sói nói hành mình. Chồn cáo bước vào lạy chầu, sư tử thạnh nộ mà quở rằng: Sao bây giờ ngươi mới tới? Cáo rằng: Cáo hèn chẳng dám trễ, nhơn hồi đức vua lâm bịnh, các thú vật đến thăm tay không, chẳng lo kiếm thuốc; còn cáo hèn những mãng chạy khắp phương tìm thầy danh sư, kiếm thuốc linh nghiệm chữa bịnh đức vua, cho nên tới muộn. Sư tử nghe mừng, hỏi kiếm được thuốc nào hay, thì chồn cáo tâu rằng: Có, phải lột da chó sói sống, hồi đương nóng đắp trên mình đức vua, liền khá bịnh. Sư tử rằng: Sẵn có con chó sói, mới kiện ngươi đây, bắt lột lấy da nó mà đắp cho trẩm. Đắp rồi sư tử hết bịnh. Hãy coi, tuy là chuyện bày đặt tức cười, mà ý tứ thâm trầm, cho người ta biết kẻ mong hại người, thật là hại mình mà chớ.

Sự nói hành có nhiều cách: *Một là* vô cớ mà tỏ tội kín người ta ra. *Hai là* vui lòng nghe nói chuyện lỗi người ta. *Ba là* lỗi người ta tuy trống, mà còn nhiều người chưa biết, mình có ý bán rao, hay là thêm lời cho mạnh. *Bốn là* việc người ta làm lành dữ chưa tường, mà mình quyết là việc dữ. *Năm là* che đậy việc lành nhơn đức người ta. *Sáu là* người ta làm lành, mình chê là giả hình. Các sự xấu thể ấy, chính gốc cũng là tại nói hành.

Nhơn đức kẻ lành sáng như đèn sáp. Đèn tuy sáng, mà đầu tim cũng chẳng khỏi chút tối; có bắt tim tàn, thì đèn mới tỏ. Dầu kẻ lành mấy, cũng chẳng khỏi lỗi lầm một hai chút. Đức Chúa Trời để cho đứa nói hành bắt lỗi người lành, cho sáng nhơn đức; cũng như bắt tim, cho đèn thêm sáng. Ấy vậy lấy tay bắt tim đèn, thì đèn thêm sáng, mà tay bị lem; gièm chê nhơn đức kẻ lành, thì nhơn đức kẻ lành nổi tiếng, mà tỏ ra mình là đức xấu.

Xưa có một quan khôn ngoan, vua yêu chuộng. Ngày kia quan gặp một người nghèo đói xin giúp, liền dạy lính hầu phát tiền cho nó. Người bần cùng ấy chẳng chịu lấy tiền, một xin quan lớn cho ở trong nhà, cố công giúp việc mãn đời, thì quan đành cho. Về sau càng ngày vua càng thương yêu quan ấy. Quan kia thấy vậy, cả tiếng ghen tương, tâu vua rằng: Đức hoàng đế thương yêu quan ấy rất đỗi chí tình, song quan ấy chẳng biết đền ơn trả nghĩa, mà lại âm mưu soán vị hoàng đế. Như đức bệ hạ chẳng tin xin thử thể nầy: ngày mai quan ấy đến chầu, đức bệ hạ bảo cho người hay, ý đức bệ hạ muốn từ ngôi mà đi tu. Như quan ấy có lòng âm mưu cướp nước, nghe vậy chắc tỏ lòng mừng rỡ, ngợi khen, giục đức bệ hạ đi. Bằng nghe đức bệ hạ từ ngôi vào nhà đòng tu, mà người chẳng mừng, ắt là lời tôi tâu dối. Vốn phương tây có nhiều vua

nhơn đức, đã từ ngôi bỏ nước, vào nhà dòng tu thân; cho nên quan nịnh dùng kế ấy mà hại quan trung. Sáng ngày quan nhơn đức vào chầu, vua cứ lời quan nịnh đã bày, mà dò thử ý. Quan nhơn đức ấy chẳng hay vua thử, tưởng vua quyết đi tu thiệt, liền tỏ lòng mừng. Vua thấy vậy, thì tin lời quan tâu gièm bữa trước, liền phát nghi sinh ghét, song bề ngoài cũng nói chuyện vẫn làm khuây. Quan ấy thấy cách thức màu mè vua ăn nói khác trước, mà chẳng biết tại cớ nào; chừng về nhà mới hay có kẻ đã nói gièm bỏ vạ cho mình, mà chẳng biết kêu oan làm sao đặng. Vậy người nghèo ngày trước quan nuôi trong nhà, thấy quan ưu sầu phiền muộn, bèn hỏi, quan tỏ hết đầu đuôi tự sự. Người ấy thưa rằng: Quan lớn muốn gỡ việc oan khiên nầy chẳng có khó gì: xin quan lớn cởi hết áo chức, mặc áo dòng tu, thí hết gia tài cho kẻ khó khăn; đoạn đến chầu vua, xin phép cho mình theo vua đi tu, thì vua hiểu rõ. Quan nhơn đức ấy làm như vậy, mặc áo dòng vào chầu vua, vua lấy làm lạ mà hỏi, thì người tâu rằng: Hôm trước đức vua nói bỏ nước đi vào dòng tu, tôi tình nguyện xin đi tu với đức vua: nên tôi đã thí hết gia nghiệp cho bần nhơn rồi; nay đến chầu, tâu cho biết ngày nào đức vua lên đàng, tôi xin đi theo. Vua thấy vậy mới biết người là thật quan trung nhơn đức: đoạn cách chức quan nịnh nói

gièm kia. Thật như lời Kinh thánh rằng: « *Nó đào hầm cho người ta sập, mà chính nó phải sa.* » Kẻ ghen ghét nói gièm người ta, thường bị như vậy.

CHẲNG NÊN NGHE NÓI HÀNH.

Trong Kinh thánh rằng: « *Mặt buồn phá lời nói hành, cũng như gió bắc thổi tan đám mây.* » Lời ấy nghĩa là gì? Nghĩa là ai nói hành chê trách người ta trước mặt con, con xàu mặt chẳng muốn nghe, thì nó chẳng muốn nói nữa. Bằng con nở mặt vui lòng nghe, thì nó càng ham nói. Ông thánh Bê-na-đô rằng: Kẻ đàm tiếu chuyện xấu người ta, và kẻ nghe, cũng đồng nặng tội như nhau. Ví dụ nhà mình có chó dữ cắn người ta, mình chữa đặng mà chẳng chữa, khác nào mình dùng miệng chó mà hại người ta vậy. Khi con nghe ai gièm chê kẻ khác, nếu con lấy lời thẳng mặt nghiêm ngăn can đặng, mà chẳng ngăn, lại vẩu tai vui mặt hỏi phăn từ chút, cho nó nói nhiều; lẽ nào chẳng đồng tội với đứa nói gièm ấy.

Con phải gớm phải lánh đứa hay nói hành gièm siểm: nó đàm tiếu lỗi người ta trước mặt con, chắc nó cũng nói đàm tiếu lỗi con trước mặt người ta nữa. Khác nào con buôn, mua chợ nầy bán chợ kia, rồi cũng mua chợ kia về bán chợ nầy. Ông thánh Gioang Kim-khẩu quở kẻ

nói hành rằng: Mầy nói sự lành người ta, thì ta phải nghe; bằng nói việc dữ thì ta phải đậy tai, mà ngăn lời xấu mầy. Cùng quở kẻ nghe nói hành rằng: Mầy đi gặp xác chết thúi hôi, liền bịt mũi chạy đi; chẳng vậy thì khờ lắm. Vã mùi thúi vô mũi, một chặp rồi tan; mà lời nói hành vô tai nhập vào lòng trí, làm thiệt hại nhơn đức người ta; bằng chẳng xa lánh cho kíp, thì dại là dường nào!

Xưa trong dòng kia có một người còn nhỏ tuổi, muốn bỏ dòng về thế gian. Ông già kia hỏi cớ sự làm sao, thì người thưa rằng: Bởi người ta hằng nói hành chê trách tôi. Người hỏi sao con biết người ta nói hành con, thì thầy ấy thưa rằng: Có một thầy tuổi tác học lại, tôi mới biết mới tin. Ông già ấy bảo rằng: Vậy con đừng tin. Bằng ông ấy thật là người tuổi tác, ắt chẳng học lại với con; kẻ đã thuật những chuyện nói hành con, thì chẳng đáng kể là người tuổi tác. Thầy nhỏ tuổi ấy liền hiểu mà rằng: Nay tôi mới biết, chẳng phải người ta nói hành tôi. Như lời tục ngữ rằng: AI ĐEM CHUYỆN PHẢI TRÁI, ẤY LÀ NGƯỜI PHẢI TRÁI CHÚC. (nghĩa là: kẻ học chuyện người ta nói hành, ấy là kẻ nói hành.)

Người ta bàn bạc chuyện xấu thiên hạ, thì con hãy ngăn can, bàn bạc việc xấu con thì con hãy cám ơn nó. Hoặc con hỏi rằng: Nó đã khinh dể nhạo báng mình, còn cám ơn nó làm

sao? Thưa nó ghen ghét nói hành con, thì nó có tội; mà con chịu bằng lòng thì con đặng công. Ví dụ mặt con lấm, chẳng soi gương chẳng thấy đặng. Kẻ nói hành như gương soi linh hồn con, cho thấy vít lấm. Trong mình con có lỗi, con khó biết; kẻ nói hành chê con, con mới thấy, mới chừa cải đặng, nên phải biết ơn nó. Dầu kẻ dữ gia hình khảo lược, còn phải vui lòng chịu vì Chúa, huống chi một hai lời nói hành.

Vậy con quyết lo bề nhơn đức, hãy bằng lòng chịu người ta nói hành chê trách, bất luận con có lỗi hay là chăng.

Kìa các thánh hiền, các người nhơn đức xưa, thảy đều vui chịu lời người ta giễm siểm chê bai, hơn người thế gian ham lời khen ngợi. Nhơn vì các đứng ấy rõ biết kẻ chê làm cho ta thêm nhơn đức; còn kẻ khen làm cho ta bớt nhơn đức. Ông thánh Phan-xi-cô quen nói rằng: Kẻ khen tôi, ấy là xô tôi cho ngã xống; kẻ chê tôi, ấy là nưng đỡ tôi lên. Nên khi nghe ai chê trách, thì người liền cám ơn mà rằng: Anh thật là bạn lành giúp cho tôi biết mình tôi. Lời gièm siểm khác nào trận gió mạnh: thuyền nhỏ chịu không nổi, mà ghe lớn càng chạy mau, vào cửa sớm. Kẻ ít nhơn đức bị tiếng gièm pha, thì dễ giận mà thiệt bề nhơn đức; người nhơn đức cả, bị tiếng gièm chê, thì nhơn đức càng thêm, việc lành càng trổi.

Xưa có một người nữ nhơn đức, tên là Ly-đu-a, hễ nghe ai nói hành mình, liền cám ơn người ấy. Có kẻ hỏi, vì ý nào cám ơn nó, người thưa rằng: Bởi có lời Đ. C. G. dạy trong Êvang rằng: « *Ai chịu hoạn nạn vì đạo ngay, ấy là phước thật; vì sau đặng nước thiên đàng làm của mình vậy.* » Tôi muốn lên thiên đàng, kẻ nói hành đỡ tôi lên, nên tôi phải biết ơn nó.

Luận tính ghen ghét hại người ta là thể nào.

Chứng ghen tương là gốc rễ các sự dữ, là nhà đầy tội lỗi, là nọc độc trong lòng người ta, làm cho mê tâm tối trí; là tật bởi chứng kiêu ngạo mà nẩy ra, làm cho tranh hành kình địch; là tính ghét kẻ đặng phước, mừng kẻ phải tai; là đẳng nghịch thù phá sự bình an hoà thuận. Nói tắt một lời: nó là giống sinh ra muôn vàn sự dữ, là nết xấu riêng quỉ địa ngục.

Cứ theo lời Kinh thánh dạy: « *Người ta ở đời tuân giữ luật Chúa, chẳng khỏi bao lâu, Chúa cho lên thiên đàng.* » Ma quỉ thấy loài người được phước, sinh lòng ghen ghét, cám dỗ nguyên tổ phạm tội, cho người ta phải chết, phải mất thiên đàng. Cho nên ma quỉ là tổ sự ghen tương. Đ. C. G. quở kẻ thù nghịch rằng: « *Bay là con ma quỉ; ma quỉ quyết hại người*

ta, bay quyết hại Tao. » Ông thánh Gioang Kim-khẩu rằng: Vì ý nào gọi kẻ ghen tương là con ma quỉ? là vì ma quỉ chẳng những ganh phước lộc người ta, mà lại ghét phước đức Chúa. Kẻ ghen ghét cũng vậy, nó ghét việc lành người ta, mà cũng ghét Chúa ban sự lành cho người ta: nó một lòng một ý với ma quỉ, cho nên kêu là con ma quỉ.

Chứng ghen ghét nhập vào lòng ai, nấy liền mất tính người, ra tính quỉ. Chứng ghen ghét nhập vào tính quỉ, nên nó ghét cả và thế gian. Chứng ghen ghét nhập vào lòng Ca-in là con trưởng nam ông A-dong, thì Ca-in đã giết em mình. Chứng ghen ghét nhập vào lòng quân dữ, thì quân ấy đã giết Đ. C. G. Con có mấng quỉ là nố thần dâm dục, trộm cướp, hà tiện, mê ăn, âu là nó còn cượng; bằng mấng nó là nố ghen tương, ắt thì nó chẳng dám cãi.

Kẻ ghen tương còn xấu hơn ma quỉ nữa: ma quỉ ghét loài người, mà chẳng ghét quỉ một loài với nó. Còn kẻ ghen ghét thì bất luận kẻ xa người gần, bà con, người dưng, giàu có sang hèn, kẻ lành kẻ dữ, kẻ nghĩa thiết, kẻ nghịch thù, nó đều ghét thảy thảy. Ông thánh Xi-rin-lô rằng: Tội ghen ghét vào, thì tội khác cũng theo vào. Như trượng mình khinh chúng, ganh kẻ hơn mình, muốn hơn thiên hạ, che lấp tài năng

phước đức người ta, thấy người ta hoạn nạn thì mừng, chúng thạnh lợi thì rầu, ấy là các món tội tùng theo ghen ghét.

Ông Xê-nè-ca rằng: Kẻ bị ghen ghét cũng chưa nỗi làm sao, mà chính kẻ ghen ghét thì khốn nạn là dường nào? Tính ghen ghét mầy là địa ngục riêng mầy. Đời nầy lửa ghen ghét thiêu đốt lòng mầy, chết đoạn lửa ghen ghét nung đốt linh hồn mầy. Mầy ganh việc lành người ta, mà bán rao sự lỗi nó, cho tỏ bày việc lành mầy. Mầy nghe ai được sự lành, chẳng khác nào mũi tên xóc vào lòng mầy; trăm sự lành người ta là trăm mũi nhọn thâu vào lòng mầy, lẽ nào an lòng an trí mầy đặng.

Ớ kẻ bị ghen ghét, nó ghét dơ việc lành con, thì con càng ra sức làm lành hơn nữa: trả nữa kẻ ghen ghét thể ấy mới hay. Lời Kinh thánh rằng: « *Kẻ phạm tội thật là người mê muội. Mà kẻ ghen ghét càng mê muội hơn nữa.* » Vì như tà dâm mê tại ham vui xác thịt, kiêu ngạo mê tại ham sang vinh, trộm cướp mê bởi đói khát; các chuyện ấy thảy đều kiếm ích lợi cho mình. Còn ghen ghét kiếm ích lợi gì? ghét việc lành người ta, cũng chẳng làm cho ai mất công nghiệp; ghét của cải người ta, cũng chẳng làm cho ai tổn của; ghét chức phận người ta, cũng chẳng làm cho ai mất chức; có một đều là

cực lòng mình vô lối mà thôi. Cho nên đứa ghen tương mê muội đại dột là dường nào.

Nết xấu khác yêu sự lành người ta trái lẽ, cũng còn dễ chịu; tính ghen ghét giận hờn việc tốt người ta trái lẽ, thì dung làm sao đặng. Kìa coi ta đặng sự gì tốt lành, thiên hạ yêu dương, thì kẻ ghen tương lại giận ghét. Chứng xấu khác cũng có thuốc trừ, mà bịnh ghen tương không thuốc gì chữa đặng. Thật nó như khí độc tật lây bất trị; một cầu xin Chúa đoái thương ban thuốc mầu, mới chữa được chứng ghen tương ấy mà thôi.

Lời phỉ báng hại là dường nào.

Sự phỉ báng người ta có ba cách. *Một* là mắng chưởi người ta cho xấu hổ, cho phỉ lòng giận ghét. Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: Mắng nhiếc làm vậy thì cực lòng người ta hơn giổ vào mặt, tên bắn vào mình. Vì giổ vào mặt bắn vào mình, bất quá hại bề ngoài, có chùi rửa cũng mau sạch, xức thuốc cũng mau lành. Còn lời chưởi rủa tâm tích trong ruột người ta, rửa cả đời không sạch.

Hai là làm hư danh xấu tiếng người ta: nói những lỗi kín, chê bác việc lành: người ta giỏi nó nói dở, phải, nó nói trái, thật, nó nói giả,

nhơn đức nó nói giả bình; bắt nét việc làm không đặng, cũng kiếm thế chê bai ý chỉ người ta.

Ba là già hàm lướt giọng, giục người ta theo lẽ trái, đâm đầu nọ thọc phía kia, chúc sử kinh địch, hiềm khích, làm đơn trạng kiện cáo, cho người ta hư cửa hại nhà, phải gông phải tróng, ấy là những sự dữ bởi lòng ghen ghét quyết làm sỉ nhục người ta mà ra. Lời Kinh thánh rằng: « *Miệng ngọt lời dua, làm cho người ta mất lòng hoà thuận, thì Đ. C. T. ghét lắm.* » Thương ôi! Rắn độc hại người ta có chừng, lưỡi người hay phỉ báng, hại người ta vô số. Kẻ bị gươm dao, mà chết cũng nhiều, kẻ bị gièm siểm mà chết lại càng nhiều hơn nữa. Ông thánh Gia-cô-bê rằng: « *Trang vóc mình người ta, lưỡi là phần nhỏ mọn, mà sinh tai hại khôn kể cho cùng.* » Cũng như một đóm lửa nhỏ mọn đốt cháy cả núi non trong một giờ. Ôi! đáng gớm đáng sợ là dường nào.

Lời phỉ báng là chính tội nghịch đức thương yêu; mà đức thương yêu là đầu các nhơn đức, là gốc mọi sự lành. Nên tội phỉ báng cũng nghịch các nhơn đức, phá hết mọi sự lành. Lời Kinh thánh nói Đ. C. T. ghét bảy thứ tội, nhưng mà ghét tội thứ bảy nầy hơn hết. một là con mắt kiêu căng; hai là lưỡi hay chưởi rủa; ba là làm chứng dối; bốn là hại người ta;

năm là bày mưu gian chước dối; sáu là cố ý phạm tội; bảy là gièm siểm cho người ta bất thuận. Sáu đều trước cũng là tội nặng, mà sự thứ bảy nầy nặng hơn, cho nên Đ. C. T. ghét hơn.

Trong Kinh thánh chép rằng: Bà Ma-ri-a là em ông Môi-sen gièm chê anh, nên Đ. C. T. liền phạt phải phung lở cả mình. Lại có Đa-tan và A-bi-ron phỉ báng ông Môi-sen, bổng chúc Đ. C. T. phạt, cho đất rẽ ra nuốt cả hai đứa dữ ấy xuống địa ngục. Lại có đứa xấu nhạo báng ông Môi-sen, thì Đ. C. T. cho thứ rắn độc, thở ra những khói lửa, bởi núi tràn ra, cắn chết đẳng dữ ấy. Vậy con coi đời nầy Đ. C. T. đã phạt những người phỉ báng thể ấy, đời sau phải phạt là chừng nào.

Trong sách kể chuyện có chép rằng: Xưa có một người gièm siểm kia chết sa xuống địa ngục. Chúa cho nó hiện về cùng một tên bạn hữu. Thấy cả mình nó những hình khổ, nhứt là lưỡi cực hơn hết: lưỡi nó le ra dài lắm, nó cắn đứt đi, liền mọc lại. Người bạn hữu hỏi cớ sự, thì nó thưa rằng: Lưỡi tôi phải phạt vì tội gièm chê. Bởi hồi tôi còn sống, hay đàm tiếu chuyện thiên hạ, chưởi rủa làm nhơ danh xấu tiếng người ta, rày phép Chúa công thẳng, phạt tôi

như vầy. Nói đoạn, biến đi mất. Nghe vậy đáng sợ là dường nào!

Hoặc rằng: Có nhiều lỗi mình chẳng biết, phải nhờ kẻ khác bảo, mới biết mà cải chừa. Nay cấm nói lỗi người ta ra, chẳng phải là mất phương thế, cho mình chừa lỗi sao?

Thưa cấm nói hành chuyện lỗi, mà chẳng cấm chỉ lỗi cho người ta chừa. Như vô cớ mà đàm tiếu chuyện phải trái người ta vô ích, ấy là phỉ báng gièm siểm. Còn bảo người ta cho biết lỗi mà chừa cải, ấy là đều phải lẽ, có ích, nhằm đức yêu người. Có thứ ích chung, có thứ ích riêng: ví dụ có kẻ âm mưu làm loạn, tụ tập trộm cướp giết người, ấy là việc hại chung; phải tố cáo cho quan quyền trừ dẹp, ấy là ích chung. Còn khi thấy ai lầm làm bậy, hại phần hồn phần xác, ta phải bảo cho nó biết mà cải chừa. Bằng biết ta khuyên bảo nó chẳng đặng, thì phải nói kín với người nào khuyên bảo đặng; hoặc cha mẹ bàu chủ, cha linh hồn, hay là kẻ thân thiết nó; hầu kẻ ấy dạy bảo cho nó nhờ, ấy là ích riêng. Như chẳng thấy ích gì, chẳng nên nói sự lỗi người ta cho kẻ khác biết. Phỉ báng người ta là tội nặng, song có bực khác nhau: lỗi kín người ta chưa ai biết, mình nói cho chúng hay, ấy là tội nặng. Việc người ta làm chưa rõ dữ lành, mình quả quyết là đều

xấu, ấy là tội nặng hơn. Còn chính việc lành mà mình gièm chê là việc dữ, thì càng nặng tội hơn nữa.

Tội nghịch Đ. C. T. T. có sáu thứ : mà ghen tương ơn thánh Chúa ban cho người ta, là một thứ tội nặng hơn hết. Vì Đ. C. T. T. là đứng rất nhơn lành, ban ơn thánh giúp sức thiêng cho người ta làm lành. Vậy kẻ ghen ghét ơn thánh, chê bai việc lành người ta, khác nào ghen ghét chê bai Đ. C. T. T. vậy.

Kẻ hư tì vị phát đáng miệng, dầu nếm của mĩ vì ngon ngọt, cũng đều thấy mùi đáng dót ; ấy là dấu bịnh hiểm nghèo khó trị. Kẻ có lòng ghen tương cũng vậy, việc lành người ta nó lấy làm việc dữ, nhơn đức nó nói giả hình. Cho nên dễ biết linh hồn nó mắc tội hiểm nghèo khó chữa lắm.

Tiếng dữ bày ra, như chim sẩy lồng, vừa đỗ cây nầy liền bay qua cây khác, chuyền cây nọ sang cây kia, chẳng chịu đứng lại. Lời gièm chê mới vừa ra khỏi miệng một người, liền bay đến mười người ; đoạn đến trăm đến ngàn đến muôn người, khó nỗi cầm lại. Bởi đó tội gièm chê xưng thì dễ, mà đền cho đủ thì rất khó.

—o—

Luận về đức yêu người

Đ. C. T. gớm tội ghen tương, yêu đức thương người lắm. Vì kẻ có đức thương yêu, thì cũng có các nhơn đức khác. Như lời Kinh thánh rằng: « *Kẻ có đức thương yêu, hay nhịn nhục, ở hiền lành, chẳng ghen tương, chẳng kiêu hãnh, chẳng làm bậy, chẳng oán thù. Chẳng có đức thương yêu, các đức khác đều ra vô ích; Dầu hiểu đặng lẽ cao sâu, nói đặng tiếng thiên thần: dầu thí gia nghiệp cho kẻ khó khăn, liều sự sống mình vì đạo, bằng chẳng có đức thương yêu, các việc ấy thảy đều vô ích.* » Cho nên mười giái răn Đ. C. T. tóm về hai đều nầy mà thôi, là kính chuộng một Đ. C. T. trên hết mọi sự, và thương yêu người ta như mình.

Ông thánh Gioang Tông-đồ khi đã già cả giảng dạy chẳng đặng, bổn đạo xin giảng, mỗi ngày Chúa nhựt người lên toà cứ giảng một câu nầy rằng: Các con hãy thương yêu nhau. Giáo hữu xin giảng dều khác, vì nghe một câu hoài nhàm tai, thì người rằng: Câu ta thường giảng đây, là chính lời Đ. C. G. đã dạy; các con giữ trọn câu nầy thì đã đủ. Ấy một câu vắn tắt chẳng mấy chữ, bất luận kẻ thông người dốt, thảy đều hiểu đặng nhớ đặng, bất kỳ giàu nghèo già trẻ, thảy đều noi giữ đặng.

Kìa muôn vật cũng bảo ta yêu nhau hoà thuận. Coi lửa hiệp với lửa, nước hoà với nước, sư tử chẳng ăn thịt sư tử, cọp không hại cọp; thứ chim nào hiệp bầy chim nấy. Các vật không có trí khôn, loài nào còn thuận hiệp loài nấy. Phương chi ta là người có trí khôn, mà chẳng hoà hiệp đặng với nhau sao?

Thuở tạo thiên lập địa Đ. C. T. đã sinh ra một nam một nữ, làm cha mẹ muôn dân: vậy ai nấy cũng là bà con thân cật với nhau, chẳng nên ghét dơ khinh dể nhau. Vã Đ. C. T. là cha cả muôn dân thiên hạ, ai nấy cũng là con Người. Mà kẻ có đạo là con riêng Chúa yêu đương, nên càng phải thương yêu nhau hơn nữa.

Đức thương yêu làm ích cho người ta lắm: một mình chẳng chống nổi kẻ thù, như có anh em liều hữu giúp, ắt là thắng đặng. Con có nhiều bạn hữu nghĩa thiết, thì kẻ thù làm gì con đặng. Có lời Kinh thánh rằng: « *Dây đánh ba chắc lắm, vì đã đậu lại làm một.* » Vã kẻ lẻ loi một mình, chẳng chịu hiệp với ai, gặp vui cũng chẳng sướng, gặp buồn cũng thêm lo. Giả như con có chuyện vui, mà chẳng ai vui với, thì cũng chẳng kể là vui. Con buồn mà không ai ngỏ ngàng tới, càng thêm rầu hơn nữa. Kẻ hoà hiệp với người ta, gặp chuyện gì cũng có người giúp đỡ: khổ có kẻ thương, buồn có người an ủi, liệt lào có người

viếng thăm giúp đỡ, làm tử có kẻ trợ táng phong phần.

Thương yêu nhau có ba thứ : *Một là* thương theo tính tự nhiên : là thương những người đồng liêu đồng bực, một nghề nghiệp một tánh khí với ta, tình ưa ý hiệp với ta. Thương thể ấy chẳng phải là nhơn đức thương yêu ; vì loài cầm thú cũng biết thương nhau như vậy. *Hai là* thương theo tình nghĩa : là mến những người thương ta, giúp đỡ ta. Thương kiểu nầy chẳng phải là đức thương yêu cho thật ; vì kẻ dữ cũng có lòng thương như vậy. *Ba là* thương vì Chúa : nghĩa là thương hết mọi người ; vì ai nấy là con cái Đ. C. T., là của báu Đ. C. G. đã lấy máu thánh mình mà chuộc. Cho nên ta ước trông mọi người kính thờ Chúa hết lòng, tích đức lập công, đời nầy hằng đặng ơn Chúa, đời sau hưởng phước cõi trời. Lại ta noi theo gương Chúa, mà làm ơn cho kẻ làm khốn ta, trả nghĩa cho kẻ ghét ta, hằng ước trông cho kẻ nghịch thù đặng phước khỏi nạn. Thương cách thứ ba nầy, mới thật là nhơn đức thương yêu theo lịnh Chúa dạy.

Bằng ta chẳng chừa tính kiêu căng, ghen ghét, tham lam, hờn giận, sắc dục, trễ nải, thì chẳng hề có đức thương yêu cho thật đặng ; nên cần kíp phải khử trừ các bịnh ấy cho kíp. Lại

kẻ chẳng có lòng kính mến Đ. C. T. cho thật, thì cũng chẳng có đức thương yêu người ta đặng. Như lời ông thánh Au-cu-xi-tinh rằng : Bằng con chẳng kính mến Đ. C. T. là đứng dựng nên người ta, thì chẳng lẽ nào con đặng thương yêu người ta là của Đ. C. T. dựng nên. Vốn lòng mến Chúa như mạch trên đảnh núi chảy xuống rất xuôi : nên ai có lòng mến Chúa, mới dễ yêu người. Vì đức yêu người bởi đức mến Chúa mà ra.

Mọi người thế gian là như các phần thân thể hiệp lại làm một xác vậy. Như lời Kinh thánh rằng: « *Mọi người là một vóc mình : phải thương yêu nhau như các phần thân thể trong một xác vậy.* » Trong một xác có nhiều phần thân thể lớn bé trọng hèn khác nhau, có bổn phận riêng sang hèn nhọc sướng chẳng như nhau ; song phần hèn chẳng ganh phần trọng, phần cao chẳng khinh phần thấp. Chơn ở dưới chẳng ghen tương đầu ở trên ; đầu trọng chẳng khinh chơn hèn. Tai nghe đặng, con mắt chẳng ganh ; mắt thấy đặng cũng chẳng khinh tai không thấy. Phần nào chuyên việc nấy, thì cả và vóc mình đều đặng nhờ. Một phần chịu khó, thì cả mình đều đặng công. Một phần đặng sự lành, các phần khác cũng đặng nhờ. Như miệng ăn, tì vị chứa của ăn, thì các phần thân thể khác đều đặng khoẻ mạnh. Phần thân thể nào

vui, các phần khác cũng vui ; một phần buồn, các phần khác cũng buồn. Một phần bị vít, các phần khác cũng đau. Một phần lâm nạn, các phần khác đều cứu chữa. Người có đức thương yêu cũng vậy : thấy ai được vui mình cũng mừng ; thấy ai nghèo khổ khốn nạn, thì bố thí đỡ vớt.

Phải biết việc thương yêu làm phước cho người ta phần hồn phần xác, bất luận nhiều ít, thảy đều có công trọng. Vì có lời Đ. C. G. phán rằng : « *Bay thi cho kẻ khó, dầu một chén nước lã, vì lòng mến Tao, thì sẽ đặng trả công trọng vọng . . . Bay cứu giúp người ta, ấy là cứu giúp Tao.* »

Các phần thân thể trong xác trước hết lo ích chung cho cả xác, đoạn mới lo việc riêng mình. Một phần bị lụy, các phần khác xúm lại cứu chữa : có đánh ngay đầu, thì tay chơn liền đỡ gạt, đành chịu thương tích, cho đầu khỏi bị, phần nầy rủi chạm phải phần kia, phần kia cũng chẳng giận hờn oán trả. Kẻ có đức yêu người cũng vậy. Tuy phải lo cho mình, mà càng lo ích chung cho người ta hơn nữa. Cho nên khi thấy ai bị hoạn nạn cả thể, thì sẵn lòng liều sống mà cứu giúp. Kẻ ấy biết vua quan cầm quờn quản trị dân thay mặt Đ. C. T. ; nên khi vua quan lâm cơn khốn bức, thì phò kẻ ấy liều

sự sống mình mà giúp nước phò vua. Vì đã biết vua là đầu trong một nước, đầu bị lụy thì các phần thân thể khó yên, nên trước hết lo giữ đầu cho khỏi nạn. Trong Kinh thánh rằng : «*Bay hãy thương yêu người ta, như Tao thương yêu bay vậy. Đ. C. T. Thương ta trước, rồi mới dạy ta mến Chúa sau. Vậy kẻ chưa thương yêu ta, thì ta phải thương yêu nó trước, mới trúng ý lời Chúa dạy.*» Lại rằng : « *thương kẻ thương yêu ta mà thôi, nào có công đức gì ; vì kẻ dữ cũng thương đặng như vậy. Đ. C. T. thương yêu ta, cho ta được ích lợi, mà Người chẳng trông nhờ ta việc gì sốt. Cho nên ta yêu người, đừng trông ích riêng cho ta. Chẳng vậy, ra như yêu mình, chẳng phải yêu người, nên chẳng kể là đức thương yêu.* »

Chính đức thương yêu là yêu người ta hơn hết mọi vật, mến Đ. C. T. hơn hết mọi người. Vậy chẳng nên vì vật gì, mà mắc lỗi với người ta, lại chẳng nên vì người ta mà phạm đến Đ. C. T.: là chớ ham ích lợi cho mình, mà làm thiệt hại đến người ta, cùng đừng thương người ta trái lẽ, mà làm mất lòng Đ. C. T..

Đ. C. T. thương ta chẳng phải là tiếng thương không, mà lại làm việc thương yêu cả thể. Hãy coi Người dựng nên trời đất muôn vật, vì một lòng thương ta mà dựng : làm ơn Giáng sinh

cứu chuộc, vì một lòng thương ta mà làm. Nên ta thương yêu người ta cũng phải làm việc thương yêu mới đủ. Lời Kinh thánh rằng: « *Bay chớ khá nói thương yêu bằng miệng mà thôi, lại phải làm các việc về đức yêu người dạy.* » Giả như gặp người bần cùng tật bịnh, con nói ít lời thương tình thảm não, mà chẳng giúp đỡ bố thí. nào phải là đức thương yêu thật sao?

Đ. C. T. hằng thương ta luôn: ta cũng phải yêu người ta luôn như vậy, chẳng nên khi hẳn khi tơ. Chẳng vậy, chưa phải là đức thương yêu thật; một kể là việc con nít, hồi ham hồi bỏ mà thôi. Lời Kinh thánh rằng: « *Chớ chê bỏ bạn cũ; vì bạn mới chẳng bằng bạn cũ. Bạn mới như hoa, bạn cũ sánh bằng tòng bá. Hoa chẳng dượm mấy hồi, mà tòng bá hằng tươi tốt.* »

Đức thương yêu có bốn thứ: *một là* mến Đ. C. T.; *hai là* yêu mình; *ba là* yêu người ta; *bốn là* yêu phần xác mình.

Thứ nhứt luận về sự yêu mến Đ. C. T. Bổn tính người ta hay yêu chuộng sự tốt lành; Vậy Đ. C. T. là gốc mọi sự tốt, là mạch mọi sự lành, các sự tốt lành đều bởi Chúa mà ra thấy thấy. Nên phải yêu mến Đ. C. T. trên hết mọi sự. Vốn ta thương yêu kẻ làm ơn cho ta. Vậy Đ. C. T. là đứng ban ơn cho ta vô ngằn vô số, nên phải yêu đương Đ. C. T. trên hết mọi loài. Ta tôn

kính vua chúa, vì là kẻ cai trị ta. Mà Đ. C. T. quản trị ta, ơn dày ngãi rộng hơn vua chúa ngàn trùng. Ta thương mến cha mẹ, vì đã sanh dưỡng ta. Mà Đ. C. T. sanh dưỡng ta công cao đức cả hơn cha mẹ muôn phần. Ta kính yêu quan thầy, vì đã dạy dỗ ta. Mà Đ. C. T. dạy dỗ ta chí thiết hơn quan thầy quá bội. Ta đặng ơn ai, thì quyết lo trả nghĩa cho kẻ ấy. Mà ơn Đ. C. T. ban cho ta rất trọng vọng hơn mọi ơn người thế. Ta yêu chuộng những người cao sang, tốt lành, nhơn đức. Ấy vậy lẽ nào chẳng yêu mến Đ. C. T. là đứng rất cao sang, rất tốt lành, rất nhơn đức vô cùng. Nên chẳng những phải tôn Đ. C. T. như vua chúa, kính như cha mẹ, cám ơn như quan thầy, thương yêu như bạn thiết ; mà lại phải tôn kính, tạ ơn, thương mến Đ. C. T. trên hết mọi sự.

Thứ hai luận về sự yêu mình. Yêu mình chẳng phải là yêu xác thịt mình, song yêu linh hồn, yêu việc lành nhơn đức. Như lời Kinh thánh rằng: « *Kẻ yêu mạng sống mình đời nầy, sẽ mất sự sống đời đời: kẻ ghét sự sống mình đời nầy, sẽ được sống vô cùng đời sau.*

Thứ ba về sự thương yêu người ta. Phải thương người ta như mình: sự gì ta chẳng muốn cho mình, thì đừng làm sự ấy cho ai. Con chẳng muốn ai hại con, nên con đừng làm hại ai. Con

muốn cho con được phước, nên cũng phải muốn cho người ta được phước. Con muốn sửa người ta, phải sửa mình con trước đã. Lỗi mình chẳng sửa, đi sửa lỗi người; ấy là thương người, mà ghét mình ; lo cứu người, mà bỏ mình. Muốn yêu người như mình, phải biết yêu mình trước đã. Ông thánh Ao-cu-xi-tinh rằng : Trước hết con biết thương mình, mới biết thương người ta như mình. Ai chẳng biết yêu mình, cũng chẳng biết yêu người ta. Như ai hỏi con có yêu mình chăng, ắt là con nói có. Nào có ai ghét mình sao? Con đã yêu mình, thì chớ làm sự dữ. Bằng làm sự dữ, ấy là ghét mình mà chớ. Ấy vậy con làm lành, mới yêu người làm lành như con đặng. Con làm dữ, thế cũng yêu người làm dữ như con. Vì vậy ai chẳng biết yêu mình, ắt là chẳng yêu người như mình đặng.

Thứ bốn luận về phần xác. Thương yêu xác mình, là hãm dẹp tình tư dục, bắt xác thịt giúp đỡ linh hồn làm lành lập công, cho ngày sau đặng sống lại vinh hiển làm một với linh hồn. Ấy vậy kẻ duông theo tính xác thịt, ham vui sướng đời nầy, tiếng là yêu, song thật là hại xác thịt. Còn kẻ hãm dẹp xác thịt, bắt chịu khó đi đàng nhơn đức, coi như ghét song thật là yêu xác thịt.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R F

LUẬN VỀ VIỆC BẠN HỮU.

Tuy phải thương yêu hết mọi người, nhưng mà cũng có kẻ mình chẳng nên làm bạn. Hãy chọn kẻ lành mà làm bạn, hãy thiết nghĩa cùng người nhơn đức. Kẻ cố chấp chẳng chịu nghe lời lành khuyên bảo, đừng làm bạn với nó làm chi. Vì kẻ có nhơn đức mới làm bạn được lâu dài. Người không nhơn đức, nhẹ tính mau thay đổi, nay vầy mai khác, bữa tử tế bữa không, rất đỗi trở lòng thương ra lòng ghét; cho nên đừng làm bạn với nó.

Vã bạn tác với kẻ dữ, lần hồi cũng nhiễm thói dữ nó: làm bạn với đứa kiêu, ắt lây chứng kiêu nó; làm bạn với đứa dâm, chẳng khỏi vương theo tính dâm nó. Làm bạn với kẻ lành, lâu lâu cũng theo gương lành nó. Cho nên thường nói rằng: Thấy bạn hữu ai, liền biết nấy là người thể nào. Muốn làm bạn với ai, phải xét trước xem sau cho cẩn thận.

Đạo bạn hữu có mười đều: *Thứ nhứt* phải đồng tâm đồng đức, một lòng một ý với nhau. *Thứ hai* phải khẩu tâm như nhứt, chớ khá miệng ngọt lòng cay; có chuyện bàn giải, gặp việc tính toán với nhau. *Thứ ba* phải báo đáp ân tình; chớ khá vong ơn bội nghĩa; đừng tham ích mình hại

bạn. *Thứ bốn* bạn hữu có lỗi, phải lấy lời khôn khéo khuyên răn, chẳng nên a dua nịnh dọc. Dầu biết nó chẳng nghe, cũng chẳng nên làm thinh bỏ vậy. Vì khuyên bảo là việc ta, còn sự nghe hay là không, thì tại nó. Thà ta khuyên lơn cho trọn nghĩa thương yêu, chẳng thà làm thinh mà lỗi nghì bạn hữu.

Xưa vua A-lê-xan-đe làm bạn cùng một thầy danh tiếng kia. Hai người ở với nhau ít tháng, chẳng thấy thầy ấy can gián lỗi vua khi nào; nên vua rằng: Trẫm tuy làm vua, song cũng là người dương thế, lẽ nào khỏi lầm lỗi. Thầy không thấy lỗi trẫm, thầy là người chẳng khôn; bằng thấy mà chẳng trách, ắt là người dua nịnh. Vua quở đoạn, chẳng thèm làm bạn với thầy ấy nữa. Vua A-gê-ti-a rằng: Kẻ thấy ta lỗi, mà chẳng thèm trách, dầu nó ngợi khen ta, cũng chẳng phải bởi lòng ngay.

Thứ năm chẳng nên vì bạn hữu mà làm đều gì trái lẽ, hay là có tội. Vì trên phải kính mến Đ. C. T., dưới mới thương yêu bạn hữu. *Thứ sáu* hoạn nạn phải giúp nhau, khó dễ cùng nhau. Chẳng nên ở như bạn giả, hồi xong xuôi thì bạn hữu, hồi khốn khó lại lìa tan. Khác nào chim én, mùa hè tới, mùa đông lui. *Thứ bảy* chẳng nên tỏ sự kín bạn hữu cho người ta hay; chẳng vậy thất tín, mà hoá ra kẻ nghịch thù. *Thứ tám*

bạn hữu có lỗi, mình phải giấu. *Thứ chín* bạn hữu xin sự gì phải lẽ, mình có thế giúp đặng, phải giúp liền, chẳng nên chậm trễ. *Thứ mười* bạn hữu có mất lòng đều gì, phải tha thứ tức thì, chẳng nên tích lòng giận. Giữ mười sự ấy, mới kể là thật bạn hữu.

Ngày phán xét mọi người đến trước toà Chúa mà nghe phán đoán. Chẳng khác nào kẻ soi gương: hình tượng thể nào, gương chiếu ra thể ấy. Ai nấy sẽ chịu phán xét về mọi việc lành dữ cả đời mình. Kẻ có đức thương yêu, sẽ được thương yêu trong ngày phán xét. Ai hay tha thứ, sẽ được tha thứ trong ngày phán xét. Như lời Kinh thánh rằng: « *Ai có lòng thương xót, ấy là phước thật: vì sau sẽ đặng thương xót.* » Ấy vậy những kẻ đời nầy, chẳng thương xót người ta, đời sau chẳng đặng Đ. C. T. thương xót.

Lời Kinh thánh rằng: « *Hay thật lòng tha thứ cho người ta, thì Đ. C. Cha sẽ tha thứ cho hay.* » Ông thánh Ao-cu-xi-tinh rằng: Lời nầy như sấm vang trong tai kẻ có tội, bằng nó giả điếc chẳng nghe, ấy thật là đứa mơ màng say rượu. Con mắc tội với Đ. C. T. thì nặng, người ta lỗi với con thì nhẹ. Con với người ấy cũng là kẻ mắc lỗi. Con chẳng chịu tha lỗi nhẹ cho nó, lẽ nào con dám xin Đ. C. T. tha tội nặng cho con. Đ. C. T. đã lập giao ước với ta rằng: Mầy tha

cho người ta, Tao mới tha cho mầy. Ta chẳng tha cho người ta, ấy là nghịch lời giao ước, nên Đ. C. T. chẳng giữ lời giao hứa làm chi. Con chấp lỗi người ta, Đ. C. T. cũng chấp lỗi con. Kẻ cưu lòng thù oán, dầu kêu xin mấy, Đ. C. T. cũng chẳng nghe. Kẻ có lòng tha thứ, cầu nguyện một lời, Đ. C. T. liền nhậm. Con tha lỗi người ta, ấy là phương rất cần cho Đ. C. T. tha tội con. Ấy vậy khi ai làm mất lòng con, con phải bỏ qua dừng tích lòng giận ghét, Đ. C. T. mới khứng tha các tội lỗi con. Chẳng báo oán kẻ làm cực mình, ấy thật là người nhơn đức lắm. Tha thứ cho kẻ làm sỉ nhục cho mình, ấy là người có lòng rất mạnh mẽ. Thương yêu kẻ làm khốn mình, mới thật là người vinh hiển.

ĐOẠN THỨ BA

Nhịn nhục chớ hờn giận.

HỜN GIẬN LÀ LÀM SAO? là nổi xung quyết báo thù kẻ làm mất lòng mình. Lời độc tiếng dữ, chưởi rủa mắng nhiếc, miệng cãi lẫy, lòng xôn xao, đều bởi chứng giận dữ. Trong Kinh thánh rằng: «*Kẻ hay hờn giận, cũng hay làm bậy*» Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: Hờn giận là cửa các sự dữ; đóng cửa đừng cho các sự dữ vào, thì các nhơn đức trong lòng tự nhiên bình an vô sự. Ấy vậy trong lòng có đức nhịn nhục cũng như trong nhà có ông chủ. Có chủ ở nhà, thì gia nhơn bình yên lặng lẽ. Chủ nhịn ra khỏi lòng, trái tim liền xao xiến, mắt trợn trạc, lưỡi lùng bùng, đỏ mặt tía tai, múa tay chơn, mình run rẩy, cả nhà đều loạn động chẳng yên. Như một tàn lửa nhỏ mới bén, chẳng dập tắt cho kíp, liền cháy hết phòng bè nhà cửa. Cũng một lẽ ấy, lửa giận mới nổi lên, bằng chẳng ngăn cầm hãm dẹp, ắt sinh tai hại chẳng vừa. Bởi đó nhiều khi nát cửa hại nhà, phải chết, phải mất linh hồn, cũng tại giận dữ mà ra. Tục ngữ rằng:

Nhịn được một giây trăm ngàn khổi nạn. Ta nói rằng: Nhịn được một đời, thì muôn năm khỏi khốn.

Sự thình linh nổi giận, ai ai cũng chẳng khỏi: bằng biết mình giận mà chẳng ngăn cầm, mới có tội. Vì hễ theo cơn giận, gặp chút gì trái ý, liền phát ra những tiếng la lối ngầy ngà. Sự hờn giận cũng là nhánh nhóc bởi gốc kiêu ngạo mà ra. Hễ có kiêu thì có giận, có giận ắt có kiêu. Kẻ kiêu căng giận dữ, dầu trong lúc bình an, cũng chẳng yên lòng yên trí đặng. Người hiền lành khiêm nhượng nhịn nhục, tuy gặp cơn hoạn nạn, lòng trí cũng đặng an nhàn.

Giận trái lẽ ấy là giận theo loài thú dữ. Vốn thú dữ không có trí khôn, chẳng biết lấy lẽ mà ngăn cầm cơn giận. Cho nên gặp hoạn nạn chịu chẳng đặng, liền buông nọc độc; hoặc bấu đá cắn mổ người ta, báo thù cho phỉ sức. Con người ta có trí khôn, biết việc nên hư phải trái, bằng chẳng lấy lẽ mà cầm cơn nóng giận, một buông theo tính báo cừu trả oán, thì ra như thú dữ vậy. Thú vật giận người, mà không giận thú vật một loài với nó; ma quỉ hại người, mà chẳng hại quỉ đồng loài với nó. Người ta giận nhau, ấy là hại người đồng loại với mình; nên xấu hơn ma quỉ, hung hơn thú dữ.

Ma quỉ hằng kiếm thế hại người ta, nó lấy cơn nóng giận làm dịp rất tốt. Cũng như đứa

gian lựa đêm tối tăm mà trộm cướp của người ta. Ma quỉ thấy ai nổi giận, liền đến giúp cho giận thêm, giục chưởi rủa, làm khốn người ta, hại mình. Vì một người giận, chẳng phải hại một người mà thôi, song hại đến nhiều người: hễ người nầy giận người kia, người kia cũng giận lại; hai bên giận nhau, ắt nhiều người thiệt hại.

Xưa có hiền nhơn, tên là Ti-tô, có kẻ giận ghét, đốt cháy trại ruộng người. Người ta đem tin rằng: Lão kia đốt cháy trại ruộng ông rồi, nó làm bậy đáng ghét quá. Ti-tô rằng: Tôi mất của, bất quá thiệt hại bề ngoài; kẻ giận tôi, thì làm hại mình nó. Anh thương xót tôi, sao chẳng thương nó với. Ấy vậy kẻ giận làm khốn kẻ khác, cũng như con ong mật buông nọc độc hại người ta; người ta chẳng đau bao nhiêu, mà con ong ấy phải chết.

Kẻ giận hại con bề ngoài mà thôi, con nhịn đi, liền bình an vô sự, đừng oán trả làm chi. Bằng con giận báo thù, ắt thì thêm hại cho con hơn nữa. Nó cướp của con, làm cho con bớt giàu sang đời nầy mà thôi. Như con báo cừu cho bỗ, thì con mất nhơn đức, mất ơn thánh trong linh hồn, mất phước thiên đàng. Nó hại của con, mà chính con hại thêm linh hồn con. Ấy vậy kẻ giận người ta chẳng hại mình trước, thì chẳng hại người ta đặng.

Ông thánh Bê-na-đô gần sinh thì, môn đệ hỏi người rằng: Lạy thầy, làm cách nào cho đặng nên lành nên thánh. Người trả lời rằng: Bỏ ý mình theo ý người ta; đừng giận kẻ làm hại mình; làm ơn cho kẻ làm khốn mình; ấy là cách nhứt hảo.

Xưa ông Ma-ca-ri-ô bị con muỗi cắn, người nổi xung đánh chết, đoạn nghĩ lại trách mình rằng: con muỗi cắn một chút nhịn chẳng đặng, thì gặp khốn khó to nhịn sao đặng. Liền trách mình, chạy thẳng vào rừng, cởi áo ra cho muỗi cắn phỉ sức. Có kẻ hỏi làm chi vậy, người thưa rằng: Tập nhịn nhục, dẹp tính giận. Đến khi người đã có tuổi cao đức cả, Đ. C. T. muốn hạ chút kiêu người xuống, bỗng chúc nghe trên không có tiếng bảo rằng: Có hai người nữ tu ở chỗ kia, mầy phải đến hỏi nó mà học cách đi đàng nhơn đức. Ma-ca-ri-ô vưng lịnh đi bỏi, hai người nữ ấy thưa rằng: Hai đứa tôi ở với nhau mười lăm năm nay, chẳng khi nào tưởng đến sự bất hoà, hay là nói một lời bất thuận. Người hỏi rằng: Sao được như vậy: Nữ tu đáp rằng: Hai chữ giận kình vốn bởi có phần tao phần mầy mà ra: chúng tôi đây đã không có lòng tham, cũng chẳng có của tao của mầy; nên tự nhiên chẳng có hai chữ giận kình.

Chẳng có sự gì làm cho trí khôn tối tăm bằng cơn nóng giận. Dầu người thông minh

đương cơn nóng giận cũng hoá tầm bậy. Bởi đó cho nên khi muốn quyết đoán việc gì, phải cữ hai đều nầy hơn hết: một là táo bạo: hai là hờn giận. Phép nước phương tây, hễ khi quan nổi giận, chẳng được lên án tội nhơn. Có một lần vua Phi-lip-phê giận quan lớn kia, lên án giết, quan ấy chẳng chịu mà tâu rằng: Phải đòi quan khác đoán xét việc tôi lại. Vua càng giận mà rằng: Nào ai lớn hơn trẫm nữa, mà xử đoán được việc mầy. Quan ấy tâu rằng: Bây giờ đức vua đang cơn nóng giận, nên cũng có kẻ không giận, xử đoán đặng việc tôi. Đoạn lần lần vua nguôi giận, xét lại mới biết quan ấy vô tội.

Lúc giận là một lúc điên cuồng; say rượu phát cuồng, hay là giận dữ phát cuồng, cũng giống nhau: lời nói việc làm đều sai lầm chẳng trúng. Ấy vậy có việc, chẳng nên bàn tính với ba thứ người nầy: Một là kẻ mê dâm; hai là người say rượu; ba là người hờn giận. Những việc làm khi giận, hết giận chắc phải ăn năn. Vì vậy đương cơn giận, khoan nói khoan làm, đừng trách kẻ mất lòng mình; một phải trách mình, phải lo cầm cơn giận đã. Cũng như đi thuyền, ngược gió thì đừng, xuôi gió hãy đi, mới yên lòng khỏi lo chìm đắm. Hễ gió giận nổi lên, mà muốn nói muốn làm, chẳng khỏi nói vơ làm bậy; chớ cho sóng giận lặng yên, lời nói việc

làm mới trông nhằm lẽ. Cho nên đương hồi giận, phải sửa mình, đừng sửa ai; các việc phải huởn ra, để thủng thẳng. Xưa ông A-le-xan-đe tính hay nóng giận. Ông A-ri-tê-đo khuyên rằng: Hễ khi nổi giận, hãy lấy sách thánh coi vài đoạn, rồi mới nói mới làm, tự nhiên khỏi sai lầm.

Các chứng bịnh phát rồi mới cho thuốc, mà chứng giận dùng thuốc dự phòng khi chưa phát. Xưa có hiền nhơn kia, bạn hữu cho nhiều đồ thủy tinh quí vật, người tạ ơn thiết tình. Bạn hữu về đoạn, người soạn các đồ ra coi, rồi biểu gia nhơn đập bể hết. Người ta thấy tiếc, hỏi cớ sự, người thưa rằng: Đồ nầy thiệt tốt, nhưng mà tính tôi nóng nẩy, như rủi ai sẩy tay làm bể một cái, tôi nổi giận chẳng sai. Chi bằng bây giờ tôi đập đi, cho hết dịp giận hờn, cho sau tôi khỏi giận, khỏi hại đến tôi đến kẻ khác.

Xưa có quan kia vua yêu dùng lắm. Có một lần vua đi dạo chơi, ghé vào nhà, quan ấy mừng rỡ lắm, làm tiệc trọng thể, dọn những đồ thủy tinh quí vật. Chẳng may có đứa tôi tớ sẩy tay, bể hết một cái. Quan nổi nóng dạy trói thằng ấy ném xuống hồ cá cho chết. Thằng ấy thoát đặng, chạy đến sấp mình trước mặt vua, kêu xin cứu chữa. Vua lấy cây củi đập các đồ quí đã dọn trên bàn, bể ra tan tác, mà quở quan rằng: Đ. C. T. dựng nên muôn vật vì người ta: bất kỳ kẻ lớn nhỏ

sang hèn, cũng là người của Chúa; chẳng có vật gì dưới thế quí trọng cho bằng con người ta. Sao người yêu vật hơn người ta, mà chẳng xét đâu khinh đâu trọng. Nay trẩm đập hết các của quí nhà ngươi, mà lấp hồ cá, cho người ta khỏi chết. Ấy là phương thần hiệu chữa ngươi cho hết dịp giận dữ; kẻo thiệt cho ngươi, và hại đến kẻ khác.

Hoặc rằng: Hờn giận là tội, vậy thì chẳng khi nào nên giận sao? Thưa cũng có khi nên: kẻ lành giận ghét tội. mà chẳng giận đến người có tội; hễ tội chừa rồi, thì chẳng còn giận nữa. Ông thánh Gioang Kim-Khẩu rằng: Giận khi chẳng nên giận, ấy là tội; khi phải giận mà chẳng giận, là yếu đuối non gan, đứng bề trên thấy kẻ bề dưới phạm tội, mà chẳng giận chẳng quở cho nó chừa, chắc không khỏi lỗi. Bằng giận trách quá lỗi, cũng chẳng khỏi tội. Cho nên phải giận tội, mà chẳng nên giận người: nó đã chừa cải, mình chẳng nên giận nữa. Cũng như thầy thuốc ghét bịnh, mà chẳng ghét người đau, cho nên dùng phương thuốc trừ bịnh cho kẻ liệt an lành. Kẻ nhơn đức giận việc dữ người ta, mà chẳng giận chính người dữ, một làm cho nó chừa bỏ sự dữ.

Con gặp cơn hoạn nạn mà chẳng nhịn bằng lòng, dầu có làm lành cả thể cũng ra vô ích. Ấy vậy con tích lòng giận ghét người ta, dầu con có

sốt sắng kính thờ Chúa, thì Chúa cũng ghét con. Như lời Kinh thánh rằng: « *Mầy ở với người ta thể nào, thì Đ. C. T. cũng ở với mầy thể ấy* » Lại rằng: « *Khi mầy dưng của lễ, hoặc nhớ lại có chích lòng với ai, phải đi làm hoà trước đã, đoạn trở lại dưng của lễ, chúc ấy Đ. C. T. mới khứng nhậm.* » Cùng lời rằng: « *Mầy chẳng tha cho người ta, Đ. C. T. cũng chẳng tha cho mầy.* » Ấy vậy con tha lỗi người ta, Đ. C. T. mới tha tội con.

Công nghiệp thấp cao, tùy việc lành dễ khó. Việc càng dễ, công càng hèn. Việc càng khó, công càng trọng. Con thương yêu kẻ ghét con, thật là việc rất khó. Bằng vì lòng kính mến Chúa mà tha thứ thương yêu kẻ thù ghét con, thì công đức mới to. Ít lửa chẳng có sức nung sắt cho mềm, một đốt đặng đồ lặt vặt mà thôi. Kẻ ít đức yêu người, chẳng đủ sức thương yêu kẻ nghịch, một đủ thương kẻ nghĩa thiết mà thôi. Con thương kẻ mến con, nào có khó gì? Chẳng những con thương đặng, kẻ dữ thương thể ấy cũng đặng. Hai đàng thương nhau, ấy đã hườn công cho nhau rồi; Đ. C. T. còn trả công gì nữa. Nhược bằng thật lòng yêu đặng kẻ thù, mới trông Đ. C. T. thưởng công trọng vọng.

Ta có hai thứ kẻ thù, là người ta và ma quỉ. Người ta đáng thương, ma quỉ đáng ghét.

Người ta thù hại phần xác, ma quỉ thù hại linh hồn. Con có báo oán người thù, chắc ma thù oán hại con, mà con thua chước nó. Bằng con thương kẻ ghét con, mới thắng đặng ma quỉ. Vì đức thương yêu kẻ nghịch thù, thì ma quỉ sợ hơn hết. Cho nên kẻ có sức báo thù mà chẳng báo, một đem lòng thương yêu kẻ nghịch, ấy là công cao đức trọng, vinh hiển hơn đánh thắng đặng kẻ nghịch thù muôn phần, và đẹp lòng Đ. C. T. lắm. Vua thánh Đa-vit xưa thường bị kẻ thù gia hại, nhiều khi oán trả đặng, mà chẳng oán trả, người một lấy lòng thương làm ơn cho nó. Cho nên Đ. C. T. phán khen vua rằng: « *Lòng khoan thứ Đa-vit rất đẹp lòng Tao* » Trong Kinh thánh cũng có lời Đ. C. T. phán rằng: « *Chúng bay chẳng nên báo oán, báo oán là việc Tao* » Cho nên nay con đừng thù oán kẻ nghịch, hãy dung thứ cho nó vì lòng kính Chúa; chắc sau có ngày Đ. C. T. sẽ báo oán kẻ thù con.

Muốn cải dữ về lành, trước hết phải biết lỗi mình. Biết lỗi mình mới khử trừ đặng. Nhưng mà chứng yêu riêng mình làm cho người ta mê tâm tối trí, chẳng thấy được lỗi mình; mà lại lấy đều phải làm trái, tưởng việc hư là nên, lấy tội nặng làm nhẹ, nhẹ làm nặng; nên có lẽ nào biết được nết xấu mình? Kẻ vị nể chẳng dám nói đến tội con; người dua nịnh chẳng

hề trách lỗi con; có một mình kẻ thù ghét mới nói tỏ lỗi con mà thôi. Ấy vậy kẻ thù nghịch giúp con biết lỗi mà chừa cải; còn bạn hữu giả, những khoả lấp tội con, cho con phạm thêm; nên con thương yêu kẻ thù nghịch, thì thậm phải.

Xưa có nàng công chúa tên là I-gia-ben-la, quì gối trước bàn thờ, hết lòng sốt sắng mà nguyện rằng: Lạy Chúa, xin Chúa tha thứ và ban ơn cho người làm hại tôi đó. Bổng chúc nghe tiếng phán rằng: Những việc lành phước đức con làm bấy lâu nay, chưa hề cám động lòng Đ. C. T. cho bằng việc con làm bây giờ, là thật lòng thương yêu kẻ nghịch; nên Đ. C. T. tha hết tội lỗi cả đời con.

Trong xứ I-ta-li-a có một đứa hoang đã giết con bà goá kia; quan quân đương tìm bắt. Bà ấy nghe nó trốn trong nhà gần đó, liền cho nó một con ngựa cùng nhiều lượng bạc, biểu nó trốn đi cho kíp, nên thằng ấy thoát khỏi. Thình lình con bà goá ấy hiện về, mình sáng láng chói loà, nói cùng mẹ rằng: Khi con chết, còn nhiều tội chưa đền, số phải chịu khốn khó lâu năm trong chốn luyện tội. May nhờ mẹ làm ơn cho kẻ làm khốn, thương yêu kẻ nghịch thù, nên Đ. C. T. động lòng thương tha cho con khỏi hình khổ luyện tội; nay được về thiên đàng

hưởng phước vô cùng. Mẹ làm ơn nầy cho con, thật trọng hơn ơn sinh dưỡng con bội phần.

Ông thánh Au-cu-xi-tinh rằng: Kẻ báo oán người ta, thì đóng cửa thiên đàng; dầu nó kêu xin mấy cũng chẳng thấu tai Đ. C. T. Trả oán kẻ thù, thì kẻ thù càng thêm giận; đã hại mình, lại hại nó. Làm ơn cho kẻ thù, thì kẻ thù hoá nên bạn hữu, mình nhờ, nó cũng được nhờ.

Có một người xấu kia nhạo báng vua Phi-lip-phê. Triều thần tâu xin khép án giết; song vua chẳng chịu. Đoạn truyền đòi tên ấy vào đền, lấy lời lành an ủi, cho vàng bạc của quí, rồi dặn rằng: Từ nầy về sau con đừng nói sỉ nhục cho trẫm nữa. Tên ấy ra khỏi triều, tới đâu ngợi khen nhơn đức vua đó, chẳng khi đừng. Khỏi ít bữa vua hỏi quan triều rằng: Đứa mắng chưởi trẫm khi trước, rày nói trẫm thể nào? Các quan tâu tằng: Hổm nay nó đi đâu ngợi khen nhơn đức vua đó chẳng khi đừng. Vua mỉn cười mà rằng: Bữa trước các quan xin trẫm báo oán, song trẫm làm thuốc chữa nó: lấy lòng nhịn nhục làm cho kẻ nghịch thù hoá ra nghĩa thiết. Giả như con ngựa đá ta, ta đá lại, thì mình cũng như ngựa, nào có khác gì: trước có một con ngựa, mà bây giờ thành hai con. Đứa khờ chưởi rủa ta, ta chưởi lại, thì ta cũng khờ như nó, nào có khác gì: trước

có một đứa khờ, mà sau thành hai đứa. Vì vậy lấy việc thù hềm báo oán mà thắng kẻ nghịch là thói người tội lỗi; lấy lòng nhịn nhục thương yêu mà thắng kẻ thù, thật là việc đứng thánh nhơn.

Xưa có một người kia quyết giết kẻ thù mà kiếm chẳng dặng. Đến ngày lễ cả vào nhà thờ cầu nguyện, mới thấy kẻ nghịch mình ở đó, muốn đâm chết cho rồi; thoát chúc hồi tâm lại nghĩ rằng: Hôm nay lễ cả, ai nấy đến đây ăn năn xin Chúa tha tội lỗi; còn mình tới đây báo oán kẻ thù, phạm đến Chúa, sao cho phải lẽ. Tức thì người mời kẻ thù ấy lại quì với nhau trước bàn thờ, mà thề rằng: Từ nầy sấp đi, vì lòng kính Chúa, ta chẳng còn thù oán nhau nữa. Cả hai bỏ dứt lòng hờn giận, quì trước ảnh chuộc tội, ăn năn thảm thiết. Tức thì tượng ảnh Đ. C. G. hạ hai tay xuống ôm hai người ấy. Những kẻ ở đó thấy phép lạ tỏ tường, liền biết Đ. C. T. chuộng nhơn đức yêu kẻ nghịch thù là dường nào.

Đức nhịn nhục thắng các sự gian nan.

Đức nhịn nhục là khí giái kẻ lành dùng mà chống đỡ cơn gian nan, thắng trận ma quỉ; hãm dẹp tình tư dục, bình vực các nhơn đức, ngăn ngừa tính hờn giận, chẳng cho nói bậy làm vơ;

cạnh giữ lòng bình yên, giải các cơn phiền muộn. Đức nhịn nhục ngăn cầm kẻ giàu sang cho khỏi buông lung, đỡ vớt kẻ nghèo khổ cho khỏi ngã lòng; làm cho kẻ ở ngôi cao nên người khiêm nhượng, làm cho kẻ chịu hoạn nạn bền lòng mạnh mẽ. Kẻ giữ tinh tiết nhờ đây mới đặng trọn niềm bền đỗ; kẻ học hành nhờ đây mới hiểu lẽ cao sâu. Nhờ đức nầy mới duông thứ cho kẻ mất lòng ta, nhờ đức nầy mới hoà được với người ta chích bụng. Ấy vậy đức nhịn nhục tốt lành là dường nào! Ai chẳng có đức nhịn nhục chẳng làm nên việc gì, chẳng tập đặng nhơn đức, chẳng trông đặng phước thiên đàng.

Những sự hung dữ đời nầy, đức nhịn nhục làm cho ra lành ra tốt. Những việc người ta lấy làm hèn làm gớm, đức nhịn nhục trở nên việc quí báu đáng yêu. Bần cùng, tật bịnh, sỉ nhục, gian nan, hao công mất của, là những việc thế thường nhờm gớm, thì kẻ có đức nhịn nhục đành lòng vui chịu, cho được đền tội, lập công đáng phần thưởng thiên đàng. Nào thế gian có sự gì quí báu cho bằng đức nhịn nhục sao? Bởi đó kẻ có đức nhịn nhục chịu xấu hổ cho được vinh vang, chịu hèn hạ cho đặng nên sang trọng hạ mình xuống cho được nhắc lên cao. Phần xác khó khăn cho phần hồn nên giàu có; phú mình

chịu chết vì đạo, cho mau tới cửa thiên đàng. Cũng như tàu giữa biển : gió càng mạnh, càng chạy mau, càng vào cửa sớm.

Đức nhịn nhục hay canh giữ các nhơn đức, hay ngăn ngừa các tội lỗi. Như lời Kinh thánh rằng : « *Mầy muốn thờ phượng Đ. C. T. phải có lòng kính sợ luôn, phải dự cho sẵn sàng mà chống trả chước cám dỗ.* » Ai muốn tích đức lập công, chắc có ba thù ngăn trở: thế tục chê cười, xác thịt khuấy khuất, ma quỉ đón ngăn. Bằng chẳng có lòng nhịn nhục chống trả ba thù, thì chẳng tu đức lập công đặng. Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng : Kẻ làm lành mà không có đức nhịn nhục, thì chẳng khác gì lính ra trận mà không cầm khí giái, chẳng khỏi bị thương.

Phải gian nan khốn khó thì nhiều mà chẳng mấy người hay nhịn nhục. Thiếu chi kẻ lấy sức lực bắt người ta tùng phục, ít kẻ lấy lòng nhịn nhục mà bắt mình suy phục. Ấy vậy đức nhịn nhục mạnh hơn muôn người sức lực. Thắng được lòng thú mình, thì sang hơn thắng cả và thiên hạ. Nhịn đặng một chút gian nan, có công hơn làm việc đại sự.

Ai tài, ai giỏi, cũng có kẻ trổi hơn ; có một kẻ hay nhịn nhục, không ai thắng nổi. Dầu ai sức mạnh binh đông, có đấu chiến cũng chưa chắc

thắng; có một kẻ nhịn nhục là chắc thắng mà thôi: tuy làm cực cho kẻ ấy đặng, mà không làm cho phạm tội đặng. Làm cho kẻ ấy mất sự sống đặng, mà chẳng làm cho mất nhơn đức đặng; dầu gia hình khổ sở cũng chẳng làm cho kẻ ấy giận hờn được. Dầu cất hết các sự vui đời nầy, cũng chẳng cướp đặng lòng vui kẻ ấy. Cho nên kẻ có đức nhịn nhục thật, thì không ai thắng nổi. Kẻ ấy dầu không binh trượng, cũng thắng đặng muôn binh; dầu độc chiếc cũng trổi hơn muôn người lực lượng. Như lời Kinh thánh rằng: « *Kẻ có sức lực mấy cũng chẳng bằng kẻ hay nhịn nhục* » Kẻ lực lượng có sức thắng người ta, mà không có đức thắng nổi mình, dẹp đặng cả nước, mà không nhịn nổi một lời trái ý; thắng được thiên hạ mà thua tình dục mình. Ấy vậy chẳng sức lực nào mạnh cho bằng sức nhịn nhục.

Kẻ có đức nhịn nhục mới thắng mình nổi. Thắng mình rồi, không còn ai mạnh hơn mình nữa. Cho nên kẻ đã thắng được mình, dầu người ta, dầu ma quỉ cũng chẳng làm chi mình đặng.

Xưa có hiền nhơn kia ma quỉ sợ lắm. Người ta hỏi tại cớ nào, người thưa rằng: Từ khi tôi tập nhơn đức cho đến nay, tôi chẳng cho lòng tôi hờn giận ai sốt.

Ông thánh Vin-sen-tê thờ phượng Chúa rất sốt sắng. Vua dữ kia ép người bỏ Chúa thờ thần,

người tâu rằng: Trên trời dưới đất có một Thiên Chúa là thật Chúa chí tôn; còn những thần phật vua thờ là thần dối trá; có lẽ nào bỏ Chúa thật mà đi thờ thần dối đặng. Vua rằng: Có vưng lịnh trẫm, thì được chức cao thưởng trọng; bằng chẳng, ắt phải chết chẳng khỏi đặng. Vua thấy người vưng chí chẳng tuân, thì gia hình dữ tợn lắm. Người vui lòng cam chịu, chẳng năn nỉ một lời; mà tâu rằng: Vua gia hình khổ rất dữ dằn độc ác, song tôi chịu vì Chúa, thì lấy làm khoái lạc, chẳng thấy khổ gì. Vua hành hạ xác tôi đặng, mà chẳng hề đổi lòng tôi đặng. Ấy coi vua lấy hình khổ ép người thánh theo ý vua, song chẳng được việc gì, một phải thua lòng nhịn nhục đứng thánh ấy mà thôi.

Gặp gian nan vui chịu bằng lòng, đã thắng đặng gian nan, mà lại thêm phần phước. Gặp gian nan mà oán trách, đã chẳng bớt gian nan, lại thêm bề khốn khổ hơn nữa.

Sự gian nan khốn khổ đời nầy Đ. C. T. lấy mà phạt tội ta: ta chẳng chịu bằng lòng, buông lời oán trách, thì thêm tội, làm cho Chúa phạt thêm. Bằng nhịn nhục vui lòng, ắt Chúa nhơn từ, đoái thương tha tội, mà giảm bớt phần khốn khó cho ta. Ấy vậy đời nầy chẳng có sự gì khốn nạn, có một sự tội là khốn nạn mà thôi. Ông Xê-nê-ca rằng: Người khôn ngoan chẳng lấy sự

gì làm sỉ nhục, một lấy sự tội làm xấu hổ mà thôi.

Việc đi đàng nhơn đức có ba bực : một là mới khỉ công ; hai là nửa chừng ; ba là đã lên bực thánh. Đức nhịn nhục cũng có ba bực : một là gặp gian nan ép mình đành chịu ; hai là gặp khốn khó vui lòng chịu ; ba là ước ao chịu khốn cực chẳng khi đừng. Ai được bực thứ ba nầy, dầu còn ở thế gian, cũng kể được là người thiên đàng.

Hoặc rằng : Bởi đâu mà biết, hễ người có đức nhịn nhục, ấy là người đại độ ? Thưa đành lòng chịu gian nan, vui mặt chịu sỉ nhục, sẵn lòng chịu khốn khó : ba thứ nầy, ai chẳng có lòng đại độ, ắt không chịu nổi. Kìa đứa tiểu nhơn phụ nữ, vừa thấy chút khốn khó đến mình, liền giận hờn than trách.

Đ. C. T. độ lượng vô cùng, cho nên nhịn nhục vô cùng và duông thứ vô cùng. Người ta phạm tội nặng, Chúa phạt đặng, mà chẳng phạt, lại dong thứ để cho ăn năn chừa cải, mà thưởng cho hưởng phước. Vậy thì ai càng đại độ, càng nhịn nhục ; càng nhịn nhục, càng giống Đ. C. T.

Mặt trời có yếng sáng cả thể soi khắp cả thế gian ; dầu mây mù mưa gió cũng không che lấp cho mất sáng đặng, mấy ngàn năm nay còn y một mực chẳng sút kém phần nào. Kẻ có đức

nhịn nhục cả thể cũng vậy; dầu gặp lúc gian nan cũng chẳng nao lòng, gặp biến loạn cũng chẳng rối trí; gặp cơn hoạn nạn, cũng chẳng ưu phiền; nên chẳng có khi nào lòng không an ổn. Cũng như vàng mười vào lửa, càng luyện càng ròng.

Còn kẻ chẳng có đức nhịn nhục, khi thì giận khi thì mừng, hồi vui hồi buồn, hằng thay đổi theo việc; cũng như cây trên đảnh núi hằng phất phơ chịu theo trận gió, chẳng khi nào yên đặng. Bởi đó cho nên người có đức nhịn nhục, khiến mọi sự theo ý mình. Còn kẻ chẳng hay nhịn nhục, mọi sự đều cai trị lòng nó.

Người ta chưởi rủa con, nó đã phạm tội. Con có mắng chưởi lại, ắt con cũng phạm tội như nó. Con bắt chước nó mà phạm tội làm chi. Bởi vậy có ai nhạo báng khinh dể, con phải nhịn nhục thứ tha, chẳng nên báo oán làm chi. Chẳng vậy hoá ra hai người đồng tội, nó phạm trước, con phạm sau.

Bị gian nan sỉ nhục, chưa phải là nhơn đức, có chịu bằng lòng mới thật là nhơn đức. Cho nên con chịu khốn khó mấy cũng chưa kể, một coi con chịu khốn khó cách nào mà thôi. Bình thường chưa biết ai phàm ai thánh, lúc gian truân mới rạng mặt thánh hiền. Bề ngoài nhịn nhục, trong lòng oán trách, chưa phải là

đức nhịn nhục. Cực chẳng đã phải nhịn, mà tích lòng thù cán, cũng mất tội báo thù.

Con muốn nhịn nết xấu người ta, phải tưởng mình có nhiều nết xấu, mình cũng muốn cho người ta nhịn. Con nghĩ mình quyết chừa nết xấu, mà chừa không đặng; có lẽ nào bắt người ta chừa nết xấu cho được theo ý con sao? Ấy vậy ai ai đều có nết xấu, nên phải nhịn nhục nhau. Chịu sỉ nhục, miệng chẳng than trách, mặt chẳng buồn rầu, lòng chẳng xao động, mới kể là nhịn nhục cả thể.

Có lời Kinh thánh rằng: « *Mặt vui vẻ, lời hiền lành, hay làm cho kẻ giận trở lòng thương mến.* » Xưa có một thầy tu đi đàng với môn đệ, chẳng may lạc ngõ băng vào ruộng người kia. Chủ ruộng nổi nóng mắng rằng: Bay chẳng kính sợ Đ. C. T. đi ngang đạp phá của người ta làm vậy, có đáng kể là kẻ tu trì sao? Thầy tu vui mặt mà rằng: Anh trách phải: kẻ tu thành thật đâu dám làm bậy thể nầy. Nay chúng tôi lỡ rồi, không biết sao được, xin anh tha thứ. Chủ ruộng nghe lời hiền lành khiêm nhượng, liền biết lỗi mình, xin thầy tu hành miễn chấp. Sau bỏ nghề làm ruộng đi theo người mà học nhơn đức.

Lại lời Kinh thánh rằng: « *Kẻ giận hay sinh sự, kẻ nhịn làm yên việc.* » Lời tục ngữ rằng:

Một câu nhịn chín câu lành; dịu mềm thì hơn cứng cỏi. Xưa có một người nhơn đức tên là Tu-đề, khi không mà bị đứa xấu kia mắng chưởi, người làm thinh đi lẻi. Tức thì thiên thần hiện ra phán cùng người rằng: Mầy tránh làm vậy chưa đủ, phải qui gối xin nó tha lỗi, mới kể là thật lòng nhịn nhục. Người vưng lịnh qui gối xin đứa dữ tha lỗi. Nó thấy vậy sinh lòng cám động liền xin người tha lỗi. Trước người nhịn nhục mà tránh đi, chưa đổi lòng đứa dữ, sau người nhịn nhục mà xin tha, liền làm cho đứa dữ biết lỗi mà ăn năn tự thú.

Các sự khốn khó bất kỳ nặng nhẹ, bất luận bởi người ta hay là bởi vật gì mà đến, thảy đều bởi thánh ý Đ. C. T. đã định cho. Thánh hiền biết rõ làm vậy, cho nên khi gặp cơn gian nan, chẳng lo đến người nào vật nào, có cớ hay là vô cớ; một xét sự khốn khó nầy vốn bởi thánh ý Đ. C. T. định mà ra, nên cam lòng nhịn nhục đặng.

Người ta làm khốn con, con cứ xét người ấy, ắt con nghĩ rằng: Mình không lỗi gì với nó, mà nó hại ta. Nghĩ làm vậy tự nhiên khó nhịn. Nhược bằng con suy gốc khốn khó nầy bởi thánh ý Đ. C. T. mà ra, chắc chẳng dám nói con chưa hề khi nào lỗi cùng Chúa. Kìa lòng muốn, lời nói, việc làm, biết là bao nhiêu lần con đã

lỗi cùng Chúa. Đã mắc tội, phải chịu khó mà đền. Nay khốn khó mới đến, lẽ nào con không muốn chịu? Ấy vậy lâm cơn hoạn nạn, con liền nhớ đến tội lỗi con đã phạm, tự nhiên dễ chịu. Xưa có người nhơn đức kia nghe người ta học lại có đứa xấu chê trách, thì người rằng: Tôi có nhiều tội kín nó chưa biết; nó nói tôi xấu bằng một, mà thật tôi xấu bằng mười.

Có hiền nhơn kia rằng: Kẻ nào gặp khốn khó mà chẳng trách mình, chẳng tha thứ người ta, thì khó bề nhịn nhục, khó nỗi an lòng.

Xưa có người nhơn đức kia, bị người ta làm sỉ nhục thấy khó chịu trong lòng, liền trách mình rằng: Lòng tôi khó chịu, chẳng phải tại người ta làm sỉ nhục quá, một tại tôi ít nhơn đức quá. Phải chi tôi có đức nhịn nhục khá khá, chắc chịu đặng một lời sỉ nhục nầy chẳng sai.

Xưa ông Gióp sang trọng giàu có hơn những người thuở ấy. Thình lình phải tai nạn! gia tài điền sản bị quân dữ cướp hết; con cái bảy trai ba gái đều chết trong một ngày. Còn mình ông Gióp lâm bịnh phong lở lói. Những bạn hữu nghĩa thiết xưa, đã chẳng an ủi, lại trách người là kẻ đại tội, nên nỗi phải phạt thể ấy. Đến cơ hội nầy mà người an lòng vui chịu, mặt chẳng tỏ dấu buồn, miệng chẳng buông lời năn nỉ; một trách mình rằng: « *Tôi sinh ra*

mình trần, cũng phải chết mình trần. Tôi đặng giàu sang là ơn Chúa ban, nay Chúa cất đi, thì xin vưng theo thánh ý Chúa. Dầu sống, dầu chết, hằng phải ngợi khen Chúa luôn. »

Vợ người nhiếc rằng : Đã ra thân nầy còn ở ngay lành, ngợi khen Thiên Chúa ; sao không oán trách mà chết đi cho rảnh? Người quở rằng: « *Mầy nói điên cuồng. Đ. C. T. ban phước, mình vui chịu, Đ. C. T. cho khổ, mình than van, sao cho phải lẽ.* »

Người chịu khốn khó cơ cực làm vậy lâu năm mà chẳng hề trách Chúa, giận ai. Đoạn Đ. C. T. cho giàu có hơn trước bội phần ; lại cho sinh đặng bảy trai ba gái như trước.

Vã ông Gióp là người ngay lành kính sợ Chúa, chẳng hề phạm tội nặng, nên Đ. C. T. chẳng có ý phạt, một để cho người chịu gian nan tất bạt mà lập thêm công trọng, cùng làm gương nhơn đức nhịn nhục cho muôn đời bắt chước. Ấy vậy nhơn đức chẳng trải qua tân khổ, chẳng tỏ gương lành ; cũng như hương chẳng bỏ vào lửa, chẳng bay mùi thơm.

Ông thánh Au-cu-xi-tinh rằng : Con mắc khốn khó hay là đặng bình an, đều bởi Đ. C. T. cho. Khi bình an con vui, khi khốn khó con rầu, ấy là mừng Chúa nhơn từ, giận Chúa công thẳng. Con muốn Đ. C. T. theo ý con, mà con

chẳng muốn theo ý Đ. C. T.: nào đáng kể là kẻ kính thờ Đ. C. T. sao?

Xưa có người kia mắc tai bay hoạ gởi, năn nỉ chẳng bằng lòng. Có người khôn ngoan khuyên bằng lòng chịu vì Chúa, thì anh ta cãi rằng: Như tôi có tội đáng chịu thể nầy, mới cam lòng được; vốn tôi vô tội, mà phải khốn cực làm vậy, sao cho yên dạ. Người khôn ngoan đáp rằng: Đứa trộm cướp phạm luật phải chịu gia hình; người lành vô tội phải chịu gia hình; hai người ấy anh muốn bắt chước ai? Lời trong Kinh thánh dạy rằng: « *Phạm tội phải phạt, làm dữ phải khốn, nào có công ích gì.* » Làm lành mà phải cực, tu đức mà phải nhạo báng, vui lòng chịu, mới có công trọng.

Muốn biết người ta chịu hoạn nạn có công hay là không công, thì đừng xét hoạn nạn thể nào. Lời Kinh thánh rằng: « *Ai chịu hoạn nạn vì đạo ngay, ấy là phước thật, vì sẽ đặng nước thiên đàng.* » Bởi đó thánh hiền cam lòng chịu chết vì đạo; chịu trăm ngàn khốn khó chẳng lấy làm sỉ nhục, mà lại lấy làm vinh hiển. Đ. C. G. phán dạy Tông đồ rằng: « *Ở đời nầy bay chịu người ta nhiếc mắng, bỏ vạ cáo gian vì lòng mến Tao, ấy là phước thật. Bay chịu khốn khó hãy vui mừng, vì ngày sau chắc đặng trả công trọng vọng trên thiên đàng.* »

Ham vui ghét khổ, ấy là tính tự nhiên. Ấy vậy kẻ muốn tập đức nhịn nhục, hồi bình yên phải lo dọn mình cho sẵn mà chịu khó; chẳng vậy, lâm cơn khốn khó, chẳng chịu vui lòng đặng. Cho nên kẻ đi đàng nhơn đức, sớm mai vừa thức dậy, liền tính trước rằng: Ngày nay hoặc có ai khinh dể, hay là gặp việc gì trái ý, tôi quyết lòng nhịn nhục hết. Ấy hoạn nạn chưa tới, mình đã tập nhịn nhục ngừa trước, chừng gian nan xẩy đến, tự nhiên vui lòng chịu.

Khi gặp cơn khốn khó, con nhớ đến người may phước ở đời nầy, tự nhiên khó chịu; bằng con nghĩ đến trong thế gian, còn nhiều kẻ khốn nạn hơn con, tự nhiên dễ chịu bằng lòng.

Có người khôn ngoan đặt thí dụ rằng: Loài tẩu thú có con thỏ nhát gan lắm. Ngày kia hội nhau bàn bạc rằng: Ta là một loài mọn mẩy, các loài đều xúm lại hại ta: người ta bắt, chó săn cắn, cọp rình ăn, mắc hiểm nghèo luôn, chẳng có khi an phận; thà chết sớm cho rồi cho rảnh. Bàn tính hơn thua, đoạn kéo nhau đi nhảy xuống nước trầm mình cho chết. Vừa tới mé sông, thấy nhiều con nhái nhảy xuống nước, thỏ đầu đoàn thấy vậy quày lại nói rằng: Thôi, ta đừng chết làm chi cho uổng: Ta tuy nhỏ, mà còn có thú nhỏ hơn ta nữa: Bay coi, mấy con nhái cũng sợ ta, thấy ta đều nhảy trốn hết. Ta chẳng được

bực trên, mà cũng chưa phải là bực rốt hết. Vậy thì muốn chết sớm làm chi.

Có một đứa tiểu nhơn nhạo tu sĩ kia rằng: Mầy tu nhơn đức, thờ Thiên Chúa thể ấy, được ích gì? Tu sĩ lại rằng: Tôi gia công tập nhơn đức, để mà nhịn mấy đứa tiểu nhơn nhạo báng cho an lòng khỏi giận.

Lại có đứa xấu mắng nhiếc người nhơn đức kia, thì người trả lời rằng: Anh nói xấu giúp tôi nhịn nhục lập công. Công nầy quí báu, giá trọng mua chẳng đặng. Nay anh cho không, thật may phước cho tôi lắm.

Sự hoạn nạn giúp cho thành nhơn đức.

Có kẻ hỏi rằng: cứ sách vở nước nầy, hễ làm lành gặp lành, làm dữ gặp dữ. Vua trời chẳng cứ một chừng: ai làm lành Ngài ban cho trăm sự lành; kẻ làm dữ, xuống cho trăm sự dữ. Vậy đã chắc chắn kẻ làm lành gặp phước, người làm dữ mắc nạn. Nay coi xét việc đời, khác xa lời sách lắm: thường thấy người lành mắc nạn, kẻ dữ được phước: lộn lạo thể ấy, người quân tử thấy vậy sinh nghi, đứa tiểu nhơn toại chí. Làm sao Đ. C. T. chẳng ở với người ta cho công bình?

Thưa rằng: Làm lành đặng phước, làm dữ phải khốn, ấy là lẽ chắc chắn, chẳng hề thay đổi; không lẽ nói đặng Đ. C. T. chẳng công bình. Nhưng mà người nào thật lành, người nào thật dữ, ai hầu đoán đặng cho tường. Kia lòng lo, miệng nói, mình làm, mọi đều hiệp theo lề luật Chúa, mới kể là thật lành. Bằng có chút gì lỗi nghịch, ắt chẳng kể là thật lành. Việc lành phải cho trọn tốt mới kể là lành; làm dữ thì một đều xấu đã đủ dữ. Ở đời có ai trọn lành khỏi tì ố một hai chút? Ấy vậy có nhiều chuyện ta tưởng là việc lành, có khi Đ. C. T. đoán là việc dữ: vì ta coi bề ngoài chẳng rõ trong tâm địa người ta đặng. Còn Đ. C. T. thấy rõ ràng tường tận bề trong bề ngoài.

Vả lại dầu người nào rất dữ cũng có chút lành. Có chút lành ắt có công thưởng. Vốn vinh hoa phú quới đời nầy chẳng phải là phước thật; vì chẳng lâu đời: dầu hưởng trăm năm, giờ chết cũng mất. Đời nầy Đ. C. T. lấy chút phước tạm trả công việc làm nhỏ mọn kẻ dữ. Đời sau dùng hình khổ địa ngục mà phạt đời đời. Thưởng phạt thể ấy chẳng phải là công bình sao?

Còn kẻ lành mấy cũng chẳng khỏi một hai đều lỗi; đã có lỗi phải phạt cho cân xứng. Những sự hoạn nạn đời nầy, chẳng phải là hình phạt nặng: vì chóng qua mau hết; dầu có chịu

trăm năm, chết rồi cũng hết. Vậy Đ. C. T. dùng hình khổ tạm phạt chút lỗi kẻ lành ở đời nầy cho xong, hầu sau được hưởng phước thiên đàng. Thưởng phạt thể ấy chẳng phải là công bình sao? Kẻ không hiểu phép thưởng phạt công bình, chẳng biết họa phước chơn giả, buông lời chê trách Đ. C. T. chẳng công bình, ấy là kẻ dại mà chớ.

Việc đời nầy có ba thứ: một là phước thật; hai là họa thật; ba là những sự chẳng phải là phước là họa. Đời nầy ai làm lành thờ Chúa, chết rồi đặng phước, ấy là phước thật. Ai làm dữ bỏ Chúa, chết rồi mắc nạn, ấy là họa thật. Còn sự giàu sang ngèo khổ chẳng phải là phước, cũng chẳng phải là họa: Người lành dùng sự giúp mà thờ phượng Chúa, giúp đỡ kẻ nghèo, lập công nghiệp: ấy là dùng sự giàu sang đời nầy mà đổi phước thật đời sau. Kẻ lành chịu nghèo khổ bằng lòng theo ý Chúa, đền tội lỗi mình, chẳng hề oán trách: ấy là dùng sự nghèo khổ đời nầy mà mua phước thật đời sau. Còn kẻ dữ lấy sự phú quới mà phạm tội kiêu, dâm, xấu xa, khinh bạc người ta: ấy là dùng sự giàu song đời nầy mà đổi họa thật đời sau. Kẻ dữ phải nghèo khổ, những oán Chúa, trách người, chẳng còn biết liêm sỉ, chẳng kể chi tội lỗi: ấy là lấy sự nghèo khổ đời nầy mà mua họa thật

đời sau. Ấy vậy việc đời nầy khác nào cái thang: kẻ lành dùng mà lên thiên đàng, kẻ dữ dùng mà xuống địa ngục.

Muốn được phước thật thiên đàng, cần phải vưng theo lịnh Chúa. Cũng như kẻ liệt muốn khá bịnh, phải vưng lời thầy thuốc. Dùng thuốc đắng hay là thuốc ngọt mặc ý thầy thuốc chỉ định, kẻ bịnh phải nghe lời, chẳng đặng tự quyết; chẳng vậy chớ trông thuyên bịnh. Ta muốn lên hưởng phước cõi trời, phải đi đàng gian nan hay là đàng vui vẻ, tùy ý Chúa sở định; ta phải vưng lịnh, chẳng đặng tự chuyên. Đ. C. T. có ban phước lộc ở đời nầy, ta phải biết dùng mà thờ phượng Chúa. Bằng cho khốn khó đời nầy, cũng phải cam lòng vưng lịnh Chúa; chẳng vậy đừng trông được phước thật thiên đàng.

Xưa nay những kẻ thật lòng đi đàng nhơn đức, hằng ham chịu khốn khó, khinh để phước lộc đời nầy, cho nên đã lên bực thánh, đã đặng phước thật đời đời. Còn những người đi đàng tội lỗi, hằng tránh sự khó, ham mê phước thế gian, cho nên hoá ra kẻ dữ, mắc phải khốn nạn vô cùng. Ấy vậy sự gian nan làm cho nhiều người được nhơn đức; sự vui sướng chẳng làm cho mấy ai nên nhơn đức.

Người lành chịu khổ ở đời nầy, ấy là dấu

Đ. C. T. thương yêu. Như Đ. C. T. phán trong Kinh thánh rằng: «*Tao quở trách kẻ Tao yêu dấu.*» Cũng như cha lành trông con ngày sau nên người tài cán, cho nên dạy dỗ răn he, chẳng cho thong thả theo ý riêng. Có lỗi thì quở trách, chẳng chừa thì trừng trị. Quở dạy con thể ấy, ai dám rằng chẳng thương con sao? Như tục ngữ rằng: CHA NGHIÊM DẠY CON NÊN, MẸ HIỀN DẠY CON HƯ.

Đ. C. T. để cho kẻ lành gian nan khốn khó, chẳng những là thương yêu, mà lại có nhiều ý khác: một là thử nhơn đức; hai là lập công nhịn nhục; ba là làm gương nhơn đức cho thiên hạ; bốn là khỏi mống lòng kiêu ngạo; năm là cho biết đời nầy chẳng phải là nơi an lạc; ước ao lìa thế, về quê thật thiên đàng. Kẻ lành biết thánh ý Chúa, cho nên chịu khốn khó chẳng phiền, mà lại vui lòng, phỉ dạ. Ngày nào chẳng chịu gian nan, thì e sợ Đ. C. T. bỏ mình. Kìa loài súc vật, người ta nuôi bán, cho ăn kỹ mau mập, rồi mới làm thịt, Đ. C. T. ở với kẻ dữ cũng vậy.

Kẻ vô tình không suy xét thánh ý Chúa, thấy kẻ dữ đặng phước lộc sống lâu ở đời nầy, liền nói Đ. C. T. chẳng công thẳng. Thấy kẻ lành bần cùng chết sớm, liền trách Đ. C. T. ở bạc ác. Chẳng biết phước thế gian, phước thiên đàng,

không ai đặng hưởng trọn cả hai. Đ. C. T. muốn trọng thưởng kẻ lành hưởng phước trên trời, nên không cho hưởng phước thế gian. Cũng như thầy thuốc thấy người bịnh bất trị, một phải chết, thì chẳng ép uống thuốc, chẳng ép kiêng cữ làm chi nữa. Còn khi thấy bịnh còn chữa được, thì ép kiêng cữ, ép uống thuốc đắng cho lành.

Vã ngọc chẳng giồi, chẳng nên tốt, sắt chẳng mài chẳng hết rét. Chẳng khó nhọc chẳng thành công; không gian nan chẳng thành nhơn đức. Có tội, chẳng chịu khó, chẳng đền đặng. Kẻ lành chịu hoạn nạn, mới nên giống quí báu trên thiên đàng. Như lời ông thánh Ao-cu-xi-tinh rằng: Sự khốn khó đời nầy là giá mua phần phước thiên đàng: chẳng có giá chẳng mua đặng vật gì; không khốn khó mà muốn đặng phước thiên đàng, sao cho phải lẽ.

Kẻ lành ở đời tuy khốn khó, mà chẳng phải khốn khó luôn. Dầu phần xác gian nan, phần hồn càng vui vẻ; vì trông phần phước trên trời sẽ trả công khốn khó mình chịu ở đời nầy. Kẻ dữ ở đời nầy tuy đặng phước, mà chẳng phải là vui luôn: phần xác tuy vui, mà tấm lòng những ưu phiền áy náy, khôn kể cho cùng. Ấy vậy kẻ lành khổ, mà khổ vui; kẻ dữ sướng, mà sướng cực.

Xưa có hiền nhơn kia đi đạo, thấy một người nhơn đức kia bị sư tử cắn chết bỏ ngoài rừng, không ai chôn cất ; đoạn thấy đứa dữ nọ chết chôn cất trọng thể, liền nghĩ trong lòng rằng : Người lành kia cả đời những tu nhơn tích đức, mà chẳng đặng chết lành ; còn đứa dữ nầy trót đời những mê đàng tội lỗi, lại đặng chết chôn trọng thể. Việc nầy Chúa chẳng khứng dạy tôi, lẽ gì tôi hiểu đặng. Tức thì có thiên thần hiện ra bảo người rằng : Thằng nầy tuy dữ, mà có làm ít việc lành. Đ. C. T. dùng phước tạm đời nầy mà trả công cho nó. Bây giờ linh hồn thằng nầy đương ở dưới địa ngục chịu phạt cho đến đời đời. Còn người lành kia tuy tốt, mà có một hai lỗi nhẹ. Đ. C. T. dùng sự dữ đời nầy phạt tội nó. Bây giờ linh hồn người ấy đương ở trên thiên đàng hưởng phước cho đến đời đời.

Vậy từ nầy về sau con đừng nghi nan Đ. C. T. ở bất công cùng người ta làm chi. Hễ việc gì là việc Chúa, thì ý chỉ cao sâu mầu nhiệm, chẳng nên nghi hoặc, một phải tin mà thôi.

Có một lần ông thánh Ghê-rê-gô-ri-ô đến nhà người phú quới kia. Người ấy khoe mình rằng : Cả đời tôi những hưởng vui sướng, chẳng hề mắc phải ưu phiền khốn khó khi nào. Thánh nhơn nghe nói, liền bảo môn đệ rằng : Người nầy trót đời an vui luôn, chẳng chút gì khốn

khó, e Đ. C. T. đã bỏ rồi, hòng đoán phạt; ta phải ra khỏi đây cho mau, kẻo phải khốn đuổng nó. Ông thánh Ghê-rê-gô-ri-ô ra đi vừa khỏi trăm bước, thoát chúc thấy đất nẻ ra nuốt ông phú quới ấy, và nhà cửa của cải hết, chẳng còn vật gì Ấy vậy an vui đời nầy là dấu sẽ mắc khốn nạn đời sau.

Phương phép chữa nết giận dữ.

Thứ nhứt là lòng khiêm nhượng. Người ta giận, con giận lại, ắt là làm cho nó thêm giận. Cũng như lửa, càng thêm củi càng cháy hung, lấy hết củi, mới tắt. Lại như hai vật chạm nhau, một vật cứng một vật mềm, cả hai đều không sứt mẻ. Bằng cả hai cũng đều cứng, chẳng khỏi bị thương. Ai giận con, con ở khiêm nhượng với nó, thì hai bên được bình yên. Bằng con giận lại, chẳng khỏi thiệt hại hai bên.

Thứ hai suy những đều tai hại bởi cơn giận mà ra. Tính giận hay làm hư các nhơn đức: hễ cơn giận nổi lên, đức hiền lành, đức khiêm nhượng, đức thương yêu, đức hoà nhã, liền tan đi mất; đổi tính loài người ra tính thú dữ. Ơn thánh bỏ ra, ma quỉ vào lòng.

Thứ ba coi bộ tịch kẻ giận dữ xấu xa là dường nào. Vốn con người ta là ảnh tốt hình

xinh của Đ. C. T., mà cơn giận làm cho ra hình ma mặt quỉ. Kìa cơn giận nổi lên, hình duông ra khác lạ: đỏ mặt tía tai, rung môi múa mỏ; cắn răng bầm miệng, dởn tóc lồi gân; tay uớ trời, chơn dậm đất, miệng sôi bọt mồm bọt miệng, phun giỏ lăn xăn, tiếng nói hầm hồ như chó muốn cắn, tay xỉ xổ như tuồng ó chụp chim. Thân thể sầu bi, mũi thở hào hển; cả và mình bày ra những hình giận dữ; coi hèn hạ xấu xa là dường nào!

Thứ bốn nhớ đến hình phạt tội giận dữ là thể nào. Có lời Chúa phán rằng: « *Ngày phán xét Đ. C. T. phán đoán tội kẻ hờn giận rất nghiệm nhặt* » Lại lời rằng: « *Kẻ hiền lành ấy là phước thật, vì ngày sau sẽ đặng an vui.* » Cứ đó mà chiếu, kẻ giận dữ ấy là hoạ thật, vì ngày sau phải khốn nạn.

Bởi đó hồi bình thường năng suy bốn đều nói đó, phòng khi cơn giận nổi lên, tự nhiên dễ ngăn cầm hãm dẹp.

Sự hờn giận chẳng những hại linh hồn, mà hại xác cũng chẳng vừa. Biết là bao nhiêu bịnh hoạn bởi nóng giận mà ra. Bị phong hàn thử thấp mà chết thiệt nhiều: tưởng bị nóng giận hư gan sinh bịnh mà chết càng nhiều hơn nữa.

Coi từ phạm giam trong tỉnh, phủ, huyện

nha, mang gông xiềng, bị tra khảo, tại cớ chi ra thân thể ấy. Hỏi mười đứa, âu là chín đứa thưa rằng: Bởi chẳng nhịn đặng một lời xúc báng, nên phải chịu trăm ngày khốn nạn.

Những kẻ có lòng nhịn nhục, trên hoà với Chúa, đặng yên lòng yên trí; dưới thuận với người ta, khỏi lo khỏi sợ; gặp cơn nào cũng vui số phận, ở chỗ nào cũng được bình yên.

ĐOẠN THỨ BỐN

Giữ mình sạch sẽ chớ mê dâm dục

DÂM DỤC LÀ ĐI GÌ? Dâm dục là ham mê đàng dơ dáy. Tội nầy sinh ra nhiều đều xấu xa hư hốt: một là u ám trí khôn, chẳng còn hiểu đàng ngay lẽ chính. Hai là lạt bổ nguội lạnh về việc Đ. C. T., chẳng muốn nhớ việc đời sau. Ba là ngán việc lành, có làm lành cũng không bền đổ. Bốn là học nghề gì cũng không chí thú. Năm là ham ăn mĩ vị, mặc loà lẹt, ham ở không nhưng, muốn ngủ cho nhiều. Sáu là hay suy nghĩ bậy bạ, Bảy là biếng nhác chẳng muốn làm việc gì, trầy trật cho thong thả. Tám là lời nói cách ở trắc nết nghịch đức nghiêm trang.

Tính dâm dục là lửa trong mình người ta. Hễ lửa nầy bén lên, những ý lành lòng tốt, việc đạo lý nhơn đức, đều cháy tan tận tuyệt. Củi mồi lửa nầy là sự mê ăn uống; ngọn lửa nầy là tính kiêu căng; khói lửa nầy là lời hoa tình tục tĩu: mùi lửa nầy là danh hư tiếng thúi; tro lửa nầy là bịnh hoạn dữ dằn.

Lửa dâm dục ban đầu mới bén, chẳng lo tát cho kíp, ắt sau khó chữa. Khi mới tư tưởng chẳng lo bỏ tức thì, liền sinh động lòng thú; lòng thú động rồi lấy làm vui sướng mà làm theo; làm rồi quen thói, không biết xấu nữa, lại binh vực khoe khoan. Đến nước mê nầy, khó nỗi chữa được. Có khuyên bảo lời lành, nó sinh giận ghét. Giảng đạo lý, nó chẳng thèm nghe. Nó thấy đức hạnh thì chê bai nhạo báng. Bụng nó đầy những đồ tanh hôi thúi khét, cho nên thấy của ngon vật quí cũng chẳng biết mùi. Như lời Kinh thánh rằng: « *Đứa mê sắc dục, tai nghe lời lành lẽ đạo, lòng sinh nhờm gớm.* » Lại lời rằng: « *Giảng lời thánh cho đứa dâm dục, chẳng khác chi quăng ngọc châu báu trước mặt con heo; nó dày đạp mà thôi.* »

Dâm dục ban đầu vui sướng, sau sinh khốn nạn. Ma quỉ muốn người ta phạm tội nầy, nó bày tỏ sự vui sướng cho người ta ham, mà che lấp sự khốn cực, chẳng cho người ta thấy. Con muốn thắng chước ma quỉ, phải nhớ sự cực khổ khốn nạn sau, chắc chẳng dám vui theo đàng sung sướng ô uế ấy. Có lời thánh nhơn kia rằng: Vui dơ dáy chẳng xứng tính cao trọng loài người, vì là đều hèn hạ xấu xa lắm. Xác thịt vui sướng một giây, mà phải buồn rầu cực sĩ cả đời. Xưa có người kia giữ mình sạch sẽ lâu năm, rủi nghe

theo ý trái một hồi; đoạn người than khóc chẳng khi đừng mà rằng: Vui theo xác thịt một chút, mà làm cho tôi buồn rầu xấu hổ trọn đời! Dầu bán hết muôn vàn của báu, mua chẳng đặng đức đồng trinh. Ôi! đáng rầu đáng tiết là dường nào!

Tội dâm dục như hầm, như giếng: nhảy xuống thì dễ, mà trèo lên rất khó. Khi mới mống lòng tư tưởng, còn dễ chống trả; bằng để lòng buông theo, thật thì khó hãm dẹp. Vì vậy kẻ nhơn đức sa ngã vào đó thì nhiều, mà kẻ dâm dục trở về đàng nhơn đức thì ít. Cũng như con cá chun vào lưới thì xuôi, mà gở ra rất khó. Lại như con heo mắc lầy, nghe tiếng người ta đi bắt làm thịt, sợ gượng đứng dậy một chút; vắng tiếng liền quèn, lại nằm trong lầy như trước. Người dâm dục cũng vậy; vừa nghe phép công thẳng Chúa phạt kẻ dâm dục phải khốn nạn trong địa ngục đời đời, hoặc nó ngừng đi ít lâu, rồi cũng phạm lại như trước.

Xưa có người nhơn đức kia khuyên dặng nhiều người bỏ đàng tội lỗi. Có một đứa mê sắc dục kia, người khuyên bảo chẳng núng. Có kẻ hỏi cớ sao khuyên đặng nhiều người trở lại, mà chẳng khuyên đặng đứa nầy. Ông ấy đáp rằng: Cây mục không lẽ chạm đặng.

Phạm tội khác chẳng cần có kẻ nọ người kia; mà tội tà dâm chẳng phải phạm một mình.

Ma quỉ cám dỗ được một người phạm tội nầy, cũng lây đến người khác. Cho nên nó ham cám dỗ người ta về đàng ấy lắm.

Tội khác tuy hại linh hồn cũng chẳng hại phần xác, cửa nhà, gia nghiệp; còn tội tà dâm hại cả hồn cả xác.

Một là hại linh hồn: trí hiểu ra u ám; trí nhớ mơ màng; lòng muốn, loạn lạc; trí khôn mê muội, bỏ việc học hành, hư bề đức hạnh, bỏ việc lành, mất ơn thánh, mất nước thiên đàng.

Hai là hại phần xác, hại mạng sống, làm cho hao mòn sức lực, lao tổn tinh thần, mặt mũi xanh xao, võ vàng khí sắc. Làm cho người ta mất thể diện cao sang, hoá ra loài hèn hạ; hư danh xấu tiếng, kẻ khinh người dể. Sinh nhiều bịnh hoạn, khốn cực cả đời. Lại mau già mau rão, chẳng sống đặng bao lâu. Làm cho anh em nghịch nhau, bạn hữu lìa nhau, vợ chồng ghét nhau. Làm cho hư nhà mất nước.

Ấy là những việc độc ác bởi dâm dục mà ra. Kẻ sắc dục mê ăn uống của mĩ vị, ham ăn mặc đồ trọng thể, trang điểm phấn giồi, sắm đồ đạc cho phu phỉ xuề xoang đẹp đẽ, ham tốt ham xinh, làm loà lẹt cho người tà ưa hạp. Thể ấy dầu có của kho nhà ngói, lửa dâm dục cũng đốt sạch chẳng còn, mà cũng chưa phỉ dạ.

Đứa dâm dục ngũ quan tứ thể, cả và mình đều bày ra những hình xấu xa ô uế: tai ham nghe lời tục tĩu hoa tình; mắt ham xem hình tượng loã lồ dơ nhớp; miệng hay nói lời nguyệt hoa giỡn hớt reo cười; đi đứng lăng loàn, nằm ngồi trắt nết. Ấy là hình dạng đứa tà dâm.

Kẻ mê dâm dục chẳng lo được việc gì đại sự. Làm việc lớn phải có bốn đều: một là phải biết việc rõ ràng minh bạch, coi có nên làm hay là chăng. Hai là phải xét trước xem sau hay là bàn tính với kẻ khác cho biết đàng lợi hại hơn thua. Ba là phải quyết định cho hẳn hòi. Bốn là phải ra công rán sức mà làm cho trọn việc. Kẻ dâm dục trí khôn mờ mịt, xét sao được cho rõ ràng tường tận, hầu biết việc nên chăng; lòng đầy những sự ô uế, tinh lợi hại hơn thua sao đặng. Lòng trí những lẳng xao, còn nhứt định việc gì được. Tâm lực ra yếu đuối, còn làm nổi việc gì.

Coi đó thì biết tội tà dâm báo hại người ta là dường nào! Làm cho mê tâm tối trí; hư thân phận, bỏ việc vàn; gầy vỡ duông nhan, tổn hao của cải. Mà đứa dại còn mê man chưa biết tránh, thì khốn nạn là dường nào!

Giả như tà dâm không phải việc xấu, sao ai ai cũng đều mất cỡ hổ ngươi. Chẳng những

người lành biết xấu, dầu đứa dâm dục cũng lấy làm thẹn thuồng.

Xưa có hiền nhơn khuyên đứa mê sắc dục rằng: Trước mặt tao mầy chẳng dám làm đều quấy quá, nhơn sao mầy cả lòng làm trước mặt Đ. C. T., trước mặt thiên thần? Mầy muốn làm sự xấu, sợ tao thấy, kiếm chỗ khuất tịch mới dám làm. Rủi mà tao thấy, ắt mầy mất cỡ chẳng dám làm. Tuy mầy không thấy Đ. C. T., không thấy thiên thần, chớ Đ. C. T., thiên thần thấy mầy tỏ tường; cớ sao mầy chẳng biết kiêng sợ, chẳng biết mất cỡ?

Xưa có một con chơi ác cám dỗ người khôn ngoan kia phạm tội, người liền biểu nó ra giữa chợ, mà phạm tội với mình, thì nó thưa rằng: Làm giữa chợ người ta thấy xấu hổ quá, chịu sao được. Người khôn ngoan rằng: Giữa chợ người ta thấy, mầy sợ xấu hổ: nơi kín có Đ. C. T., có thiên thần thấy, sao mầy không sợ Chúa phạt? Con ấy nghe làm vậy, thì ăn năn chừa cải, bỏ đàng tội lỗi, mà trở nên người lành.

Xưa trong dòng kia có một thầy nhơn đức, tên là Gioang, Chúa cho có tài làm phép lạ trừ ma đuổi quỉ. Thiên hạ gần xa đem những kẻ quỉ ám đến xin người cứu chữa. Mà có một người quỉ ám, thầy ấy đã đuổi nhiều lần, ma quỉ chẳng chịu ra. Vừa khi có một người trai đang

thì đi tới nhà dòng ấy, tức thì ma quỉ sợ hãi, khóc la cả tiếng mà xuất ra khỏi mình người bịnh. Thầy dòng thấy vậy kinh hãi, mà hỏi người trai ấy rằng: Anh làm đi gì mà quỉ sợ thế nầy? Trai ấy thưa rằng: Con chẳng có công linh nhơn đức gì hết, bất quá có chút việc nầy, là khi trước con quyết lòng giữ mình đồng trinh, vào dòng tu hành. Đoạn cha mẹ ép lo đôi bạn, túng thế phải vưng lời. Lo đôi bạn vừa rồi, con an ủi được bạn giữ đồng trinh, ở với nhau như anh em ruột, đã đặng mười năm nay ; bề trong chẳng tư tưởng đến đều gì quấy quá, bề ngoài chẳng làm sự gì nghịch đức đồng trinh. Rày chúng con phân nhau đi vào dòng tập nhơn đức, giữ đồng trinh cho đến trọn đời. Nay con đến đây có một ý từ bỏ thế gian, xin vào dòng học tập, như lòng con đã sở nguyện ngày xưa. Thầy dòng khen rằng: Vợ chồng đương tuổi xuân xanh, ở với nhau lâu năm, giữ xác hồn trinh khiết, chẳng đúng bợn nhơ, khác nào ở giữa lửa mà chẳng cháy. Quỉ thần ô uế thấy người trinh khiết thể nầy, lẽ nào chẳng kinh hãi trốn đi lập tức.

Loại cầm thú chẳng có trí khôn, còn biết giữ đôi lứa thì tiết cho được sinh sản nối dòng; thì tiết qua rồi, chẳng còn làm sự gì bậy bạ. Con người ta có trí khôn biết phải trái, tấm lòng yêu đạo đức, biết việc lành phải làm, việc dữ phải

lánh, mà lại trở trái làm mặt, trở đầu xuống đất; lấy xác thịt tư tà làm chủ, bất linh hồn làm tôi, mà dầm dề trong đàng ô uế. Cũng như nước vốn hay tắt lửa; bằng lửa nhiều nước ít, chẳng những chẳng tắt, mà lại cháy thêm. Con người ta có lòng thần lòng thú: lòng thần vốn cai trị lòng thú, chẳng cho tư tà. Bằng để cho tư tà mạnh quá, liền trở lại lấn lướt lòng thần. Con người ta có trí khôn cao trọng, chẳng lấy đó mà chế trị tính hư, lại lấy đó mà giúp tình tư dục, làm nhiều tội lỗi.

Đ. C. T. dựng nên ta, linh hồn mỉa mai thiên thần, xác tương tợ cầm thú. Bằng ta chẳng ham vui bề đạo đức, một mè đắm đàng sắc dục, ấy là bỏ chức giống thiên thần, mà muốn hoá ra loài cầm thú. Loại vật không có trí khôn, còn biết lánh nạn giữ mình: con cọp ham ăn, thấy mồi trên hầm cũng biết tránh cho khỏi chết. Con chim thấy mồi trong bẫy dò, cũng sợ chết chẳng dám chun vô. Con người ta có trí khôn, biết rõ hễ đời nầy mê dâm dục, chết phải xuống hầm lửa địa ngục, mà cũng chẳng chịu cải quá tự tân, cho được phước thiên đàng. Nghĩ mà coi kẻ mê dâm dục thật dại hơn loài vật.

Ai nấy cũng biết đạo đức là quí, ích lợi cho ta, mà chẳng có chút gì tai hại. Nhưng bởi thấy sự vui sướng trước mặt, cho nên sa đà, mà

chẳng nghĩ đó là mưu chước ma qui phỉnh người ta phạm trăm thứ tội.

Xác người ta hèn hạ khác nào loài vật, đắm mê xác thịt, ấy là mê với cầm thú. Linh hồn cao trọng như thiên thần, ham vui đạo đức, ấy là vui với thiên thần.

Vã đi đàng nhơn đức ngoài xác tuy có khổ, mà trong lòng chẳng vui sướng lắm sao? Kẻ theo sắc dục, ngoài xác dầu có vui, mà trong lòng chẳng cực khổ lắm sao? Thật thì dứa dâm dục cực lòng quá lắm, khôn nói cho cùng. Kẻ nhơn đức rất đỗi vui lòng, cũng khôn kể cho xiết.

Kẻ lành cũng được sung sướng trong linh hồn trong xác: tấm lòng thanh tịnh, thân xác trinh khiết, cả và mình đều khoẻ khoắn. Ngày ở yên phận, tối ngủ yên giấc. Trí khôn được minh mẫn, ý nhớ khỏi lẳng xao, tâm tình khỏi loạn lạc. Được danh thơm tiếng trọng, kẻ yêu người kính. Bề trong khỏi hổ ngươi thầm, bề ngoài không có đều gì mất cỡ. Dầu giàu dầu nghèo cũng được yên số phận. Hằng trông phước thiên đàng, hằng tưởng nhớ đến Chúa. Những ước trông tháng qua ngày đến, đặng hiệp với thiên thần, bạn cùng các thánh, đồng vui đồng hưởng với nhau muôn đời. Vui thể ấy chẳng hơn là vui thế tục muôn vàn phần sao? Ai nếm được mùi ngon ngọt vui sướng thiêng liêng nầy, chắc lấy

sự sung sướng xác thịt làm cay đắng cực khổ mà chớ.

Ông Xê-nè-ca khuyên người dâm dục kia rằng: Tôi khuyên anh bỏ đàng sắc dục, giữ mình sạch sẽ, chẳng phải là khuyên anh đừng hưởng sự vui sướng đâu; một khuyên anh bỏ chút sung sướng ô uế hư hèn, cho được muôn phần sung sướng sạch sẽ cao trọng. Vì có vui theo xác thịt, thì phạm tội; hễ phạm tội, chắc phải lo sợ đòi cơn, còn kể là vui sao được.

Vui xác thịt, vui nhơn đức, hai ngả nghịch nhau. Con ham vui dơ dáy theo thân xác thịt, lẽ nào biết vui thanh sạch về đàng nhơn đức. Vui tục tĩu hồi đầu sung sướng, sau phải cực khổ luôn. Đức trinh kiết ban đầu cay đắng, sau sinh khoái lạc luôn. Con vừa nếm nhơn đức thấy hơi cay đắng ban đầu, liền bỏ, lẽ nào đặng hưởng vui sướng ban sau. Con phải biết, muốn vui sướng thật, phải khổ trước, mới sướng sau.

Xác thịt trinh khiết, tấm lòng trinh khiết, mới kể là nhơn đức thật. Bằng bề ngoài sạch sẽ, bề trong dơ dáy, chẳng phải là đức trinh khiết, thật là hình bóng đức trinh khiết, là màn che khuất tính tà dâm mà thôi. Như lời Kinh thánh rằng: « *Kẻ thấy người nữ, mà mống lòng theo sự trái, thì nó đã phạm tà dâm trong lòng rồi.* »

Kẻ thật lòng dứt bỏ đàng sác dục, ra sức hãm mình sửa tính, trừ khử tính tư tà, giữ lòng thanh sạch mà thờ phượng Chúa, chăm lo bề đạo đức, mà đền bồi tội trước lỗi xưa, thể ấy mới kể là người trinh khiết, có công trọng vọng; Đ. C. T. và thiên thần yêu chuộng, ma quỉ phải kiêng sợ.

Vã kiêng cữ sắc dục, cho được sống lâu sức khoẻ, vốn chẳng phải là tội, cũng chẳng phải là nhơn đức: vì chẳng dám tà dâm, một tại yêu mình, chẳng phải bởi lòng mến Chúa. Cho nên, dầu bề ngoài chẳng dám phạm, mà chưa chắc trong lòng dứt bỏ tính vui về đàng trái. Ấy vậy cho nên kẻ thật lòng khử trừ sắc dục, phải dứt bỏ lòng mơ tưởng tư tà cho trọn, chỉ một ý cho đẹp lòng Đ. C. T.. Nhược bằng xa lánh sắc dục, cho được cầu danh chác lợi, ấy là lấy tội nọ trừ tội kia: chẳng những chẳng trừ được tội cũ, mà lại phạm thêm tội mới.

Lại có thứ người vốn thật lòng chuộng đức trinh khiết; mà bởi khi mới mống lòng tư tưởng, chẳng ra sức chống trả hãm dẹp tức thì, nèn đã sẩy chơn lỡ bước, rồi đổ thừa rằng: đức trinh khiết là việc quá sức người ta, không lẽ giữ được; liền bỏ đàng phước đức, mà buông theo xác thịt: ấy là tội rất nặng.

Tư tưởng hay là không, vốn chẳng tại ta. Dầu bực thánh cũng chẳng khỏi tư tưởng; nhưng mà chống trả hay là không, là chính việc ta. Như khi tư tưởng, mình ưng vui, chẳng chống trả, mới có tội. Bằng mình gớm ghét, ra sức bỏ đi, chẳng những chẳng mất đức sạch sẽ, mà lại thêm công nghiệp. Xưa có một người giữ mình đồng trinh, hằng bị tư tưởng, phải chống trả khó nhọc luôn. Thầy coi sóc hỏi người rằng: Con có muốn thầy xin Đ. C. T. ban ơn cho con khỏi tư tưởng về đàng trái ấy chẳng? Người thưa rằng: Con chẳng muốn, một xin thầy cầu cùng Chúa ban sức cho con được chống trả nổi lòng tư tưởng thể ấy mà thôi. Vì nhơn đức chẳng khốn khó chẳng thành, công nghiệp chẳng nhọc nhằn chẳng đặng.

Tính hư khác đấu chiến với ta như quân giặc, còn tình tư dục rủ ren ta như bạn hữu. Nết xấu khác xui giục làm khổ cho ta; còn tính dâm dục lấy sự vui sướng mà dỗ dành; cho nên rất đỗi hiểm nghèo, khó chống trả, khó dè giữ, khó xa lánh lắm. Cám dỗ khác ở ngoài mà tới, còn cám dỗ nầy ở tại trong mình: xác thịt mình là con mồi, hằng đeo theo rủ ren đêm ngày chẳng ngớt, cho nên dễ sa mê.

Vì vậy muốn giữ đức trinh khiết, phải cầm xác thịt mình như đứa thù nghịch. Bằng có dung

dưỡng hậu đãi nó, chẳng khác chi muốn trừ con chó dữ mà lại cho ăn thịt cá vậy.

Ma quỉ xui giục người ta kiêu ngạo, ghen ghét, nhiều kẻ chẳng theo. Mà cám dỗ về đàng dâm dục, kẻ chẳng theo thì ít. Trong thế gian thiếu chi người chẳng mắc tội khác, mà chẳng mấy kẻ khỏi tội xấu nầy. Ấy vậy tà dâm là lưới rộng ma quỉ bủa giăng cả và mặt đất, bắt hầu hết người ta.

Lòng sắc dục cũng sinh ra một lượt với người ta. Đ. C. T. dựng nên xác người ta cho có sức sinh sản nối dòng, ban linh hồn biết phép tắc chế độ. Giữ phép tắc chế độ, ấy là việc lành; lỗi chế độ hoá ra việc tội. Đôi bạn nhằm phép ấy là việc nên. Ngoài phép đôi bạn ấy là tà dâm. Dầu trong đôi bạn, cũng phải giữ lòng trí, giữ ngũ quan cho phải phép, chẳng vậy khó khỏi tội nặng, khó trông phước thiên đàng. Lời Kinh thánh rằng: « *Đứa mê dâm dục, chẳng được phần gì trên thiên đàng.* » Ấy vậy vợ chồng phải giữ chế độ, có ý sinh con nối dòng, mới nhằm phép. Bằng vui chơi theo tính xác thịt mà thôi, ắt là phạm tội tà dâm chẳng khỏi.

Tội tà dâm rất nặng, mà tội nam sắc càng quái gở hơn nữa. Các tội cũng có tên mà kêu, còn tội nầy gớm ghiếc lắm, miệng chẳng khá nói đến. Tội nầy làm cho hồn xác ô uế xấu xa;

có nói đến thì dơ miệng lưỡi. Đ. C. T. ghét hết các thứ tội, mà ghét tội nầy hơn hết. Như lời trong Kinh thánh rằng: « *Tội giết người, tội nam sắc là hai tội trêu cơn giận Đ. C. T. giáng phạt lắm.*

Nam nữ phối hiệp theo phép nhứt phu nhứt phụ mà truyền nhơn loại, ấy là việc nhơn luân. Con trai gái, ấy là loạn luân, phạm tội tà dâm. Nhược bằng tội nầy là tội phản thường nghịch tánh, là tội quái gở trên đời. Tà dâm đã giống con heo, mà tội nầy xấu hơn heo nữa.

Trong Sấm ký có chép truyện rằng: « *Xưa thành Sô-đô-ma là nơi đất tốt, của nhiều, người ta giàu có, những ăn chơi sa đà nam sắc. Đ. C. T. đợi ăn năn chừa cải; mà thấy dân ấy mê đắm chẳng chừa, thì phán cùng ông A-ba-ra-hăm rằng: Tội quái gở dân Sô-đô-ma kêu lớn tiếng, trêu cơn giận Tao đoán phạt.* » Khi ấy trong thành có một người lành, tên là Lót, thiên thần hối ra khỏi thành. Tức thì có lửa bởi trời mưa xuống đốt nhơn vật cỏ cây cháy ra tro mạt. Đã ba bốn ngàn năm nay, đất ấy không mọc cỏ cây nữa, đá trên núi cũng còn dấu lửa, còn bay mùi thúi khét nghe xa. Biển đất ấy chẳng có con tôm con cá, người ta kêu là biển Chết. Coi đó thì biết Đ. C. T. ghét tội nam sắc mà phạt nặng nề là dường nào!

Rày mấy đứa phạm tội nầy Đ. C. T. chưa phạt tức thì, ấy là Chúa còn dung thứ, đợi nó ăn năn chừa cải. Bằng chẳng cải quá tự tàn, chắc sau phải phạt nặng nề hơn nữa. Có lời Kinh thánh rằng: « *Kẻ có tội chớ khá dể dưng mà rằng: Tôi phạm nhiều tội, mà chưa thấy Đ. C. T. phạt. Sao chẳng xét: rày càng dưỡng thứ, sau càng phạt nặng.* »

Khi ý trái mới bày ra trong trí, chưa có sức bao nhiêu, lấy ý lành mà chống trả, thì ý trái phải thua ngay. Vì ý lành và ý trái rất đối nghịch nhau, không thể ở chung với nhau đặng. Ý lành đương ở trong lòng, thì ý trái chun vô chẳng đặng. Cũng như bình đựng đầy đồ tốt, không bỏ đồ xấu vào nữa đặng.

Nết xấu khác nổi lên, ta ra sức cự địch, ấn là dễ thắng. Còn tính dâm dục nổi lên, có đối địch thể ấy, ắt là phải thua. Có một sự trốn lánh, là phương rất hay, để mà trừ được tội ấy. Vì tính dâm dục như lửa, người ta như củi, củi lửa gần nhau, khỏi cháy là hoạ. Nết xấu khác vào lòng, càng nghĩ càng ghét; còn dâm dục vào lòng, càng nghĩ càng ưa. Cho nên kẻ giữ mình sạch sẽ, vừa khi thấy mình tư tưởng bậy, liền tưởng nghĩ việc lành cho mau quên ý trái. Chẳng nên suy đi nghĩ lại ý trái ấy, kẻo lửa

dâm dục bén lên lần lần, làm mất ý lành mà phải ngã thua.

Có người khôn ngoan dặy môn đệ rằng: Khi phát tư tưởng về đàng trái, con có cậy sức riêng mình, thì khó khỏi thua lắm. Bằng kêu xin ơn Chúa phù hộ, rồi ra sức bỏ đi, tự nhiên chắc thắng. Ấy vậy vừa khi thấy mình tư tưởng về đàng trái, liền phải nói trong lòng rằng: Lòng tôi là đền thờ Đ. C. T. T., là kho tàng đạo đức, là chỗ chứa việc lành. Nhược bằng tôi theo đều tư tưởng quấy quá nầy, làm dơ nhớp tấm lòng, phải lìa bỏ Đ. C. T. T., phải mất hết nhơn đức, hư hết công nghiệp. Có lẽ nào theo chút vui dơ dáy nầy, cho tôi phải mất hết mọi của châu báu vô giá thể ấy sao?

Con suy lẽ ấy mà chưa hết tư tưởng đàng trái, thì hãy suy rằng: Linh hồn tôi là hình ảnh Đ. C. T., sẽ được lên thiên đàng, hưởng mặt Chúa, bạn cùng thiên thần các thánh, phước lộc vô cùng. Bây giờ tôi có ưng vui sự xấu xa nầy, ắt làm cho linh hồn tôi ra ô uế, Đ. C. T. phạt, Thiên thần gớm, các thánh ghét, tôi phải mất phần phước thiên đàng, đáng tiếc là dường nào!

Con nghĩ thể ấy, mà còn tư tưởng quấy quá, thì phải nghĩ rằng: Lửa địa ngục thiêu đốt rát rao cực khổ. Cùng đem trí xuống địa ngục mà nghe những người đương phải nung đốt

trong ấy kêu khóc van siếc trách mình rằng: Bởi ta xưa ở đời ham mê chút vui ô uế, nên đã đành mất phước thiên đàng, phải cực khổ vô cùng trong địa ngục làm vầy. Thật là dại dột quá chừng. Rày ăn năn đã muộn rồi! Đoạn con nói cùng mình rằng: Tôi có bắt chước những kẻ ấy mà ưng vui ý trái nầy, chắc sẽ phải phạt khốn nạn như kẻ ấy chẳng sai.

Xưa có người nhơn đức kia thấy mình mống lòng tư tưởng đàng trái, liền nói với xác thịt rằng: Mầy muốn ưng vui theo ý trái nầy, mầy hãy thử coi có chịu nổi lửa địa ngục chăng; liền đút ngón tay vô ngọn lửa, phỏng da rát rao chịu chẳng đặng. Đoạn nói rằng: Phỏng chút lửa bây giờ rát rao chịu không nổi, thì ham vui dơ nhớp làm chi, mà giao mình xuống biển lửa địa ngục thiêu đốt đời đời.

Bằng thể nầy chưa hết tưởng dông dài, thì con nghĩ đến sự chết. Giờ chết vừa đến, ắt con buồn rầu đau đớn những việc con làm bây giờ. Con hãy nhớ lại, biết là mấy người ham mê sung sướng theo thân xác, bây giờ đã ra tro ra đất, ít nữa đây tôi cũng ra tro bụi một bề như nó; vậy tôi vui sướng bùn lấm nầy làm chi, cho khốn linh hồn.

Con suy làm vậy, mà chưa hết lòng động lòng lo, thì con hãy làm khốn xác thịt; trị nó

như trị ngựa chứng vậy: phải dùng roi vọt, bớt cỏ rác, gia hình khổ: ít lâu, tự nhiên nó phải thuần thục, chẳng còn cắn đá nữa. Xác thịt cũng vậy. Khí huyết càng sung, thì nết dâm càng mạnh. Phải giảm ăn bớt ngủ, thức khuya dậy sớm, làm việc luôn đêm ngày, đừng cho ở không giây lát. Chẳng khỏi bao lâu, tự nhiên nó vưng phục linh hồn mà nghĩ về đàng lành chẳng còn tưởng đến nẻo trái nữa, mới khỏi hại linh hồn.

Xưa có thầy dòng tên là Phô-li-tô ngày kia đi với thiên thần, thấy con ngựa chết rục bên đàng; liền bịt mũi, bước rảo qua cho mau. Thiên thần hỏi sao vậy, người thưa rằng: Thúi quá, chịu chẳng đặng. Đi một đỗi nữa gặp một người ăn mặc lịch sự, đeo thuốc thơm bay mùi phức phức, thiên thần bịt mũi bước rảo qua cho khỏi. Thầy ấy hỏi sao vậy, thiên thần đáp rằng: Người dâm dục thúi quá, chịu không đặng. Coi đó thì biết thiên thần gớm đứa dâm dục là dường nào!

Xưa có người trai đương thì, nhan sắc tốt lành dẹp đẽ, nữ nhơn xấu nết thấy hay đem lòng tríu mến. Người nghĩ trong mình rằng: nhan sắc tôi nên cớ cho người ta phạm tội, tôi xin Chúa cất đi. Đoạn ngã bịnh mất một con mắt, người mừng rỡ phỉ nguyền. Vốn nhan sắc lành là của Đ. C. T. cho, chẳng phải bởi mình làm đặng, cũng chẳng phải là tội, mà người lành còn c

sợ hại đức đồng trinh, hại lây đến kẻ khác. Phương chi những đứa trau tria chuốt dạng, cho người ta mê mà phạm tội, thì làm sao?

Xưa có một thầy tu thấy người nữ kia trang điểm phấn giồi đẹp đẽ, đến sau hằng nhớ hình duông người ấy chẳng quên đặng. Chẳng khỏi bao lâu nó phải bịnh khốn nạn, chết chưa liệm chảy nước thúi tha hôi hám lắm. Thầy tu lấy khăn vuông thấm nước hôi thúi ấy đem về cất đi. Hễ khi phát tư tưởng dông dài, liền lấy khăn thúi ấy ngửi mùi mà rằng: Nữ nhan sắc đã thấy ngày xưa, nay ra thể nào: xinh tốt đã mất, hôi hám còn dây. Người ngửi khí thúi, liền hết tưởng nhớ nữa. Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: Nhớ đến hình duông xác chết cho kỹ, là phương rất hay ngăn cầm lòng tư tưởng quấy quá.

Giữ thành phải lo canh cữa thành cho kỹ: giữ đức đồng trinh phải giữ ngũ quan cho nhặt. Hễ cữa ngũ quan bỏ trống nhơn đức trong lọt ra, tội tình ngoài nhập vào dễ lắm. Đáng sợ hơn hết là con mắt xem. Nội sự coi ngó hại người ta chẳng biết bao nhiêu mà kể. Thấy người nhan sắc, mình mống lòng tư tưởng. Thấy kẻ cao sang, ta buồn mình hèn mạt. Thấy người giàu có, mình hổ phận bần cùng. Thấy người an nhàn vui sướng, ta tủi thân lao đao tân khổ. Mọi sự đều vậy. Nội ý trái trong mình ta chống trả đã khó

hết hơi; còn muốn kiếm thêm sự trái bề ngoài làm chi nữa. Cho nên ông thánh Gióp xưa rằng: «*Tôi đã giao ước với con mắt tôi chẳng hề xem trinh nữ*». Lại có người nhơn đức tên là Kim-đạt, chẳng hề dám ngó người phụ nữ khi nào. Người ta nhạo rằng: Ngó thấy người phụ nữ liền lu dức trinh khiết đi sao? Người đáp lại rằng: Ta lo sợ hết lòng hết sức, ắt Đ. C. T. phù hộ, ta mới khỏi phạm tội; bằng ta ở thong thả buông tuồng e Đ. C. T. bỏ; ta chẳng khỏi sa ngã nặng.

Bực thánh hiền còn e sợ dè giữ thể ấy; mà ta là tội nhơn, dàu dám cậy mình, xem ngó phụ nữ, dễ sinh tư tưởng, hại đức trinh khiết; huống chi làm quen lớn làn la thì làm sao? Nam sinh bởi nữ, gần nữ thì mê; có cách biệt mới là thanh tịnh. Muối sinh bởi nước, gặp nước thì tiêu, có để xa nước mới còn nguyên vẹn. Ấy vậy nam dầu trinh, nữ dầu khiết, lân lứa, ắt thành dơ nhớp.

Ham nét mặc nét ăn, yêu làm xinh làm tốt, ấy là dấu chỉ kiêu căng, là cớ chiêu dâm dục. Mặc đồ quí trau tria, chẳng những làm cho mình, mà lại sinh cho người ta tư tưởng, đàng trái; cho nên tội kẻ ấy mình cũng phải mang. Ấy vậy muốn giữ lòng trinh khiết cho toàn vẹn, khỏi tì ố, phải ăn mặc nết na tề chỉnh, vừa đứng bực mình.

Xưa có một trai đương thì, ăn mặc loà lẹt, đến hỏi học với thầy An-định, mà người làm thinh, chẳng thèm nói tiếng nào. Trai ấy hỏi sao làm thinh, thì người đáp rằng: Tao chưa biết mầy là trai hay là gái, nói với mầy sao được. Đ. C. T. cho mầy cao sang, mà mầy lại làm cho ra hèn mạt. Chúa sinh ra mầy là một đứng nam nhơn, mà mầy trau tria nét mặc cho ra hình phụ nữ.

Có vua kia phong một người đương thì làm quan. Người mặc đồ thanh quí chói ngời xức thuốc thơm tho, vào chầu tạ ơn vua. Vua quở rằng: Mầy bề ngoài áo chói hương thơm vầy, ắt trong lòng tanh hôi thúi khét. Bộ yểu điệu như con gái, lẽ chi lo kham việc trọng nhà nước? Liền cách chức huờn dân.

Xưa có một người nghèo, tên là Tho-ma, thấy nữ nhơn kia lo láng hết sức trang điểm phấn giồi cho xinh đẹp, thì nói với nó rằng: Đ. C. T. chẳng lấy địa ngục mà trả công cho mầy, thật là uổng công tình mầy quá. Mầy gia công chuốt dạng làm xinh siêng sắn thể nầy cho đặng mua địa ngục. Phải chi mầy lấy nửa phần công linh ấy mà chuyên lo việc linh hồn, ắt là mua được phước thiên đàng chẳng sai.

Luận về đức sạch sẽ.

Đức sạch sẽ là đi gì? là dứt bỏ tình ý tư tà. Có ba bực khác nhau: Bực rốt là trinh ngẫu: nghĩa là đôi bạn giữ cho phải phép: trong lòng, bề ngoài, lời nói, việc làm, đều xa lánh sự dâm tà trái lẽ. Bực trung là thủ tiết nghĩa là trai chết vợ, gái chết chồng, rồi cam lòng ở goá, giữ tiết nghĩa, giữ linh hồn và xác thanh tịnh, chẳng màng đến sự đôi bạn nữa. Bực trên hết là đức đồng trinh: là từ bình sinh cho đến chết giữ mình hằng giây hằng phút: lòng thanh tịnh, chẳng nghe theo tình tư tà, xác vẹn sạch, chẳng làm đều gì ô uế. Trong Kinh thánh sánh phần thưởng ba bực ấy như sau nầy: Phần thưởng đức trinh ngẫu cũng như gieo một, mà đặng ba mươi. Phần thưởng đức thủ tiết, cũng như gieo một, mà đặng sáu mươi. Phần thưởng đức đồng trinh, là như gieo một, mà đặng một trăm.

Nhơn đức đồng trinh tốt lành là chừng nào, kẻ đã nếm thử, lưỡi khen chẳng xiết, người chưa từng thử, trí hiểu không ra. Nhưng mà xét coi đôi bạn tân khổ thể nào, cũng có lẽ biết được đức đồng trinh là an nhàn vui sướng. Lời trong Kinh thánh rằng: « *Đôi bạn vốn là sự lành, mà kẻ đôi bạn cũng phải cam khổ phần xác.* » Lời hiền nhơn xưa rằng: Ta ngu muội là

thể nào! Hồi chưa lo đôi bạn, tưởng đôi bạn dầu chẳng được sự gì, cũng sướng phần xác thịt. Ai dè đôi bạn rồi phần xác thêm lao đao nhiều nỗi: vì chưng phối hiệp rồi, mình phải bó buộc, chẳng còn được thong dong chủ trương tự ý, phải làm tôi vợ con. Vợ hiền khó kiếm; vợ hổn thiếu chi? Mình ở hiền, nó kiêu căng tự thị; có ở thẳng, nó giận hờn trách móc. Không coi sóc nó buôn tuồng lếu láo; cho nên hằng khổ nỗi vợ con. Hồi sinh sản, mẹ đau đớn đòi cơn, rủi mẹ thác con còn, rầu mất vợ cũng lấn hơn mừng được con. Rồi đêm ngày phải khó nhọc toan lo nuôi dưỡng, hằng sợ con đau ốm chết non. Cho nên vui được con cũng bằng khổ nuôi con. Chẳng may con thác, khó nhọc mấy năm đã luống công vô ích, lại thêm nỗi thương tiếc buồn rầu. Như sinh được nhiều con, lại lo nỗi thiếu ăn thiếu mặc, rầu không của dựng vợ gả chồng. Hoặc giàu có dinh dư, thấy con dở dang, giữ gia nghiệp chẳng đặng, cũng chẳng khỏi rầu. Hoặc có con giỏi, lại e sợ chết sớm; rủi mà sinh con dữ, lại phiền sao không chết sớm cho rồi.

Bằng vì Chúa mà giữ đồng trinh tu đức, khổ ít mà vui nhiều, cực rồi có hồi thưởng trọng. Kẻ giữ mình đồng trinh, thật bổ vui hèn đời tạm, cho được khỏi vòng khổ cực phần xác đời nầy, mà trông được vui thật đời sau vô

cùng vô tận. Ấy vậy kẻ đã hiểu rõ sự vui đức đồng trinh, mà sau còn lo đôi bạn, thì ít ; người đôi bạn mất hưởng phước đồng trinh mà sau tiếc, thì nhiều.

Chẳng có sự gì làm cho trí khôn người ta ra tối tăm mê muội, chê bỏ đức đồng trinh, cho bằng sắc dục. Trên thiên thần, dưới cầm thú, con người ta ở giữa: có linh hồn giống thiên thần, có xác thịt tợ cầm thú : cho nên hễ làm việc theo lòng thần, giống thiên thần ; làm việc theo cầm thú, giống cầm thú. Việc cầm thú cũng nhiều, mà có một sự dâm dục là hèn hơn hết thảy, vì các loài cầm thú cá tôm sâu bọ chi cũng có. Cho nên người mê sắc dục, là bỏ tính cao sang, mà bắt chước loài hèn mạt. Lại lòng mê sắc dục chẳng hiểu đặng lẽ cao sâu kín nhiệm. Chẳng những là tà sắc như vậy, mà lại chính sắc cũng hay làm cho người ta ra mê muội tối tăm. Chính phép đôi bạn vốn chữa người ta cho khỏi tội tà dâm, bằng ở với nhau buông tuồng trái lẽ cũng chẳng khỏi tội tà dâm.

Kẻ giữ mình đồng trinh, đã khử trừ mọi đàng sắc dục, tự nhiên tâm thần sạch sẽ sáng láng, nên đạo cao đức trọng, lẽ nhiệm lời mầu, cũng hiểu được. Ấy vậy tấm lòng đồng trinh là một thiên đàng nhỏ nhỏ, cũng là toà Đ. C. T. ngự như lời Kinh thánh rằng: « *Ai có lòng sạch*

sẽ, ấy là phước thật; vì sẽ đặng thấy mặt Đ. C. T.. »

Vả kẻ có đôi bạn, sao cho khỏi mắc trở việc đời; nên những âu lo áy náy, có rảnh đâu mà chuyên bề tập tành đức hạnh. Người đồng trinh nhẹ gánh việc đời, bớt chia làm rối trí, một chăm lo thờ Chúa, nên dễ tới bực thánh hiền.

Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: Đôi bạn làm cho đầy thế gian; đồng trinh làm cho chật thiên đàng: Kẻ sinh con thêm số người ta, kẻ giữ mình đồng trinh thêm số thánh hiền. Hai bực nầy đều làm ích trong thế gian, mà gióng lại bực nào quí hơn?

Sự đôi bạn thì vừa theo bổn tính người ta; đức đồng trinh, thật quá sức người ta, phải có ơn Chúa giúp mới giữ đặng. Cho nên vua Sa-lo mon rằng: « *Đ. C. T., chẳng ban ơn, sức người ta chẳng giữ mình đồng trinh đặng.* » Vì vậy kẻ giữ mình đồng trinh hằng phải kêu xin Chúa giúp luôn, mới đặng thỉ chung trọn vẹn. Ông thánh Au-cu-xi-tinh rằng: Yêu kẻ nghịch lòng khiêm nhượng, phước đồng trinh, ba đức nầy, có một đạo thánh Chúa mới có thật: còn các đạo khác, dầu cho có, cũng là có bề ngoài mà thôi.

Trước Chúa ra đời, thiên hạ một biết đôi bạn, chẳng ai lo đến việc đồng trinh; lấy sự có con làm mừng; không con, rầu rĩ. Đến chừng

Chúa Giáng sinh chọn người đồng trinh làm mẹ, mà tỏ ra phước đồng trinh tốt lành quí trọng, mới có gương đồng trinh sạch sẽ. Từ đó về sau mới có kẻ giữ mình đồng trinh. Đến rày trong Hội thánh khắp thế gian, những người nam nữ giữ mình đồng trinh nhiều vô số, khôn kể cho xiết.

Đức đồng trinh quí hơn mạng sống, cho nên thánh hiền có gặp cơn hoạn nạn cả thế, đành mất mạng sống, chẳng thà mất đức đồng trinh.

Lời Kinh thánh rằng: « *Trên Thiên đàng chẳng có hôn phối, kẻ lên đó sáng láng trong sạch như thiên thần.* » Ấy vậy người đồng trinh ở thế gian cũng như ở Thiên đàng. Vì có xác thịt mà chẳng nhuốm tình dục xác thịt. Cho nên người đồng trinh chẳng những được sánh với thiên thần, mà lại có phần lấn hơn. Vì thiên thần không xác thịt, tự nhiên trinh khiết chẳng lạ gì, hằng hưởng mặt Chúa trên Thiên đàng, khỏi chống trả ba thù, cho nên tự nhiên thuần đức. Còn người đồng trinh ở giữa thế gian ô uế, dẹp đặng tính tự nhiên, dứt đặng lòng ham vui thế tục, trị đặng tính tư tà, thắng đặng chước ma quỉ cám dỗ, mà giữ mình thanh sạch cho đến chết, chẳng đúng bợn nhơ. Cho nên đức đồng trinh kẻ ấy lấn hơn đức trinh khiết thiên thần.

Kẻ có lòng trinh khiết, Đ. C. T. yêu chuộng,

thiên thần thương mến, ma quỉ cũng phải kiêng sợ. Nhưng mà xác sạch lòng dơ chưa phải là đồng trinh ; phải sạch bề trong bề ngoài, ngũ quan tứ thể, lời nói việc làm, cách ăn nét mặc, mọi sự đều thanh sạch, mới thật là đồng trinh. Lại phải cầu xin Chúa giúp luôn, cầm xác thịt mình như kẻ nghịch thù, chống trả lòng tư tưởng, hãm dẹp tình tư dục, xa cách nữ nhơn, tránh người hoa nguyệt, hằng tập tành nhơn đức, làm việc tấn ích phần hồn luôn, chẳng hở khi nào, thì mới đặng giữ mình đồng trinh bền đỗ. Ấy vậy đức đồng trinh ví như hoa hồng rất thơm tho đẹp đẽ, mà sinh giữa gai gốc. Trượng đặng khí vị thơm tho tươi tốt, đừng quản chi khổ sở chông gai.

Đồng trinh tuy là khó giữ, nhưng mà suy đến phần thưởng trọng vọng Chúa để dành cho, ắt là dễ giữ. Trong Kinh thánh có lời Chúa phán cùng kẻ đồng trinh rằng: « *Con đừng nói con là một cây khô héo. Tao đã lập toà cao trọng cho con trên Thiên đàng, mà lại làm cho con vinh hiển hơn kẻ có con.* » Ấy vậy Đ. C. T. thưởng kẻ đồng trinh cao sang hơn người đôi bạn bội phần. Có một lần Chúa cho ông thánh Gioang tông đồ thấy trên Thiên đàng có muôn vàn đứng thánh chầu xung quanh toà châu báu Đ. C. G. ngự, sáng láng chói loà, thì hỏi các thánh ấy là ai ; liền có

tiếng phán rằng: « *Những đứng nầy hết thảy là thánh đồng trinh, ở đời chẳng dính bén bợn nhơ phụ nữ.* » Ấy vậy kẻ chẳng đồng trinh, chẳng dám gần toà Chúa ngự.

Phước đồng trinh chẳng những làm cho linh hồn sáng láng vinh hiển trên Thiên đàng, mà lại làm cho xác thịt tốt lành thơm tho ở dưới thế. Các nước phương tây, kẻ giữ đạo thánh có người đồng trinh, chết đã dư ngàn năm nay, rày xác hãy còn tươi tốt thơm tho chẳng hư. Ấy Chúa đã thưởng hồn, lại thưởng xác đồng trinh. Thấy vậy, đồng trinh khó giữ cũng hoá ra dễ.

Ma quỉ ghét kẻ đồng trinh lắm, cho nên lo trăm mưu ngàn chước cám dỗ cho được. Xưa có một thầy danh tiếng giữ mình đồng trinh từ thuở bé, ma quỉ ghen ghét, cám dỗ đã hơn bốn mươi năm chẳng đặng. Ngày kia có một người đi lỡ đàng, cửa thành đóng rồi, vào không đặng, túng phải vô nhà rách người ta bỏ không mà nghỉ đêm. Đến khuya kéo tới một đoàn quỉ; quỉ cả ngồi trên, tra hỏi công chuyện mấy quỉ kia. Có một quỉ rằng: Tôi đã giục được người xứ kia giận dữ ghết nhau. Quỉ khác rằng: Tôi đã dỗ được người nọ ăn trộm. Quỉ cả quở rằng: Bay dỗ chưa có công linh gì. Đoạn có một quỉ đến nói rằng: Tôi cám dỗ người đồng trinh kia, đã hơn bốn mươi năm nay chưa được, mới hôm qua đã giục

được nó lấy tay vỗ vai dứa tĩ nữ trong nhà. Quỉ cả nghe vậy mừng rỡ khen có công, lại biểu lập mưu cho khéo cám dỗ cho được; chừng được việc rồi sẽ thưởng to. Tra hỏi đoạn, quỉ kéo đi. Người thấy cớ sự làm vậy, ái ngại troug lòng, chẳng nỡ bỏ qua, sáng ngày liền đến nhà thầy đồng trinh ấy thuật dầu đuôi. Thầy ấy biết mình mới dây cũng có lỗi thế ấy, liền ăn năn xin Chúa thứ tha. Đoạn bỏ cữa nhà quê quán đi tu hành phương xa, chẳng dám ở chung với người ta nữa.

Bà thánh Xê-xi-li-a từ niên ấu đã khấn giữ mình đồng trinh trọn đời. Sau cha mẹ ép, túng thế chịu lo đôi bạn. Ngày rước dâu người nói với bạn rằng: Thuở bé em đã khấn hứa giữ mình đồng trinh thờ Chúa. Rày cha mẹ ép, cực chẳng đã em phải vưng kết bạn, Đ. C. T. có sai một thiên thần gìn giữ mình em luôn; xin anh đừng làm sự gì hại đức đồng trinh em, kẻo phải phép Người phạt nặng. Người bạn nói mình có thấy được thiên thần mới tin, thì thánh nữ rằng: Anh muốn thấy thánh thiên thần, thì phải thật lòng tin kính Đ. C. T., chịu phép Rửa tội, thành người có đạo, mới thấy đặng. Người bạn làm các việc như lời, đoạn Đ. C. T. cho thấy thánh thiên thần cao sang tốt lành. Người biết Đ. C. T. yêu chuộng kẻ đồng trinh lắm, liền khấn hứa giữ mình trinh khiết trọn đời, ở với thánh nữ

như anh em ruột vậy. Có một lần thấy thiên thần đem hai tràng mão hoa đội trên đầu hai vợ chồng ấy, có ý chỉ đức đồng trinh tốt lành, cũng làm chứng hai người giữ mình vẹn sạch linh hồn và xác.

ĐOẠN THỨ NĂM

Rộng rãi chớ hà tiện.

Hà tiện là đi gì? Hà tiện là tính mê tham của cải chẳng hay no. Trời cao đất rộng, bốn biển mình mông, muôn vật vô số, chứa chẳng đầy một tấm lòng người tham muốn.

Các nết xấu khác đợi người ta có trí khôn rồi mới phát, mà chứng hay tham của nẩy ra sớm lắm. Kia con nít nên đôi ba tuổi, đã biết ham nhiều muốn khá. Nết xấu khác tuổi già cũng bớt, mà chứng tham của càng già càng thêm. Cho nên tính mê tham là cội rễ các sự dữ. Giận hờn tranh tụng, lường gạt trộm cướp, độc địa gian dâm, cũng bởi gốc lòng tham mà nẩy nhánh.

Lòng người như đất, nết xấu như cỏ, của cải như mưa; đất không mưa, thì khô táo, cỏ chẳng mọc; có mọc cũng chẳng lên nổi. Người không của, ít trổ chứng xấu xa; có trổ, cũng không theo cho hết được. Đất gặp mưa tư nhuận, cỏ mới mọc sum sê; kẻ đặng nhiều của, mặc sức tung hoành, không còn kể sự gì là xấu nữa. Đất

có mỏ vàng là đất còi đất quánh, chẳng sinh được cây cối hoa quả; lòng người tham của, cũng là lòng xấu lòng hư, chẳng sinh được việc lành phước đức.

Kẻ tham của hay khắc bạc con nhà nghèo, những lo cho mình được việc: cửa nhà đồ đạc cho rực rỡ nguy nga, vợ con ăn mặc cho trọng thể xuề xoang. Hằng âu lo về phần xác, không kể việc linh hồn; những trằn trọc việc đời nầy, chẳng nghĩ đến việc đời sau.

Đói khát ít sinh dâm dục, nghèo khổ ít phát kiêu căng; cho nên kẻ bần cùng ít tội. No đủ dễ sinh dâm dục, giàu sang dễ mống kiêu căng; cho nên kẻ phú quới phạm nhiều tội.

Kẻ nghèo được an nhàn thong thả; người giàu phải lo láng ưu phiền. Nghèo dầu ở giữa quân trộm cướp, cũng chẳng lo chi. Giàu đêm ngày hằng lo sợ: sợ con cháu không giữ được gia tài; sợ trộm cướp lập mưu lấy của. Ấy vậy kẻ tham của, bị của hại là dường nào! Hồi chưa được của, những lo trăm mưu ngàn cách, đêm ngày trằn trọc trằn xa. Được của rồi, lại e giữ không đặng bền; nên những lo sợ đàng nầy nỗi khác, đêm ngày áy náy chẳng yên. Rủi mất của, lại thêm bề khốn cực hơn nữa. Ấy vậy được của vui chẳng bao lăm, mà mất của thì buồn rầu xấp bội.

Vả kẻ có chứng tham ô, những lo cho được của bất kỳ phải trái; cho nên những người phú quới, chẳng mấy kẻ khỏi vương của trái lẽ. Như lời ông thánh Au-cu-xi-tinh rằng: Kẻ giàu được ích mà lại bị hại: rương lẫm đầy rồi, thì lòng đạo cũng mất rồi; được hàng gấm, thì mất đức bạnh; đặng tiền tài, hết nhơn ngãi. Ấy vậy giàu vốn chẳng phải là tội, song là gốc sinh ra tội lỗi.

Của cải như bạn hữu giả: hồi còn bình yên nó theo, chừng hoạn nạn nó bỏ. Xưa có ông phú trưởng giả hà tiện kia, lâm bịnh nặng gần chết, phải cơn sợ sệt, liền kêu của cải đến cứu, mà thấy của cải làm thinh chẳng thèm tới, thì người trách rằng: Bay là vật chết vô tình! Xưa rày tao thương yêu bay chí thiết, đêm ngày những khó nhọc vì bay. Bây giờ tao phải đi, sao bay chẳng đi với tao? Bay quyết bỏ tao mà theo kẻ khác; thà bây giờ tao đuổi bay đi trước cho rảnh. Bấy giờ ông phú trưởng giả ấy, lấy hết tiền bạc phân phát cho kẻ nghèo khổ; đoạn chết lành bình an.

Con với của cải ở với nhau chẳng bền được; dầu con không bỏ của, chắc của cũng bỏ con chẳng sai. Vả của đời là như nước chảy: trước đã chảy qua nhiều chỗ, nay mới chảy đến trước mặt con; rồi thì chảy đi chỗ khác. Con có dùng của đời mà kính thờ Chúa, thương yêu kẻ khó

khăn, mới kể là của con. Bằng con tiếc chẳng dám dùng, chẳng khỏi bao lâu của về tay kẻ khác; còn nói đặng là của cải con nữa sao?

Giàu sang đời nầy là một giấc chiêm bao: kẻ đói khát ngủ mơ màn, thấy mình ăn uống của mĩ vị ngon ngọt; thức dậy rồi đói cũng còn đói. Người tham, được của, cũng làm vui; chẳng may mất của, nghèo cũng ra nghèo. Dầu hưởng được mãn đời, chết cũng không đem theo được. Chết mà bỏ của chẳng phải là nhơn đức gì, cực chẳng đã phải vậy; nên chẳng phải là con bỏ của, thật của bỏ con mà chớ.

Lời Kinh thánh rằng: « *Ta sinh ra mình trần, nữa chết cũng mình trần.* » Vì vậy kẻ ham mê của thế gian là kẻ dại: sống thâu góp của cải, phạm phép công bình; chết để của phi ngãi cho người ta, còn mình một mang tội phi ngãi theo mà chịu phạt.

Muốn lên núi cao thì đừng gánh nặng; ai gánh nặng, ắt khó lên. Thiên đàng là núi rất cao, của đời là gánh rất nặng. Muốn lên Thiên đàng thì đừng tham của thế. Kẻ ham của lên chẳng đặng. Cho nên lời Kinh thánh dạy rằng: « *Ai có lòng khó khăn, ấy là phước thật: vì nó sẽ đặng nước Thiên đàng.* » Chiếu đó thì biết ai có lòng tham lam, ấy là tai hoạ thật, vì nó sẽ phải xuống địa ngục.

Kẻ ham của chẳng biết no, thật là người vô phước, chẳng được bình an. Có một kẻ biết mình đã đủ, mới là có phước. Có của ăn đỡ đói, có áo che thân, có nhà nương ngụ, thì đã đủ rồi, chẳng ham chi nữa; một vưng theo thánh ý Chúa mà thôi, ấy là tốt phước. Còn kẻ có chứng tham, đã giàu, lại muốn giàu thêm; được sang càng trông sang hơn nữa; mạng sống nó có cùng, mà lòng tham không cùng. Dầu nó giàu sang cho đến chết, cũng chưa hưởng được một ngày no đủ.

Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: Kẻ tham thấy của, cướp được nó cướp, cướp chẳng được nó ước mơ. Nó hằng tưởng người ta no đủ, cỗn mình đói khát luôn. Thiệt cái bụng người tham là bụng vô ngằn: dầu lấy hết của cải nội trong thế giái bỏ cũng không đầy một tấm bụng người tham.

Lòng người ta ước ao vô cùng, phước đời nầy chẳng làm chi phỉ được, có một phước Thiên đàng mới đặng phỉ dạ mà thôi. Kìa coi kẻ đói muốn cho có của ăn; có đồ ăn lại thèm tiền bạc; được trăm lại muốn được ngàn; được ngàn lại trông được vạn; được vạn rồi lại muốn quờn cao lộc cả, chẳng bao giờ cho no.

Xưa có một vua tên là A-le-xan-đê, trị nước lớn, hưởng giàu sang. Ngày kia vua khóc lớn tiếng, quan chầu tâu hỏi, thì vua phán rằng:

Trẫm nghĩ lại trong thế gian còn nhiều nước mà trẫm chưa lấy đặng một; nên trẫm tức mình. Ấy coi vua đã sang giàu khôn ví, mà lòng còn thèm lạt như một đứa bần cùng. Dầu đặng hiển vinh sung sướng, cũng chẳng giải được cơn buồn bực tính tham.

Kẻ đói có của thì ăn cho vừa no; bằng ham ăn thới quá, ắt sinh bịnh hoạn. Muốn cho khỏi bịnh, chẳng phải là ăn thêm cho nhiều, một phải giảm bớt mà ăn cho vừa phải. Có của mà biết đã đủ dùng, thì mới đặng yên lòng yên trí. Bằng càng đặng nhiều của, càng ham thèm, ắt sinh phiền muộn; muốn khỏi ưu phiền, chẳng phải là tại được của cho nhiều, một tại biết mình đã có vừa đủ.

Kẻ tham lam, dầu có nhiều của cải, cũng chẳng phải làm chủ, một làm tôi của mà thôi. Hễ của thạnh, lòng nó vui; của suy, lòng nó cực; thật nó tùy của, chẳng phải của tùy nó; chẳng phải nó dùng của, song của dùng nó. Nó chẳng sai bát của cải đi làm việc khó nhọc đặng; mà của bắt nó trèo non vượt biển, đi nơi nọ xứ kia, chịu gian nan nguy hiểm, đến đỗi liều mình chết vì của. Coi đó thì biết đáng kêu nó là chủ hay là tôi của cải.

Ông thánh Au-cu-xi-tinh hỏi kẻ ham của rằng: Mầy tận tâm kiệt lực thâu góp của cải

cho ai? Nó thưa rằng: để cho con. Người rằng: Con mầy tích trữ làm chi,? thì nó thưa để cho cháu. Ông thánh ấy lại rằng: Mầy thâu góp của cải để cho con cháu, chẳng hay là hại con cháu sao? Như con cháu khôn, dầu cha mẹ không để lại một cục đất cắm dùi, thì nó cũng làm ăn no đủ. Bằng con cháu hoang đàng, dầu cha mẹ có để của muôn tiền vạn, cũng không phỉ cho nó trai gái cờ bạc rượu trà. Ấy vậy cha mẹ khôn lo để nhơn đức cho con; cha mẹ khờ lo để của cải. Con thảo giữ nết na đức hạnh mà thờ phượng Chúa, tự nhiên hồn xác đặng an lành. Con hoang mê tửu sắc xa xí, làm nhiều tội lỗi, của hết thân hư. Vậy rày mầy lo tích của cho con, ấy là thương con hay là hại con?

Xưa có một người giàu có hà tiện kia, sinh hai đứa con. Con trưởng nam nghĩ rằng: Cha tích nhiều của cải, chắc cũng có của phi ngãi chẳng không, mình có lãnh cơ nghiệp, e khó nỗi phần hồn, liền bỏ thế gian mà đi tu hành. Cha chết đoạn, để hết gia tài cho con thứ. Chẳng khỏi bao lâu nó cũng chết. Con cả nghĩ đến việc linh hồn cha và em, phát áy náy lo sợ, kêu xin Chúa đoái thương tỏ ra cho biết, thì Đ. C. T. cho người thấy trong địa ngục có cha và em đương phải khổ hình trong hầm sâu thẳm. Hai cha con trách móc nhau. Cha rằng: Tao lo thâu

góp của cải để cho mầy, nên tao phạm phép công bình mắc tội, phải khốn cực thể nầy, thật là bởi tại mầy. Con rằng: Tại cha để của phi ngãi cho con, nên con phải khốn nạn làm vầy, không giận hờn sao được.

Có một người lái buôn tham của kia, khi gần chết nói cùng bạn hữu rằng: Tôi chết rồi xin chôn xác tôi chỗ đó; còn linh hồn tôi và linh hồn vợ con tôi, đều giao cho quỉ chôn trong địa ngục. Bạn hữu ngầy nó nói sẳng, thì nó đáp rằng: Tôi chẳng nói sẳng đâu; trí tôi tỉnh táo biết rõ ràng: bởi cả đời tôi lo thâu góp sắm của cho vợ cho con: vợ mặc loà lẹt, vàng đeo phấn dánh; con ăn chơi sung sướng phong lưu. Bởi tôi lo tích của cho nó, nên tôi làm thiệt hại người ta; nay tôi phải xuống địa ngục; còn nó khỏi địa ngục sao?

Ấy vậy kẻ tham ô khó rỗi linh hồn lắm: như lời Kinh thánh rằng: « *Con lạc đà chun qua lỗ kim đã khó, mà kẻ giàu lên Thiên đàng, càng khó hơn nữa.* » Khó ấy là tại đâu? Là vì giàu mà chẳng kiêu dâm, xa xí, chẳng khắt bạc người nghèo; giàu mà thật lòng giữ giái răn kính Chúa yêu người, thật là ít có; trong ngàn người giàu kiếm chưa đặng một.

Bằng lòng chịu khó mới là nhịn nhục, vui lòng chịu nghèo, mới thật khôn ngoan; sẳn lòng

vui chịu, ấy là thang vững chắc mà lên Thiên đàng. Như lời Đ. C. G. phán cùng môn đệ rằng: « *Đời nầy bay chịu khó vì Tao, thì hãy vui mừng: vì ngày sau đặng lên bực cao sang trên Thiên đàng.* » Còn như nghèo mà lòng tham lam, chẳng kể là khó khăn, cũng chẳng kể là nhơn đức, mà lại mắc tội. Kẻ giàu mà chẳng có lòng tham, biết kính mến Chúa, thương kẻ bần khổ, ấy là người thật lòng khó khăn, ngày sau chắc được thưởng trọng.

Của cải vốn chẳng phải là tội, song bởi kẻ dùng làm dữ thì nhiều, kẻ dùng làm lành có ít; cho nên của đời chẳng khác nào cái thang, kẻ lành dùng lên Thiên đàng; kẻ dữ dùng xuống địa ngục. Vua Sa-lo-mon cầu xin rằng: « *Tôi xin Chúa chớ để cho tôi giàu quá nghèo quá; một xin cho tôi đủ ăn đủ mặc thì thôi.* » Vì giàu quá, e quên Chúa, sinh kiêu căng mà phạm tội. Nghèo quá, sợ mống lòng gian tham trộm cắp mà mắc tội.

Xưa có hai nhà ở kề nhau: một chủ giàu, một chủ nghèo. Người giàu đêm ngày láu đáu lo toan, ăn chẳng ngon, nằm chẳng ngủ. Còn người nghèo mỗi bữa đi làm mướn rồi về đờn hát vui vẻ thong dong. Người giàu ngầm nghĩ trong lòng rằng: Nó nghèo, mình giàu, mà sao nó được vui vẻ hoài, còn mình hằng âu lo áy náy luôn. Ngày kia nói với người nghèo rằng: Tôi với anh là

bạn già chắc chắn, ở gần gũi nhau: tôi biết anh không có vốn làm ăn buôn bán; nay tôi giúp anh một ít bạc tiền làm vốn sanh lợi, nữa sau anh trả vốn mà thôi. Anh nghèo mừng rỡ cám ơn, lãnh bạc đi buôn bán; đêm ngày những tính lỗ lời trồi sụt, hết thong dong dờn hát nữa. Người giàu ấy thấy vậy mới biết: mình phải âu lo là tại ham của. Anh nghèo ấy cũng biết mình trước thong dong vui vẻ là tại không tham của, nay lo lắng ưu sầu cũng bởi tiền bạc, liền đem bạc trả cho ông giàu, rồi cứ đi làm mướn yên thân như trước. Coi đó thì biết kẻ nghèo sướng lắm, mà kẻ giàu cực hoài.

Đ. C. G. phán dạy dân sự rằng: « *Bay đừng áy náy âu lo về áo mặc của ăn quá lẽ làm chi: sao chẳng coi chim trời, nó chẳng lo dệt dừng gieo vãi; mà Đ. C. T. cũng lo cấp dưỡng nó đủ đều. Bay chẳng trọng hơn các thứ chim trời sao? Vả lại mạng sống linh hồn bay trọng hơn áo mặc đồ ăn. Đ. C. T. đã cấp dưỡng vật hèn, lẽ nào chẳng cấp dưỡng vật trọng sao? Vậy việc cần kíp phải chăm lo, là gia công tu nhơn đức, sốt mến Đ. C. T., tìm nước Thiên đàng, thì Đ. C. T. cũng sẽ cấp dưỡng bay đủ ăn đủ mặc.* »

Vua Sa-lo-mon khi còn niên ấu, chiêm bao thấy Đ. C. T. dạy rằng: « *Con muốn xin đều gì, thì. Tao sẵn lòng ban cho.* » Người thưa rằng: « *Con*

còn ít tuổi thấp trí, mà nước rộng dân đông, e sức con cai trị chẳng nổi; con chẳng dám xin sự gì khác, một xin Chúa nhơn lành ban đức khôn ngoan cho con biết vưng phục thánh ý Chúa, biết lánh dữ phải trái, hầu gánh nổi việc đại sự ấy.» Đ. C. T. phán rằng: « *Sự con xin rất đẹp lòng Tao. Con chẳng xin giàu sang cùng cho đặng hạ kẻ nghịch thù; một xin đức khôn ngoan để mà vỗ trị muôn dân cho trên an dưới thuận. Tao ban chẳng những cho con được khôn ngoan thượng trí, mà lại được vang danh, giàu có, sống lâu.* » Coi đó thì hiểu được, người lành một lòng thờ Chúa, chỉ lo việc linh hồn; mà Đ. C. T. hằng chiếu cố cấp dưỡng phần xác. Vua thánh Đa-vít rằng: « *Ta từ bé đến già, chưa hề thấy con cháu kẻ lành đi ăn xin xó chợ; chưa hề thấy Đ. C. T. từ bỏ kẻ lành bao giờ.* » Ấy vậy ta chẳng bỏ Đ. C. T. trước, ắt Đ. C. T. chẳng bỏ ta.

Xưa có một tên nghèo nàn kia xí được ít đồng bạc, lấy làm vốn buôn rượu. Anh ta múc nước sông pha vào, mà cũng bán mắt. Chẳng khỏi bao lâu, tích đặng hơn mười đồng, bỏ vào đãy da, đến phố mua đồ. Phải khi đói bụng, ghé vô quán cơm, lấy đãy da để một bên; thình lình có con ó lớn tưởng là cục thịt, xớt gấp bay đi. Anh ta chạy theo la quát. Ó bay qua sông, thả đãy da rơi xuống giữa dòng. Anh ta hết trông,

đứng lơ láo rầu rĩ. Ấy coi, bạc đó bởi pha nước sông mà đặng, sau hết cũng trở về sông. Uổng công lo mưu kế khó nhọc đêm ngày; bạc đã mất hết rồi, tội thì mình còn mang đó.

Ông thánh Ghê-rê-go-ri-ô rằng: Con thấy có dịp lấy của trái lẽ đặng, thì phải nhớ, hễ lấy của người ta trái phép, ắt mắc tội với Chúa; chẳng trả lại, chẳng khỏi tội được; lại phải nhớ đến giờ chết, của chẳng theo con, tội theo con mà thôi. Của thì về tay kẻ khác, mà tội thì đổ trên đầu con. Suy nghĩ thể ấy, tự nhiên hết tham.

Xưa có hai người mộ đạo đức, rủ nhau đi kiếm thầy thông minh nhơn đức mà học. Đi đàng qua trước nhà thờ, ghé vào xem lễ; gặp ba đứa đui ngồi trước ngõ nhà thờ, xin bố thí. Có một đứa nói gốc tích mình đui rằng: Năm trước tôi làm biếng, phải nghèo khổ, thấy người giàu kia chết, liệm chôn trọng thể lắm, trong quan tài để nhiều của châu báu. Ban đêm tôi lén đào lên, mở hòm lấy đồ quí báu, để áo quần lại mà thôi. Nhưng mà bụng tham chưa phỉ, tôi bèn trở lại lột áo, thình lình xác chết chổi dậy, lấy tay đâm con mắt tôi, cho nên tôi phải đui mù cho đến rày. Hai người mộ đạo đức ấy nghe vậy, thì nói với nhau rằng: Đ. C. T. dùng người đui nầy mà dạy ta đừng tham của. Nội đây học đã hiếm, chẳng cần kiếm kẻ dạy làm chi nữa.

Hà tiện của cải đã có tội, lại còn một thứ người ta hà tiện trí khôn, càng mắc tội nặng hơn nữa. Đ. C. T. ban cho con thông minh trí huệ sức lực, có ý cho con dạy bảo giúp đỡ người ta; mà con tiếc, chẳng dám phân phát cho người ta nhờ với: chẳng phải là tội nặng sao? Thấy người ta đau chết, mình có phương cứu đặng mà chẳng cứu; gặp người ngu muội, mình thông minh dạy bảo được mà chẳng dạy, thì khỏi tội nặng được sao? Kẻ hà tiện của cải, còn có lẽ chữa mình, vì sợ sau mình khó khăn thiếu thốn; kẻ hà tiện trí khôn, không lẽ gì chữa mình đặng. Ví dầu con có dạy nhiều người, con cũng chẳng bớt thông minh; có giúp nhiều người, con cũng chẳng kém sức lực. Vậy thì tiếc làm chi? Kẻ hà tiện của cải, chết rồi người ta cũng còn dùng được của nó; con có hà tiện tài trí, giờ chết, tài trí cũng chết theo, chẳng ai còn nhờ được; vậy thì con hà tiện làm chi?

Luận về sự thương giúp người ta.

Thương giúp người ta có mười bốn mối: thương giúp phần hồn bảy mối; phần xác bảy mối.

Về phần hồn: *Thứ nhứt* lấy lời lành mà khuyên người. *Thứ hai* mở dạy kẻ mê muội. *Thứ*

ba an ủi kẻ âu lo. *Thứ bốn* sửa kẻ có tội. *Thứ năm* tha kẻ dể ta. *Thứ sáu* ai lầm lỗi thì dầu vậy. *Thứ bảy* cầu cho kẻ sống và kẻ chết.

Về phần xác. *Thứ nhứt* cho kẻ đói ăn. *Thứ hai* cho kẻ khát uống. *Thứ ba* cho kẻ truồng mặc. *Thứ bốn* viếng kẻ liệt cùng kẻ tù rạc. *Thứ năm* cho khách đỗ nhờ. *Thứ sáu* chuộc kẻ phải làm tôi. *Thứ bảy* chôn xác kẻ chết.

Kẻ có của giúp phần xác phần hồn người ta được hết; còn kẻ không có của, chẳng giúp được phần xác, cũng giúp được phần hồn. Kẻ thương giúp phần xác người ta trong cơn khốn cực, vì lòng kính Chúa, thì đã đặng công trọng; mà kẻ cứu giúp phần hồn người ta cho khỏi tội, vì lòng mến Chúa, thì công càng trọng hơn nữa. Về việc giúp đỡ phần xác người ta, có kẻ giúp được, kẻ không; về sự cứu giúp linh hồn người ta, ai ai cũng giúp được. Kẻ giúp đặng mà chẳng chịu giúp, thì không đặng rỗi linh hồn; như lời Kinh thánh rằng: « *Ai chẳng thương giúp người ta, Đ. C. T. chẳng thương giúp nó trong ngày phán xét.* »

Việc giúp đỡ cũng phải có thứ tự: trước lo cho mình, sau mới lo cho người ta; giúp người gần trước, người xa sau; kẻ lành trước, kẻ dữ sau; có đạo trước, ngoại đạo sau.

Lại bất luận kẻ bạn hữu, kẻ nghịch thù,

cũng đều phải thương giúp. Hãy bắt chước lòng nhơn lành Đ. C. T.: dựng mặt trời soi chung cho người lành và người dữ; mưa xuống tư nhuận cho kẻ tốt kẻ xấu thảy đều đặng nhờ. Như thương giúp kẻ nghĩa thiết, mà bỏ kẻ nghịch thù, chưa phải là thiệt lòng mến Chúa, chưa có công trọng bao lăm.

Vã làm ơn cho người ta, thì phải vui lòng; bằng cực chẳng đã mà làm, thì chẳng đẹp lòng Chúa, chẳng đáng Chúa trả công. Vui lòng bố thí, bất luận ít nhiều, cũng đặng công trọng. Như lời Chúa phán rằng: « *Bay vì Tao mà thí cho người ta, dẫu một chén nước lã, cũng có công trọng.* »

Thương giúp người ta là nhơn đức rất đẹp lòng nhơn lành Đ. C. T., tha thứ các tiền khiên. Như lời Đ. C. T. phán trong Kinh thánh rằng: « *Mấy bưng tai chẳng nghe kẻ nghèo đói kêu xin, thì Tao cũng chẳng nhậm lời mấy cầu khẩn.* » Lời Kinh thánh rằng: « *Ngày phán xét Đ. C. T. sẽ quở trách kẻ dữ bên tả rằng: Hỡi ôi thế Tao đói khát lạnh lẽo, đau đớn khốn cực, bay chẳng thèm ngó tới; nay bay phải ra khỏi mặt Tao cho chóng, mà xuống địa ngục chịu hình phạt với ma quỉ đời đời.* » Bấy giờ kẻ dữ thưa rằng: « *Khi chúng tôi ở đời, nào có thấy Chúa khốn cực đâu mà giúp đỡ?* » Chúa lại phán rằng: « *Bay*

chẳng thương giúp kẻ nghèo cực là con cái Tao, ấy là chẳng thương giúp Tao mà chớ. » Đoạn phán cùng kẻ lành bên hữu rằng: « *Hỡi ở đời Tao bần cùng, tật bịnh, hoạn nạn, bay đem lòng thương giúp Tao; ày hãy lên hưởng phước với Tao trên Thiên đàng đời đời.* » Kẻ lành thưa rằng: « *Khi chúng tôi còn sống, nào có thấy Chúa phải khốn cực đâu mà thương giúp?* » Chúa lại phán rằng: « *Bay bố thí cho kẻ bần cùng là con cái Tao, ấy là bố thí cho Tao mà chớ.* » Coi đó thì biết thương giúp kẻ khó khăn là thang lên Thiên đàng. Cho nên Đ. C. G. phán rằng: « *Ai thương giúp người ta, nấy là có phước thật: vì sẽ đặng Đ. C. T. thương xót.* » Vì vậy dễ hiểu ở đời nầy ta thương xót người ta, ấy thật là thương xót mình; vì Đ. C. T. nhơn lành thấy vậy thì thương tha hết tội lỗi cả đời ta.

Đàng lên trời có hai ngả: một là đàng nghèo; hai là đàng giàu. Vậy Đ. C. T. cho con nghèo, con phải vui lòng chịu mà lập công cho đáng phần thưởng. Đ. C. T. cho con giàu, con phải thương giúp kẻ nghèo khổ mà lập công cho đặng thưởng.

Chúa để con nghèo, chẳng phải là phạt tội con đâu, một có ý cho con tập tành nhơn đức nhịn nhục. Chúa cho con giàu, chẳng phải là thưởng con đâu, một có ý cho con trau giồi nhơn đức

thương xót. Bởi đó cho nên Chúa cho có kẻ nghèo kẻ giàu, để giúp nhau lập công tích đức cho được phần thưởng. Nghèo nhịn nhục có phần thưởng; giàu thương giúp có phần thưởng. Cho nên nghèo mà nan trách, có tội; giàu mà hà tiện, có tội.

Trong Kinh thánh có chép rằng: « *Xưa có một người giàu đến hỏi Đ. C. G. rằng: Lạy thầy tôi phải làm đi gì cho đặng sống đời đời trên Thiên đàng? Chúa phán rằng: Con bán hết gia sản mà thí cho kẻ khó khăn, đoạn đến theo Tao, thì sẽ đặng sống đời đời trên Thiên đàng.* » Anh giàu nghe dạy thể ấy, liền phiền muộn đi xuôi. Đ. C. G. than rằng: « *Kẻ mê của thế gian khó rỗi linh hồn hơn con lạc đà chun qua lỗ kim.* » Tiếc thay anh giàu ấy vô duyên vô phước, không có lòng can đãm. Phải chi thí của mà theo Chúa, chắc đã thành một vì thánh Tông đồ! mà ở đời theo của, dầu đặng giàu có mãn đời, bằng chết rồi sa địa ngục, thì nào đặng ích gì? Như lời Đ. C. G. dạy rằng: « *Dầu ai đặng của cải cả và thế gian, mà mất linh hồn thì nào đặng ích gì?* »

Của làm phước chẳng phải là của mất, thật là của phát ra cho đặng lợi; tuy kẻ nghèo khổ lãnh của ấy, mà thật Đ. C. T. kể như chính mình Chúa thâu: rày Chúa thâu một, mà sau Chúa trả dư trăm. Còn kẻ tiếc của chẳng chịu bố thí, đã

chẳng đặng ích gì, mà lại phải thiệt hại : cả đời phải khó nhọc giữ của ; giờ lâm chung phải bàn hoàn tiếc của ; chết rồi lại phải phạt vì tội hà tiện.

Vả lại giàu có thế gian chẳng làm cho ta phỉ dạ đặng, một làm cực lòng ta mà thôi. Kìa coi vua Sa-lo-mon dầu giàu sang rất mực, còn năng than thở rằng : Đồ mặc đã sẵn gấm thêu rực rỡ ; nơi ở đã có lầu các nguy nga ; muốn dạo chơi đã sẵn vườn hoa cảnh đẹp ; muốn sai khiến thiếu chi bá quan chầu chực ; muốn trau giồi thiếu chi ngọc vàng châu báu ; muốn chi được nấy, chẳng thiếu vật gì. Nhưng vậy, nghĩ lại phải lo gìn giữ cho tường cửu, sắp đặt cho an bài, thật là lao tâm tiêu tứ, đến đỗi ăn chẳng biết ngon, ngủ không yên giấc ; chẳng lấy phước đời nầy làm sướng, mà lại thêm nhiều nỗi cực lòng. Vua thánh Đa-vít biết rõ phước đời nầy chẳng làm phỉ lòng người ta, nên hay than thở cùng Đ. C. T. rằng : « *Ở thế nầy tôi hằng khát khao một Chúa là phước thật lòng tôi ; có một Chúa mới làm đặng cho tôi phỉ lòng toại chí.* »

ĐOẠN THỨ VI

Kiêng bớt chớ mê ăn uống.

MÊ ĂN UỐNG LÀ LÀM SAO? Là ham ăn ham uống quá, chẳng giữ tiết kiệm thích trung; hằng tìm của ngon vật lạ, chẳng kể hao công tốn của; những lo cho lỗ miệng béo bùi, chẳng quản nhà nghèo con khổ, chẳng thèm bố thì cho kẻ khó khăn. Bởi vậy tính mê ăn là mẹ sinh ra nhiều tội lỗi, mê uống là mạch chảy ra nhiều sự dữ. Hễ rượu vào thì lời ra: rầy rà gây tụng, hằm hồ như con muông dữ. Hễ nặng bụng thì mê tâm, bỏ việc bổn phận; ham chơi mê ngủ, biếng nhát, dâm dục, khác nào con heo dơ nhớp.

Nết xấu hại linh hồn thì nhiều, mà tính mê ăn uống càng hại hơn nữa. Muốn khử trừ các nết xấu, phải hãm dẹp tính mê ăn uống trước; chẳng bỏ chứng mê ăn, thì chẳng trừ đặng các chứng xấu khác. Cho nên việc sửa mình đi đàng nhơn đức, thì đầu hết phải lo chừa tính mê ăn uống.

Đ. C. T. dựng nên con người ta có hồn có xác: hồn thì thiêng, biết lẽ phải trái, xét việc

nèn hư, đặng nhìn biết Chúa, mến yêu Chúa. Xác thì có ngũ quan tứ thể, để giúp linh hồn làm lành thờ Chúa. Phần xác phải có ăn uống mới sống đặng; cho nèn Đ. C. T. sắm nhiều thứ ăn uống dưỡng mạng sống người ta. Ai nấy phải dùng mà nuôi xác, cho có sức giúp linh hồn, làm lành lập công, hầu sau hồn xác được lên Thiên đàng, hưởng phước với nhau muôn đời. Ấy là ý Chúa dựng nên người ta, sinh ra muôn vật. thì làm vậy. Còn ăn uống quá độ, thật là nghịch thánh ý Chúa; vì dùng ơn Chúa mà phạm tội hại linh hồn.

Ăn uống quá độ chẳng những hại linh hồn, mà lại hại xác nhiều bề. Như lời tục ngữ rằng: ĂN UỐNG THỚI QUÁ, SINH NHIỀU BỊNH HOẠN. Cũng như đèn không có dầu, đèn chẳng tỏ, mà đầu tràn, thì đèn tắt; lúa mất nước, lúa chẳng lèn; mà nước ngập, thì lúa chết: xác chẳng ăn chẳng sống: mà ăn quá, sinh bịnh hại mình. Ăn uống vừa chừng, tự nhiên thân thể bình an khoẻ mạnh; ăn uống quá độ, hay phát nhiều chứng bịnh: hại tì vị, sinh mửa, sinh nhờm, đèm ngủ chẳng ngon, tức bụng buồn ruột, lói đầu chống mặt, vàng vỏ yếu gân, chơn mỏi tâm phiền, ớn nóng ớn lạnh; ấy là những chứng bởi ăn uống thới quá mà ra. Như tục ngữ rằng: BÁ BỊNH TẠI ĂN HUNG. Lại rằng: KẺ HAM ĂN CHẾT YỂU, CHẲNG ĐƯỢC

SỐNG LÀU. Kẻ mê ăn mắc bịnh, bằng chẳng chữa chứng mê ăn, dầu có thầy thuốc giỏi cũng vô phương, dầu có vị thuốc hay cũng không hiệu. Bởi đó cho nên kẻ mê ăn cực lắm, mà người kiêng bớt sướng nhiều. Kẻ hay kiêng cữ, thân thể cứng bền, đêm ngủ yên giấc, mạnh khoẻ làm ăn, dầu có mắc bịnh phong hàn thử thấp, cũng dễ trị mau lành, khỏi tốn kém với thầy thuốc, khỏi uống đắng ngậm cay, mà lại được sống lâu sức khoẻ. Ấy là nhờ đức kiêng bớt mà ra.

Ông Xê-nê-ca trách kẻ mê ăn rằng: Cũng nên nói bụng kẻ mê ăn là cái bụng vô ngằn. Con voi con trâu là loài to vóc, mà một dãy núi con con, đã đủ nuôi bầy kia bầy nọ. Lạ thay! cái bụng người mê ăn, lớn không quá gang tấc, mà của cả và thế giái không đủ cho vừa bụng nó! Chứng xấu khác cũng có hồi nghỉ; mà tính mê ăn đến chết mới thôi.

Xưa có một thầy tu hành giảng rằng: Lúc tôi niên ấu, cha tôi qua đời để lại bảy chủ nợ, ngày nào nó cũng đòi tôi luôn. Khi ấy tôi nghèo khổ lắm, mà bởi nó đòi riết quá, nên tôi gắng công ra sức, nhờ ơn Chúa giúp, chẳng khỏi mấy năm, tôi đã trả xong sáu chủ nợ. Còn một mối nợ thứ bảy, từ ấy nhận nay, tôi những tận tâm kiệt lực, lo lắng chẳng rời giây phút, mà trả chẳng

rồi. Kẻ nghe chẳng hiểu ý, xin thầy ấy giải nghĩa, thì người rằng: Cha tôi là Adong, phạm lịnh Chúa phải phạt chết rồi, để lại cho tôi bẩy mối tội đầu: là kiêu ngạo, ghen ghét, hờn giận, hà tiện, dâm dục, làm biếng, mê ăn, cũng như để bẩy chủ nợ: đêm ngày cứ ép uổng, dỗ dành tôi phạm tội. Nhưng mà tôi quyết lo cho khỏi chước nó, thì đã kiếm được một phương hay, là bỏ thế gian mà vào rừng ẩn tu. Nhờ ơn Chúa giáp, tôi đã dẹp đặng tính kiêu ngạo, ghen ghét, hờn giận, hà tiện, dâm dục, làm biếng, là sáu mối tội đầu. Còn một mối mê ăn là nợ to quá, dầu khó nhọc ngày đêm luôn, mà trả cũng không rồi. Cho nên tôi giận cái bụng tôi: nó như bị lủng đáy, bỏ vào đầu trên, liền chun ra ngõ dưới, chẳng khi nào đầy đặng.

Ông thánh Phao-lô Tông đồ trách kẻ mê ăn rằng: « *Kẻ mê ăn uống lấy bụng nó làm Chúa.* » Kẻ lành hết lòng mến Chúa, lo vưng giữ luật Chúa, chẳng dám sai ngoa; đứa mê ăn hết lòng thương bụng, lo cung phụng tính mê ăn, chẳng kể chi tội lỗi. Vật ăn bất luận trọng hèn, bất kỳ gần xa, dễ khó, cũng liệu trăm phương ngàn cách mà kiếm cho ra, mới ưng bụng.

Con trâu con ngựa vô tâm vô trí, mà cũng còn biết no: ăn rơm cỏ, uống nước lã; khẳmr ồi thì thôi, có ép ăn uống nữa, ắt nó không chịu. Còn

đứa mê ăn uống thì khác; chẳng phải nó ăn uống cho hết đói khát, một có ý cho sướng lỗ họng mê ăn. Bằng đói khát mà ăn uống, dầu của thô vật thường, cũng biết ngon biết no. Còn đứa mê ăn tuy dọn của ngon món quí, nó chưa lấy làm đủ làm vừa. Cho nên có lời tục ngữ rằng : ĐÓI DỄ ĂN, KHÁT DỄ UỐNG.

Kẻ hay kiêng bớt chẳng ham ăn cho sướng miệng, mà thường được ăn ngon; còn người mê ăn, hằng ham ăn cho sướng miệng, mà chẳng được vui lòng. Nó những lo cho có của ngon món quí; có rồi, lại sợ bao tử chứa chẳng được bao nhiêu; ăn rồi lại e không tiêu kịp mà ăn nữa. Ấy vậy kẻ kiêng bớt ăn no thì vui, thì khoẻ; đứa mê ăn càng no càng buồn, càng cực.

Lẫm có lúa thì có chuột; lòng mê ăn cũng nhiều tội. Lấy hết lúa mới hết chuột; bỏ tính mê ăn, cũng mới hết tội lỗi. Ăn uống tiết kiệm, ít sinh dâm dục; ăn uống mĩ vị, thì xác thịt sinh lung. Như tục ngữ rằng: No ấm SINH DÂM DỤC. Ấy vậy, ai quyết chí sửa mình tập nhơn đức, thì trước hết phải chừa tính mê ăn. Nèn có lời rằng: Người khôn ngoan lo bề đạo đức, chẳng chuộng việc ăn. Vậy thì, kẻ mê ăn chẳng lo bề đạo đức đặng.

Kẻ ăn uống vừa tiết kiệm thích trung, phần trí khôn sắc sảo, phần xác thịt an lành, dễ học

hành, dễ tập dàng nhơn đức, lại khỏi tốn bao của cải, cũng chẳng bó siết với kẻ nghèo; đời nầy được an nhàn, đời sau cũng được khoái lạc muôn năm. Bởi vậy phước cho kẻ tiết kiệm là dường nào! Còn đứa ham ăn cho thẳng bao tử, thì linh hồn ô uế, trí khôn u trệ, xác sinh nhiều bịnh, dở dang việc học hành, lơ láo bề đạo đức, lại xài phí của cải, mà tiện tặn với kẻ khó khăn, đời nầy chẳng được khoẻ an, đời sau phải khốn cực vô ngần. Vậy thì, khốn cho kẻ mê ăn là dường nào!

Đ. C. G. có kể tích trong Kinh thánh rằng: « *Xưa có một người giàu kia, hằng ngày yến tiệc trọng thể. Có một người ăn mày, tên là La-gia-rô, ngồi trước cửa kêu xin, mà ông giàu chẳng cho chút gì hết. Chẳng khỏi bao lâu hai người cũng chết. Ông giàu ấy phải phạt xuống địa ngục, chịu đói khát khốn cực thiết tha, ngước mặt lên thấy La-gia-rô đương hỉ hoan phú quới cùng ông A-ba-ra-ham trên Thiên đàng, thì nó kêu xin ông A-ba-ra-ham rằng: Lạy ông, xin ông dạy La-gia-rô chấm đầu ngón tay trong nước mà nhỏ vào lưỡi tôi, cho giải bớt khát khao khô héo. A-ba-ra-ham đáp rằng: Xưa cả đời mầy đã hưởng ăn chơi vui sướng rồi, rày phải chịu đói khát khốn cực; ấy là đáng số. Còn La-gia-rô thuở sống đã chịu đói khát cơ cực vì Chúa rồi,*

nay được hưởng thanh nhàn sung túc; ắt là phải lẽ. Đ. C. T. đã phân định đời đời rồi, chẳng còn thế gì cứu mấy đặng. » Ta nghe làm vậy đáng kinh hãi là dường nào!

VỀ VIỆC SAY SƯA.

Đ. C. T. sinh rượu đỡ phần xác người ta, cũng như cho mưa gió dượm nhuần cỏ cây tươi tốt. Bằng mưa hung gió quá, ắt cây cối phải hư; có mưa gió nhằm thì, trúng tiết cho vừa phải, cây trái mới đặng nhờ. Rượu cũng vậy, dùng vừa phải, điều khí huyết, giải cơn phiền, cũng có ích phần hồn xác. Bằng uống quá, rối trí lộn hồn, bùng tai mờ mắt, xao xiến cả mình, tâm thần rối loạn, đều hại đến phần xác phần hồn. Vốn rượu cũng là vật lành, mà uống quá, hoá ra thuốc độc.

Hễ say liền mất hết các ý lành, sinh ra trăm chuyện dữ; cho nên say rượu là chìa khoá mở cửa các sự dữ, đóng cửa các sự lành. Như lời ông thánh Au-cu-xi-tinh rằng: Uống quá chén, ngũ quan loạn bậy, lòng trí u mê, buông theo tình dục, chết yếu thiệt thân. Ông thánh Phao-lô rằng: « *Đứa say sưa chẳng được phần gì trên Thiên đàng.* »

Chứng nào cũng xấu, mà chứng say sưa

xấu xa hèn hạ quá lẽ lắm. Kẻ say rượu dầu có tài cao trí cả, lực lượng hay giỏi bực nào, cũng là vô dụng. Hồi say sưa, bất kỳ dơ dáy, nằm ngay dưới đất như xác chết, đứng lên té xuống, bước không dời bước. Đứa mê rượu sánh chẳng bằng loài vật. Thú vật uống no, có ép cũng không thèm uống nữa ; còn đứa mê say, uống chẳng bao giờ cho thẳng nghỉn, cứ lo cho sướng lỗ miệng, chẳng kể chi hại hồn hại xác. Sự ngon miệng mau qua, mà hại linh hồn và xác thì lâu dài chẳng hết. Cho nên kẻ say sưa dại hơn loài thú vật.

Ông thánh Ba-gi-li-ô rằng: Nước tắt lửa, rượu tắt nhợn dức; biển cả dám tàu, rượu to chìm linh hồn; lửa cũi thiêu phần xác, lửa rượu đốt phần hồn. Khốn cho người say rượu! Trên nó làm sỉ nhục cho Chúa, khinh mạng đạo thánh ; dưới làm xấu hổ cha mẹ, dễ duôi bà con thân thuộc. Nó làm xấu hổ cho mình nó; trở tính người ra tính thú dữ ; linh hồn thanh sạch hoá ra con heo tà dâm dơ dáy ; làm cho hình ảnh Đ. C. T. trở nên hình ma tướng quỉ. Hãy coi đứa say : nào nó kể gì Đ. C. T.? sá chi gương xấu gương mù trong đạo thánh? quản chi lời thánh hiền dạy bảo? lo gì đến thể diện bà con? có kể chi kẻ trên người dưới? có tiếc chi danh phận mình? nào còn biết mất cỡ hổ ngươi gì nữa?

Những giận hờn chưởi rủa, nói tục tĩu dơ dáy, đánh đạp kình khí, hằm hồ, khác nào chó dại vậy. Kìa đứa say, ngũ quan tứ thể cả mình đều bày ra những hình xấu xa tục tĩu: mắt xem tai nghe miệng nói thảy đều chỉ về đàng ô uế tà dâm như heo. Coi đứa say hình dung rị rợm, đỏ mắt tía tai, thở hào hển, nói lằn nhằn, bộ tịch dị kỳ, khác nào tướng quỉ.

Ông thánh Phao-lô dạy môn đệ rằng: « *Chúng con chẳng nên mê rượu, vì rượu là mối dâm dục.* » Ông thánh Hi-ê-rô-ni-mô rằng: Lòng người ta như đất, tính tà dâm như giống; không rượu, đất khô, giống tà dâm chẳng mọc đặng; có rượu đất ẩm, liền trổ sinh dâm dục, khó nỗi ngăn cấm. Có lời hiền nhơn kia rằng: Người say rượu là người quỉ ám, là đầu sỏ các sự dữ, là kẻ nghịch nhơn đức, là bạn hữu ma quỉ, là quân nghịch thiên thần, là một đứa xấu xa trong loài người, là một vật u mê trong thú vật, là giống quái gở trong địa ngục.

Cho nên kẻ muốn đi đàng nhơn đức, muốn nên thánh, muốn lên Thiên đàng, thì trước hết phải chừa bịnh mê rượu; chẳng vậy, đừng trông Thiên đàng. Kẻ quyết giữ trinh khiết cho trọn vẹn, ắt phải kiêng cữ cho nhặt, chớ hề mê say; chẳng vậy, đức trinh khiết chắc mất đi, mà phần rồi cũng chẳng còn.

Về đức kiêng bớt.

Có lời Kinh thánh dạy rằng: « *Của ăn uống ngon lành đã dọn ra trước mặt, phải dùng cho vừa chừng, chẳng nên thới quá.* » Việc ăn uống chẳng qua là cho khỏi đói khát: vừa đủ no lòng thì thôi, chẳng nên ăn uống làm chi nữa.

Coi đứa mê ăn uống bộ tịch xấu xa hèn hạ là dường nào! Vừa thấy yến tiệc rượu chè, liền xâm xao lướt tới, giành chỗ, xăn tay, con mắt láo luân ngó quanh ngó quất, kiếm món nào vừa ý thích tình; coi cách thèm lạt ham hố phải chi nội bàn trút vào bao tử nó hết mới ưng bụng. Nó làm như tù đói lâu năm, coi đà dễ ghét.

Đức kiêng bớt với đức chay lạt cũng gần giống nhau. Đức chay lạt có sáu ích nầy: *Một là* thắng chước ma quỉ cám dỗ. *Hai là* hãm dẹp tính tà dâm. *Ba là* đặng giữ gìn các nhơn đức. *Bốn là* làm cho ta minh mẫn dễ học đạo lý cùng các dều trong đạo Chúa. *Năm là* làm cho giảm cơn thạnh nộ Đ. C. T. *Sáu là* làm cho xác mạnh an, khỏi nhiều bịnh hoạn. Đức kiêng bớt cũng có nhiều đều hay như vậy: là tắt lửa tà dâm; thắng đặng chước ma quỉ; dẹp đặng tình tư dục; ép ta theo lẽ phải mà dứt bỏ những đều vui giả đời nầy; làm cho lòng ta trong sạch, mà thêm minh

mẫn sáng dạ; chừa nết kiêu căng, thêm lòng khiêm nhượng; thống hối các tiền khiên; khai quang lòng mê muội; cải chừa tính biếng nhác, tiêu diệt các nết xấu; tấn tới đàng nhơn đức. Nói tắt một lời, đức kiêng bớt hay khử trừ các tội lỗi, mà vun quén các việc lành. Bởi vì nết mê ăn sinh chứng giận hờn ghen ghét: nên hễ nhổ được cội rễ mê ăn, mà cam lòng thèm lạt, thì nghèo khổ cũng được an vui. Ham ăn uống là củi mồi lửa dâm dục; dụt củi ham ăn, tự nhiên lửa tà dâm phải tắt. Ấy vậy đức kiêng bớt là ngọn cờ chỉ đức trinh khiết. Tội mê ăn là mây đen che tâm địa: bỏ được chứng mê ăn, thì trí khôn sáng láng, trí nhớ bẫn hòi, lòng muốn thanh tịnh. Vậy thì đức kiêng bớt là tổ đức khôn ngoan.

Lại đức kiêng bớt là muối giữ gìn nhơn đức: của ăn tốt mà không muối, ắt lạt lẽo chẳng ngon, cũng chẳng để lâu đặng; có muối điều hoà mới ngon miệng, mới để được lâu. Mê ăn là khí độc sinh tội lỗi; khứ trừ khí độc mê ăn, mới khỏi các chứng bịnh. Vậy thì đức kiêng bớt là phương thuốc thần hiệu giữ mình cho mạnh khoẻ; cho nên đức tiết kiệm hay giữ linh hồn và xác được an lành mạnh khoẻ.

Việc kiêng bớt cũng có khi nên công, mà cũng có khi thành tội: ăn uống vừa chừng,

hoặc dùng trái trăng nước lã, rau ráng, muối dưa; hoặc chẳng dùng dầu giấm thịt rượu, hằng giữ chay lạt: các đều nầy là việc kiêng bớt; nhưng vậy chưa dám nhứt định là nhơn đức hay là tội lỗi, một phải coi ý tứ thể nào. Như kiêng bớt có ý cho được khoẻ mạnh mà tôi, tuy chẳng phải là tội, nhưng mà cũng là chứng yêu riêng mình. Bằng kiêng bớt bởi tiếc của chẳng dám ăn, ấy là hà tiện tham lam, thật là việc tội. Còn kiêng bớt có ý đền tội hãm mình lập công, mới thật là nhơn đức tiết kiệm.

Nhơn đức tiết kiệm chẳng những cấm ăn uống quá độ, mà lại cũng cấm kiêng bớt thới quá. Nhơn vì ăn uống thới quá, thì xác thịt lăng loàn chống cưỡng phần hồn, chắc hại bề đức bạnh. Còn ăn uống ít quá, thì phần xác yếu liệt, chẳng đủ sức giúp linh hồn tập rèn nhơn đức, nên cũng thật hại xác hồn. Có nhằm bực thích trung, mới thật là nhơn đức. Bởi vì ăn uống vừa chừng, chẳng phải là có ý cho mạnh khoẻ, một có ý dẹp tình tư dục cho khỏi đàng tội lỗi.

Và kiêng bớt việc ăn uống mà chẳng giữ tâm tư ngũ quan cho cẩn thận, thì cũng chẳng đặng ích gì. Ví như con mắt chẳng chừa chứng xem tà sắc, tai chẳng bỏ thói nghe lời quấy quá, miệng lưỡi chẳng dứt chứng nói tục tĩu hoa tình, dầu có kiêng bớt việc ăn uống, cũng không ích

gì. Cho nên kiêng cữ ngoài miệng mà chẳng kiêng cữ trong lòng, chẳng khác chi cày bừa mà không gieo vãi, thì chẳng trông được cây trái hoa quả. Kiêng cữ bề ngoài bề trong cho đặng thờ phượng Đ. C. T., thì Chúa nhơn từ mới động lòng thương xót. Bằng miệng sạch mà lòng dơ, chẳng khác nào dọn của mĩ vị trong mâm dơ nhớp mà đãi khách, ấy là sỉ nhục cho khách mà chớ. Xác kiêng bớt ăn uống, mà lòng những kiêu căng ngạo mạn, miệng cữ của ngon, mà lòng tích giận hờn, dâm dục, lẽ nào đẹp lòng Đ. C. T. đặng.

Vã nhơn đức tiết kiệm chẳng phải kiêng bớt của ăn uống mà thôi, còn phải ăn mặc cho thích trung vừa phải. Bằng ăn mặc loà lẹt quá bực mình, cũng chẳng khỏi tội: lo ăn mặc chói loà trọng thể bề ngoài, ắt trong linh hồn không được sạch sẽ.

ĐOẠN THỨ VII

Siêng năng chớ khá làm biếng.

Làm biếng là đi gì? Làm biếng là trễ nải việc lành, lạt lẽo nhơn đức, bơ thờ công việc, thấy khó nhọc chút đỉnh đà hãi đà nao, không dám cầm trí ép mình chịu khó; dầu có quyết làm lành cũng được ít bữa dầu rồi ngán rồi thôi; tưởng tu đức lập công là việc quá sức mình làm không nổi, cho nên thối chí, quyết ở không nhường, ăn no ngủ kỹ; ấy là tâm địa kẻ làm biếng thì vậy.

Chứng làm biếng là cội rễ mọi sự dữ; hay sinh chứng dâm dục, ham ăn, trộm cắp, ghen ghét, giẫu cợt lả lúa, nói hành, sinh sự, hao phí ngày giờ, đã mất công, lại thêm tội; ấy là những nết xấu bởi chứng biếng nhác mà ra.

Những giống vô sanh giác như mặt trời mặt trăng, các thứ sanh hồn như cây như cỏ, các vật giác hồn như cầm như thú, nhẫn đến loài có linh hồn, dẫu không tài đức như tiểu nhơn, cùng những hàng tài đức như người hiền người thánh, thảy thảy đều trách ta biếng

nhác trễ nải, cùng khuyên ta siêng năng cần mẫn.

Coi mặt trời mặt trăng, Đ. C. T. dựng nên, dạy luân chuyển ngày đêm: ngày nào như ngày nấy, năm nọ sang năm kia, xưa nay chưa hề lỗi bổn phận. Ông thánh Au-cu-xi-tinh rằng: Mặt trời mọc đã cao, con còn ngủ ngáy chưa dậy. Phải chi mặt trời có lưỡi nói được, ắt trách con rằng: Hôm qua tao khó nhọc soi sáng cho mầy cả ngày, hôm nay tao cũng dậy sớm, mà mầy còn nằm ngáy trên giường, không biết mất cỡ sao?

Kìa các thứ cỏ cây, ban đầu mới mọc còn thấp bé, đoạn trải qua sương tuyết nắng mưa, lá rụng hoa tàn, qua xuân lại phát sanh hoa quả, sum sê diễm dà hơn trước, chẳng hề trễ tràng bỏ bổn phận. Vã Chúa sanh cây cối chẳng phải là cho lớn lên thành đại thọ tức thì; một để cho nó tắm mưa dãi nắng, chịu nóng chịu lạnh khốn khổ lâu lâu, mới thành cây cao bóng cả, mới trổ sanh hoa quả tốt tươi. Ấy vậy muốn tu đức lập công, phải khó nhọc cần quyền, mới thành công thành đức. Công nghiệp chẳng siêng sắn lập sao cho thành; đức hạnh chẳng khó nhọc tập rèn sao cho được? Há rằng kẻ biếng nhác chẳng muốn nên người nhơn đức công nghiệp sao? Nhưng mà nó muốn tự nhiên mà được, khỏi khó nhọc tập rèn. Nó tưởng ở không nhưng vô sự cũng

đặng phước thật Thiên đàng; ấy là trông vơ tưởng bậy mà chớ. Những việc nhỏ mọn phần xác, chẳng chịu khó chẳng làm nên, huống chi việc sửa mình tu đức là việc đại sự về phước Thiên đàng.

Có lời tục ngữ rằng: Mỗi năm chừa mỗi nết xấu, lâu năm cũng nên người thánh cả. Phần con chưa khỉ công mà đã mong thành sự; chẳng khác nào kẻ chưa từng học tập mà muốn thi đậu, lẽ nào cho đặng. Nhảy trổi cách quãng chẳng được, liền nói sức mình không nổi, nên trở liền theo tính biếng nhác, ấy là mình hại mình mà chớ.

Ông thánh I-gi-dô-rô khi còn niên ấu đương học hành, thấy mình tối tăm chậm lụt thì ngã lòng, quyết thôi học; tình cờ thấy hòn đá xây giếng, người ta để dây kéo nước, lâu năm mòn khuyết thành máng; lại thấy hòn đá dưới giọt, nước xối lâu năm thành lỗ, thì người nghĩ rằng: Dây và nước là thứ mềm yếu, còn làm cho đá cứng thành máng thành lỗ đặng. Tính trí tôi dầu ngu muội, nhờ ơn Chúa giúp, chừa chứng làm biếng, ra sức siêng năng học hành, ắt cũng thành công đặng. Từ ấy người gắng công ra sức học hành, sau đã nên một vì thánh thông minh danh tiếng.

Con kiến là vật vô tâm, cũng nên gương

cho người làm biếng bắt chước. Như lời Kinh thánh rằng: « *Kẻ biếng nhác phải bắt chước gương con kiến: dầu nó chẳng có tri khôn, cũng còn biết dự phòng lương thực, để dành mùa đông đỡ đói. Người làm biếng thấy vậy mà chẳng biết hổ ngươi sao?* » Con kiến nhỏ mọn mà khôn: mùa hè lo tích trử để mùa đông dùng, ấy là lo làm ăn kịp thì nhằm tiết. Nó sắm trước để sau dùng, thiệt là lo xa khôn khéo. Nó tránh chỗ dơ tìm nơi sạch, ấy là biết tốt xấu rẽ ròi. Nó hiệp đoàn kết bạn, thật là việc thương yêu giúp đỡ. Nó đi đi về về chẳng ngớt, ấy là dấu bền đỗ vững vàng. Nó cắn mày hột lúa cho khỏi mục, ấy là lo phòng trước cho khỏi hiểm nghèo. Con kiến khéo lo khéo tính thể ấy, dầu không thầy dạy biểu, không trông thưởng, chẳng sợ phạt, mà hằng cứ việc bổn phận chẳng hề trễ bỏ. Còn con người ta có Chúa soi sáng, có thánh hiền dạy dỗ, có gương tốt kẻ lành, biết trông Thiên đàng, biết sợ địa ngục, mà chẳng chịu chừa tính biếng nhác, chẳng chịu tu đức lập công, cho trọn niềm bổn phận, thật là khờ hơn con kiến bội phần.

Người đời ngu muội lấy việc hèn làm trọng, việc trọng làm hèn; siêng năng việc xác, trễ nải việc hồn. Lo việc công danh lợi lộc an vui, thì chẳng tiếc công lao khó nhọc, chẳng sợ tổn công thiệt hại, chẳng bỏ sót việc nào. Mà con lo việc

thờ phượng Đ. C. T. không chịu bước tới một bước, vừa thấy chút khó, liền giựt mình lui lại. Kìa kẻ buôn bán trông chút lợi hèn, chẳng nệ trèo non vượt biển, bỏ cha mẹ của nhà, đi tới nơi hiểm hóc xa vời, coi sống chết dường không; cũng có nhiều kẻ phải chết vì của; mà người ta chẳng lấy làm khổ, lại lấy làm vui. Thương ôi! trông cho được chút của hèn đời tạm, dầu phải khổ sở mực nào cũng chẳng từ; trông cho được phước trọng đời sau, mà lại sợ chút khó nhọc chóng qua, thì sao cho phải lẽ. Phải chi người ta lo cho linh hồn như lo cho phần xác, thì chẳng có ai mà chẳng đặng phước thật Thiên đàng. Phần xác dầu có tận tâm kiệt lực chác lợi mua danh, nhưng mà kẻ đặng chẳng bao lăm, kẻ hỏng thì nhiều lắm.

Con coi thánh hiền xưa nay hết lòng thờ Chúa, lập đặng đức trọng công cao, thắng trận mưu mô ma quỉ, nhịn nhục kẻ ghen ghét gièm chê, cam lòng chịu nghèo nàn khốn khó, hãm dẹp tính khí tư tà, mặc thô nèn, ăn chay lạt, thức khuya dậy sớm, dứt bỏ thói vui đời, yêu chuộng bề đạo đức, chẳng quản chi mạng sống, đêm ngày những khóc lóc thống hối tiền khiên, hằng hổ ngươi vì nhiều việc lành chưa làm, nhiều nết xấu chưa dứt đặng; hằng cứ như vậy cho đến mãn đời, mới đặng phước Thiên đàng. Ta sánh

ta với các đứng ấy, lẽ nào khỏi thẹn thuồng xấu hổ? Ta nhát sợ chẳng dám chịu khó một hai chút, mà hãm mình sửa nết, chống trả tình tư dục; những biếng nhác trễ nải cả đời, mà cũng trông phước Thiên đàng, thật là trông bậy, dối mình mà chớ.

Vật quí nhứt ở đời nầy là năm tháng ngày giờ: vì hễ dùng ngày giờ nên, thì đặng phước Thiên đàng đời đời, dùng chẳng nên, chẳng những mất phước Thiên đàng, mà lại phải phạt địa ngục đời đời. Đó chẳng phải là việc đại hệ lắm sao? Tục ngữ rằng: GIỜ KHẮC NHƯ TÊN, NGÀY THÁNG NHƯ THOI. NGƯỜI SỐNG BẤT QUÁ TRĂM NĂM. Trăm năm tuy lâu dài, mà sánh với những năm vô cùng đời sau, thì chẳng đầy một khắc. Bằng trễ nải bỏ qua khắc nầy, hoặc chẳng làm lành hay là làm dữ; ắt là phải thiệt hại muôn đời; chẳng đáng sợ hãi lắm sao? Ấy vậy hà tiện của cải là nết xấu đứa tiểu nhơn; tiện tặn ngày giờ là nhơn đức người quân tử.

Xưa có hiền nhơn kia dương suy gẫm về giờ chết, thoát chúc thấy một người đến khóc lóc rên siếc, liền hỏi rằng: Mầy là ai? khóc việc gì? Nó thưa rằng: Tôi là đứa khốn nạn đương chịu phạt trong địa ngục; thuở sống tôi đã bỏ qua ngày tháng, biếng nhác cả đời; rày tôi đau đớn rầu tiếc quá đỗi, song đã muộn rồi! Khi tôi còn

sống ở đời, Đ. C. T. đã ban năm tháng ngày giờ cho tôi làm lành lánh dữ, tu đức lập công, được lên Thiên đàng, khỏi sa địa ngục ; mà tôi đã bỏ qua vô ích. Nay tôi ước ao cho được một khắc để mà đái tội lập công, song chẳng hề đặng nữa, nèn tôi tức tối quá. Anh còn sống ở đời, anh xài phí ngày giờ qua không vô ích, anh chẳng sợ sau cũng ăn năn muộn chẳng kíp như tôi sao?

Ấy vậy ngày giờ rày ở tại tay con, con phải kíp tra tay làm việc, chớ khá ở không nhưng. Đến chừng xuống mồ, hết thì lập công, hết thế làm việc, liết phương lo tính : lo phương liệu việc lập công, thảy thảy tại hồi còn sống mà thôi, chết rồi hết thế.

Xét các ơn Đ. C. T. ban cho ta thì vô vàn vô số, dầu ta siêng năng sốt sáng thờ phượng Chúa hằng giây phút trót cả đời, cũng chưa đền đặng một thí, huống chi ta bỏ qua ngày tháng. Ông thánh Bê-na-đô rằng: Chẳng nên hao phí ngày giờ châu báu : ngày tháng châu báu qua rồi, chẳng trở lại nữa. Đ. C. T. ban ngày giờ quí trọng, để cho con làm việc lành lập công: rày con bỏ qua không vô ích, sau nầy Đ. C. T.. sẽ đoán xét con nghiêm nhặt. Ta sống càng lâu, giờ chết càng gần: như có chăm chỉ thờ phượng Chúa, làm lành lập công, học tập đạo đức, ấy là dùng mạng sống tạm gởi đời nầy mà đổi sự sống

đời đời trên Thiên đàng. Bằng dùng ngày giờ mà làm việc tội lỗi, ấy là lấy mạng sống ván vỏi đời nầy mà đổi sự chết đời đời trong địa ngục; Ôi! khốn nạn là dường nào!

VỀ ĐỨC BỀN ĐỖ.

Đức bền đỗ thì làm cho thành mọi việc; Chứng làm biếng hay phá hết các nhơn đức, mất hết công linh, hư hết sự nghiệp. Lành lúc đầu chẳng phải là trọn lành, lành cho đến cuối, mới thiệt là lành. Việc lành một đời thắng không nổi việc dữ một ngày; việc dữ một ngày đã đủ phá hết việc lành cả đời. Việc lành có thỉ có chung, mới thật là lành. Bằng trước làm lành sau làm dữ, thì việc lành trước mất đi, mà việc dữ sau phải phạt. Kẻ biếng nhác đi chẳng tới nơi, làm không rồi việc, đánh không thắng trận, khó nhọc không trọn công, sau hết cũng phải phạt chẳng khỏi đặng.

Lòng người làm biếng, hằng rộn ràng dời đổi, cũng như bèo nước, trôi theo gió vật, khi thì tấp bên nầy, khi thì giạc bèn kia. Chí khí không vững, thì thân phận cũng không yên; nó tưởng bỏ chỗ nầy sang nơi khác mới yên; nhưng mà bình yên thật tại lòng, chẳng phải tại chỗ. Tâm địa không vững, dầu đổi dời trăm

chỗ, cũng chẳng đặng bình an, mà lại thêm rối lòng rộn trí. Cũng như cây nấy trồng chỗ nầy, mai dời chỗ khác, xê đi xích lại hoài, thì xanh tươi làm sao đặng. Cũng một lẽ ấy, chí khí có vững thân xác mới an, xác an lòng cũng an mà chớ.

Trong Kinh thánh rằng: « *Kẻ siêng năng làm ruộng đặng no đủ; người làm biếng ở nhưng, hằng thiếu thốn.* » Kẻ ở không những vô sự, là bia ma quỉ cứ đó mà bắn. Chim sanh có cánh mà bay, người sanh có tay mà làm. Chim bay chẳng nằm, người ta bắt không được. Người siêng năng chẳng ở không, ma quỉ hại không đặng. Xưa người thành Sô-đô-ma tà dâm thới quá Đ. G. T. phạt cho mưa lửa xuống đốt cháy tan hoang. Kinh thánh rằng: « *Dân thành nầy bởi ở không nhưng vô sự, nên mê sắc dục quá chừng.* » Ấy vậy làm biếng ở nhưng là cội rễ các thứ tội, mà nhứt là tội tà dâm. Vì đứa biếng nhác ham thong thả, mà ở không sao đặng. Tay chơn chẳng làm việc, thì lòng trí loạn động, miệng nói bậy bạ, tai nghe vơ vẩn, mắt xem quấy quá, thân thể ham vui về đàng trái, ham ngủ, mà ngủ quá cũng đã thèm, chẳng đặng ngon giấc. Lời Kinh thánh rằng: « *Kẻ làm việc mệt nhọc, yên giấc ngủ ngon; kẻ làm biếng ở nhưng, ngủ không yên giấc.* »

Vã lại kẻ làm biếng thì đặt dàng cho ma quỉ cám dỗ. Bởi vì lòng người ta khác nào vò chậu, có dựng nước sạch cho đầy, thì đổ nước dơ vào chẳng đặng. Kẻ ở không cũng như vò chậu còn trống, ma quỉ thừa cơ mà đổ vật ô uế vào.

Ấy vậy kẻ làm biếng là bia ma quỉ bắn: nó như đồn không lũy, nên dễ bắn dễ vào; như lính không mã giáp, dễ đâm dễ chém; như tàu không lái, dễ nhận dễ chìm. Ông thánh Hi-e-ro-ni-mô khuyên bạn hữu rằng: Mình phải ân cần làm việc lành luôn, chẳng nên ở không nhưng, cho khỏi ma quỉ cám dỗ: bởi vì ma quỉ thấy ta đương mắc việc khó nhọc, thì chẳng dám cám dỗ. Bởi đó kẻ ở nhưng ma quỉ ham cám dỗ, thì chẳng khác ruồi ham nước lạnh; kẻ ham làm việc ma quỉ tránh, cũng như ruồi tránh nước sôi.

Trong Kinh thánh dạy rằng: « *Phải trở lại cùng Chúa, chẳng nên chậm chạp, kẻo phải cơn Chúa giận, mà không phương cứu.* » Vậy phải làm lành cho kíp, chớ khá lần lữa rày mai. Vì Chúa có để cho con sống ngày mai chăng, thì chưa biết. Lại lời rằng: « *Hay chẳng biết Con Người sẽ đến giờ nào, phải chực cho sẵn hằng giây phút.* » Ta biết mình phải chết, song chết giờ nào, cách nào, chỗ nào, ta không biết đặng: nên mọi giờ, mọi chỗ ta phải dự bị quan phòng

luôn, chẳng nên ở không nhưng vô sự. Bằng chẳng vậy chớ trông chết lành.

Ông thánh Ba-gi-li-ô ngày kia sững trí thấy có hai người: một người lấy vò lủng mà chứa nước, đổ vào trên chảy ra dưới, sau hết chẳng còn hột nào. Thiên thần cắt nghĩa rằng: Đó là chỉ một thứ người khờ, làm việc lành không bền đỗ: khi làm lành, khi làm dữ; việc dữ sau phá việc lành trước, sau hết cũng thành người vô ích. Thấy một người lên rừng đốn củi; đốn đặng một mớ gánh không nổi, lại còn đốn thêm. Thiên thần giải rằng: Đó là chỉ một thứ người ngu, thấy mình nhiều tội lỗi mà chẳng chịu chừa cải tức thì, một quyết để sau sẽ tính; mỗi ngày mỗi thêm tội mới; tội càng nhiều, chừa càng khó. Vậy có tội mà chẳng chừa cho kíp, một quyết để sau mới chừa, ấy là mưu chước ma quỉ. Một tội đã khó chừa thay, để phạm thêm nhiều tội, nào có dễ chừa hơn sao? Cũng như bịnh, mới sơ phát, còn dễ trị; để lâu ngày càng khó chữa.

Nay con có lỗi mà chẳng chừa, chầy ngày quen thói, ơn Chúa càng xa, phép công phạt càng gần; tội lỗi càng châm rễ sâu, tâm lực càng ra suy yếu, trí khôn một ngày một ra u ám, ma quỉ càng ra sức dỗ dành. Đến chừng đó có phép lạ mới ăn năn chừa cải được; vì đến nước

đó mà trở lại đặng, thật khó hơn kẻ chết sống lại.

Việc lành nhơn đức cao trọng, tính người ta yếu đuối, nên mới khỉ công tu đức, cũng lấy làm khó chẳng khỏi đặng. Bằng ép mình chừa tính trễ nải, trông cậy ơn Chúa giúp, thì đàng lành một ngày một ra rộng dễ đi, công đức một ngày một thêm, ơn thánh càng ngày càng rưới đượm, thì chẳng lấy nhơn đức làm khó nữa.

Ông thánh Au-cu-xi-tinh khi chưa trở lại đạo Chúa, thì cũng là một người đại tội. Người suy nghĩ việc thưởng phạt đời sau, cũng muốn trở lại đạo chính; mà tưởng đến luật đạo khó giữ, nhơn đức khó tu, nên dẫn dà chưa nhứt định. Người đương bần giùn lưỡng lự, mà Đ. C. T. thương mở con mắt thiêng liêng cho người xem thấy kẻ già kẻ trẻ, thánh nam thánh nữ hứng vui ái mộ giữ lề luật, đua nhau tới nước Thiên đàng. Đ. C. T. phán rằng: Mầy coi bấy nhiêu kẻ già cả kẻ yếu đuối, bấy nhiêu con nít non nớt, đều giữ đặng lề luật, tập đặng đức hạnh, mà bay lên Thiên đàng; có một mình mầy chẳng giữ chẳng tập đặng sao? Mầy xét coi có phải tại sức riêng chúng nó chăng? Thật thì chẳng phải; nhờ Tao phù hộ nó mới đặng như vậy. Ông thánh Au-cu-xi-tinh nghe thể ấy mới hiểu rõ ràng, phấn chấn xin chịu phép Rửa tội, vưng giữ lề luật, di

đàng nhơn đức. Đến sau người năng than thở rằng: Khi tôi chưa vào đạo, tôi thấy lề luật khó giữ, nhơn đức khó tu; nay tôi đã chịu phép Rửa tội, nhờ ơn Chúa giúp, thì những việc khó ngày trước, rày hoá ra dễ.

Việc thờ phượng Chúa, chớ khá diên trì, đừng đợi đến tuổi già mới trở lại; vì khi con tráng lực nhỏ tuổi, khác nào mùa xuân tươi tốt; đến chừng già cả tuổi tác, khác nào mùa đông lạnh lẽo. Đợi đến tuổi già mới trở lại kính thờ Chúa, chẳng khác chi giao của tươi tốt cho ma quỉ, mà dưng của lạt lẽo cho Đ. C. T., nào biết Chúa khấng nhậm dùng của bạc tình thể ấy chăng? Vả con đương tuổi xuân xanh mạnh khoẻ là chính hồi ham tu đức lập công, mà con chẳng muốn ra sức kính mến Chúa; đến khi già cả ươn yếu, lẽ nào con lại muốn sao?

Còn những kẻ đã già cả mới trở lại, cũng chẳng nên ngã lòng thối chí, một phải gia công xấp bội mà kính mến Chúa cho sốt sắng, đặng đền bù tội lỗi xưa. Tục ngữ rằng; Đi lạc đã xa ngàn dặm, trở lại cũng xa ngàn dặm. Mình lạc đàng chính đã lâu ngày, bằng chẳng mau chơn lẹ bước, e chẳng kịp tới nhà, mà chết ngoài đàng sá.

Những kẻ đang thì, mới trở về đạo Chúa, bằng có kính Chúa cho sốt sắng bội thường,

bươn tới dàng nhơn dức cho chóng vánh, bù mấy năm trước chưa giữ đạo, thì cũng đặng thưởng, chẳng khác nào giữ đạo từ bé vậy.

Có nhiều người khờ dại, hồi bình thường những ơ hờ lạt lẽo việc thờ phượng Chúa, quyết đợi đến già chết mới toan ăn năn cải quá. Nó chẳng xét trong cơn lâm tử, biết bao nhiêu đều trở đoán: phần thì đau đớn nhức nhối tê mê; phần thì bịn rịn nỗi vợ con của cải; phần thì rối rắm việc đời; phần thì tội lỗi làm cho phiền muộn sầu não, ma quỉ lo mưu kế dỗ dành; phần thì sợ phép công thẳng Chúa phán tra; sợ hình phạt đời đời trong địa ngục: các sự ấy giao công làm cho tâm thần tán loạn, khi ấy dầu có muốn cải dữ về lành, thật rất nên là khó. Vã đến lúc đó dầu có chừa cải, cũng chẳng phải là dấu thiệt tình: vì chừng đó chẳng phải là con bỏ tội, thật là tội bỏ con; chẳng phải là con không muốn phạm tội nữa, một tại hết thế phạm đặng mà thôi. Ăn năn thể ấy, lẽ nào đặng ơn tha thứ. Ấy vậy lẽ tự nhiên hễ gieo giống nào, gạt giống ấy: gieo lúa đặng lúa, gieo cỏ đặng cỏ. Sống gieo giống dữ, không lẽ chết dược phước lành; sống làm vui giả, lẽ nào chết dược phước thật; sống vong ân bội ngãi khinh mạn Đ. C. T., chừng chết lẽ nào Đ. C. T. chẳng quở phạt xua đuổi. Trong Kinh thánh đã có lời Đ. C. T. quở kẻ có

tội rằng: « *Tao đã đánh thức mầy nhiều phen, mà mầy khinh dể, chẳng thèm chỗi dậy: nay mầy đến kêu, Tao chẳng thèm nghe nữa.* » Ấy vậy muốn cho đặng chết lành, phải lo bề sống thuận. Hễ sống lành đặng chết lành, mười người như chục: còn sống dữ mà đặng chết lành, thì ngàn người không thấy một.

Vì Chúa mà tu nhơn tích đức có ý cho được phần thưởng, ý ấy vốn thật chưa tốt bao nhiêu. Nhưng mà thánh hiền làm lành, cũng trông phần thưởng. Nhơn vì vốn người ta non lòng yếu sức, như không trông phần thưởng đời sau, e thấy sự khốn khó đời nầy, mỏn chí lơi tay, không làm lành cho bền đỗ. Bằng biết đời sau có thưởng, ắt nong nả lướt tới, làm cho trọn công, hầu lãnh phần thưởng. Như lời thánh nhơn kia rằng: Kẻ trông được phần thưởng, thì chẳng nệ công lao khó nhọc. Bởi vì vưng giữ giái răn, ăn chay hãm mình, chống trả tình tư dục, tập đi đàng nhơn đức, là những việc khó làm. Ví như kẻ lên ngược dốc, thuyền chống ngược sông, thật là khó lên khó chống. Nhưng mà nhớ đến phần thưởng để dành cho kẻ vưng giữ giái răn, nhớ phước lộc để thưởng kẻ ăn chay hãm mình, nhớ sự vui sướng thanh nhàn sẽ ban cho kẻ chống trả xác thịt, đi đàng nhơn đức, liền hăm hở vui lòng, chẳng quản chi khó nhọc. Người đời lo

chác lợi mua danh, chẳng nệ cực khổ sở, chẳng chịu ở không nhưng. Kẻ học hành ham danh vọng, đêm ngày láu đáu xôi kinh nấu sử, chẳng tiếc công phu. Kẻ buôn bán trông lợi lãi, những trèo non vượt biển, hiểm trở chẳng từ. Kẻ làm ruộng những dầm mưa dãi nắng, chẳng kể mệt nhọc. Ấy công danh lợi lộc hèn hạ đời nầy, còn giục lòng người ta bỏ chứng biếng nhác trễ nải đặng. Phần con trông phước thật Thiên đàng, mà lại sợ chút khó nhọc chẳng dám động một bước, thì đức tin con ở đâu?

Lòng người ta khác nào ruộng đất, bỏ lâu chẳng cày bừa gieo cấy, ắt mọc cỏ hoang rậm rạp. Ai chẳng ân cần ra công sửa tính nết, chắc thói hư nết xấu mọc đầy lòng. Vã cỏ rác nay nhổ, mai hãy còn lên; bằng sợ mệt chẳng tiễn thảo trừ căn, chắc thành ruộng hoang, không trông hoa lợi. Nết xấu nay lo chừa, mai cũng còn có; bằng trễ nải chẳng lo khử tà qui chánh, chắc tấm lòng ô uế, chẳng có đức hạnh gì mà trông phần thưởng. Vậy thì cần phải siêng năng sửa tính nết luôn cho đến chết, mới trông đặng phần thưởng.

Kẻ lành cần cán việc Chúa, tay xác khổ mà lòng vui, chẳng sợ chết mà lại trông mau lìa thế, về quê thật Thiên đàng, xem thấy mặt Chúa, hưởng phước muôn đời. Còn kẻ biếng nhác

chẳng chịu khó tích đức lập công, tuy xác thong dong, mà lòng cực khổ, hằng sợ chết luôn: vì nó biết chết thì mất mọi sự vui đời nầy, mà khỉ dầu chịu cực khổ muôn đời. Con trâu con ngựa cực khổ, người ta dắc đi, nó ưng bụng chạy theo : vì biết người ta có việc dùng nó. Con heo sung sướng những ăn ngủ chơi bời, người ta khiêng đi, nó kêu la rền siếc : vì biết mình là vật vô dụng, một đem đi xé thịt mà thôi. Kẻ siêng năng cần mẫn tu đức lập công, dầu trong cơn nguy hiểm cũng chẳng lo sợ. Người biếng nhác mang nhiều tội lỗi, dầu trong nơi vui vẻ, cũng chẳng đặng an lòng.

B. C. G. dạy môn đệ rằng : « *Hãy tỉnh thức cầu nguyện cho khỏi sa chước cám dỗ.* » Kẻ siêng năng việc Chúa khác nào chim có con mắt có cánh : có con mắt xem thấy, mới tránh khỏi hiểm nghèo ; có cánh bay cao, mới thoát đặng dò lưới. Kẻ trễ nải cũng như chim có con mắt mà không có cánh, hoặc có cánh mà không con mắt, không lánh khỏi hiểm nghèo, một phải dò lưới ma quỉ mà chớ. Người siêng năng dự phòng cẩn thận, vừa thấy chước cám dỗ liền đuổi đi, chẳng cho loán ra mạnh thế ; cũng như cây còn nhỏ để nhổ, để lớn nhổ không đặng. Kẻ trễ nải thấy chước cám dỗ chẳng thèm chống trả cho kíp, để nó loán ra mạnh thế, không làm chi được nữa ;

cũng như cây đã lớn, châm rễ sâu, chẳng còn thế gì nhổ đặng. Người ăn cần chẳng dám khinh lỗi nhẹ, cho nên khỏi lỗi nặng. Kẻ biếng nhác chẳng lo chừa tội nhẹ, cho nên lần lần phạm tội nặng. Như thằng Giu-đà bởi chẳng chừa chứng tham vặt, nay ăn cắp một đồng, mai đôi ba đồng, lần lần lòng tham càng ngày càng mạnh thế, đến đỗi bán Chúa, mất linh hồn. Bởi vậy cho nên nói rằng : Không lo lỗ dột nhỏ, cũng sập dặng nhà to ; không tắt tàn lửa nhỏ, ắt cháy tan cả xóm ; lỗ rịn nhỏ không trám, dầu tàu lớn cũng chìm; lỡ một chút không dắp, chắc tràn nhập cả xứ ; bịnh nhẹ không trị, cũng giết dặng mạng người. Nói tắt một lời, kẻ siêng năng thì hồn xác nhờ nhau ; người làm biếng xác hồn cũng đều khốn.

Đ. C. G. phán ví dụ dạy kẻ trễ nải rằng : « *Có mười trinh nữ, năm người khôn, năm người khờ ; nhóm nhau ban đêm chực rước chủ. Mấy người khôn dự bị đèn dầu đủ việc ; mấy người dại sắm đèn mà chẳng dự dầu. Nửa đêm chủ gần đến, đèn kẻ khôn còn tỏ, đèn kẻ dại hết dầu. Nên trinh nữ dại nói cùng trinh nữ khôn rằng : Đèn chúng tôi hết dầu, xin các chị cho mượn một ít, mà thắp đèn rước chủ. Trinh nữ khôn rằng : Chúng tôi sắm dầu vừa đủ việc dùng, không có dư cho mượn đặng ; xin chị em đến*

phố mà mua. Chủ nhà đến, trinh nữ khôn ra rước. Chủ vào nhà đóng cửa, trinh nữ khôn đồng yến tiệc vui vẻ với chủ Trinh nữ khờ mua dầu trở về, gõ cửa xin mở, thì chủ nhà rằng: Tao không biết bay là ai? Cửa đã đóng rồi, không mở nữa. Trinh nữ dại phải lui ra xấu hổ. »

Hiền nhơn giải nghĩa rằng: Trinh nữ hai bọn khôn dại, ấy là chỉ giáo hữu sốt sáng, giáo hữu nguội lạnh hai bực. Dầu đèn là chỉ việc lành nhơn đức: kẻ có lòng sốt sáng, thuở bình sanh ân cần việc lành, dự phòng giờ chết, trông Chúa đem linh hồn về quê thật Thiên đàng hưởng phước đời đời. Người có chứng nguội lạnh, hồi bình sanh trễ nải việc lành, chẳng lo giờ chết; kỳ lâm chung vụt tới, thấy mình tay không, chẳng dám ra mặt rước Chúa, vội vàng xin bạn hữu cầu bàu, biết ăn năn thì đã muộn.

Muốn lập công chẳng phải tại lựa những việc cả thể, như xem lễ, nguyện gẫm, bố thì. Trừ một sự tội mà thôi, còn các việc khác bất luận trọng hèn, bất kỳ khó dễ, hễ mà làm vì lòng kính Chúa, thảy đều có công. Ví dụ, vì lòng kính Chúa, dầu bước đi một đỗi đàng, khuyên bảo người ta một đôi lời lành, nhịn một hai lời chích ý, dầu khi ăn, dầu khi mặc, thảy đều đặng công trước mặt Chúa. Vã những việc trọng như cúng thí, giảng đạo, xem sóc kẻ liệt, bằng

làm chẳng có ý vì Chúa, thì cũng chẳng đặng công gì trước mặt Chúa. Vì vậy muốn lập công nghiệp, cần phải có ý lành, chẳng nên theo tính kiêu ngạo làm cho người ta khen. Chẳng vậy thì khó nhọc luống công vô ích.

Đ. C. G. giảng thí dụ rằng: « *Xưa có một người giàu có, toan trẩy phương xa, bèn phát bạc tiền cho tôi tớ mà rằng: Bay phải lo buôn bán sinh lợi, chừng tao trở về sẽ tra xét lợi lãi thể nào: siêng năng tao thưởng, làm biếng tao phạt. Giao đoạn người trẩy đi. Một đứa lãnh năm tấm bạc, ra sức làm lời được năm tấm nữa. Đứa lãnh hai tấm cũng gắn công làm lợi thêm được hai tấm. Còn đứa kia lãnh một tấm, nó trễ nải chẳng muốn chịu khó, đem về chôn dưới đất. Lâu ngày chủ nhà về, tra hỏi tôi tớ làm lời lãi thể nào, siêng năng biếng nhác làm sao. Đứa lãnh năm tấm đến thưa chủ rằng: Nầy ông đã giao cho tôi năm tấm, tôi đã làm lợi đặng năm tấm đây; nay tôi giao hết cho ông. Chủ nhà khen rằng: Hỡi tôi tớ siêng năng tử tế, mầy đã trung tín trong việc nhỏ mọn, thì cho mầy gánh việc đại sự mà hưởng phước vui vẻ cùng tao. Đứa tôi tớ lãnh hai tấm cũng vậy. Còn đứa tôi tớ đã lãnh một tấm bạc nói với chủ rằng: Tôi biết ông là người gắt gỏm, nên tấm bạc tôi đã lãnh về chôn dưới đất, nay tôi đem huờn lại cho ông.*

Chủ quở rằng: Ớ tôi tớ xấu xa biếng nhác, đáng phạt nặng nề. Đoạn chủ bảo kẻ hầu hạ rằng: Bay cất lấy tấm bạc đứa tôi tớ trễ nải nầy, mà giao cho tôi tớ siêng năng. Đứa siêng năng càng có, tao càng cho thêm, đứa biếng nhác dầu nó có, tao cũng lấy đi; phải trói tay chơn nó lại mà bỏ vào ngục tối tăm, phạt tội làm biếng. »

Chủ ấy là Đ. C. T., đầy tớ là giáo hữu, khối bạc là ơn phần hồn phần xác. Giáo hữu tốt chẳng dám bỏ qua ơn Chúa, hằng siêng năng tu đức lập công, giờ chết đến cùng Chúa, thì Chúa thưởng công lao khó nhọc, cho lên Thiên đàng hưởng phước thanh nhàn đời đời. Giáo hữu trễ nải chẳng xem sao ơn Chúa, chẳng lo làm lành lánh tội, chết rồi đến cùng Chúa, thì Chúa phạt tội làm biếng trễ nải, bỏ nó xuống địa ngục chịu hình khổ vô cùng.

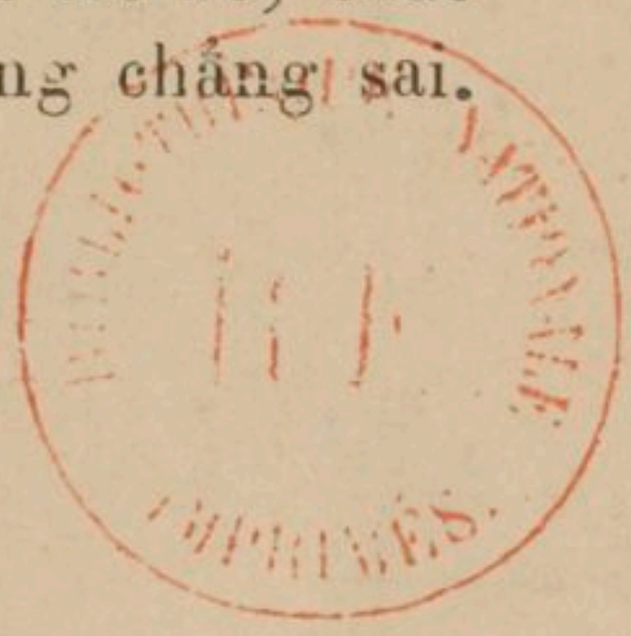
Vua thánh Da-vít rằng: « *Kẻ làm việc buổi sớm làm, buổi tối nghỉ: đã đặng nhờ công việc, lại được nghỉ yên.* » Buổi sớm là hồi bình sanh; nhờ công việc nghỉ an là phần thưởng Thiên đàng. Người lành ở đời siêng năng chịu khó, chết rồi đặng lên Thiên đàng nghỉ an đời đời. Ta là kẻ làm việc cho Đ. C. T., Chúa đã định phần phước Thiên đàng để mà trả công siêng năng khó nhọc; cũng định hình phạt địa ngục để mà phạt tội làm biếng trễ nải. Vậy thì ta phải làm siêng

hay là làm biếng? Kẻ ăn trộm cắp, còn có lẽ chữa mình, bởi đói khát; kẻ hà tiện còn có lẽ chữa mình sợ thiếu thốn. Còn kẻ làm biếng lấy lời gì mà chữa mình đặng?

Kẻ dại hay kiếm lẽ chữa mình rằng: chẳng làm lành, mà đừng làm dữ, cũng đà đủ việc; cần chi phải lo lắng lắm cho nhọc thân. Ông thánh Bê-na-đô đáp lại rằng: Người ta đi đàng nhơn đức cũng như thuyền đi ngược nước, chẳng ra sức chèo chống, liền sụt lại trôi xuôi. Cả đời mầy chẳng lo thêm nhơn đức, ấy là thêm tội lỗi. Đàng nhơn đức chẳng bước tới, ấy là tháo lui. Chẳng những việc đức hạnh thể ấy, mà lại việc học hành, các nghề nghiệp đời nầy cũng vậy. Hễ chẳng chuyên học tập cho thường, thì lần lần dở dang bỏ việc. Cho nên có lời rằng: NGHỀ NGHIỆP SIÊNG NĂNG MỚI THẠO, HỌC HÀNH TRỄ NẢI THÌ LUI.

Ta phải lo tu đức lập công, cũng như kẻ đói khát tìm đồ ăn uống. Kẻ đói ăn chưa no chưa hết đói; người khát uống chưa phỉ chưa đã khát. Ngày nào ta chưa tới Thiên đàng, chưa nên thôi việc tu đức lập công. Ta ở đời lo cho phần xác khỏi đói khát, thì chẳng nệ khó nhọc, chẳng từ nguy hiểm, dùng trăm phương ngàn cách, kiếm của nuôi mình cho đủ đỗi. Còn lo cho linh hồn khỏi đói khát, được phước thật no đủ

muôn đời, mà lại tiếc công, chẳng muốn chịu khó. thì làm sao cho phải. Lời Kinh thánh rằng: « *Ai khát khao nhơn đức, ấy là phước thật: vì sau sẽ đặng no đủ.* » Ấy vậy ở đời nầy ai ham đức hạnh như kẻ đói khát thèm ăn thèm uống, và bền đỗ cho đến chết, chẳng hề trễ bỏ, chắc đặng đầy no phước thật Thiên đàng chẳng sai.



Chung.

Imprimatur

✠ D. Grangeon

Vic. Ap.

Quinhon, 25 Aug. 1910.

MỤC LỤC

Đoạn I — Khiêm nhượng chớ kiêu ngạo . 5

« *II* — Yêu người chớ khá ghen ghét . 61

« *III* — Nhịn nhục chớ hờn giận . . . 102

« *IV* — Giữ mình sạch sẽ chớ mê dâm dục 136

« *V* — Rộng rãi chớ hà tiện. . . . 166

« *VI* — Kiêng bớt chớ mê ăn uống . . 184

« *VII* — Siêng năng chớ khá làm biếng. 197

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE IMPRIMÉS

BIBLIOTHEQUE NATIONALE DE FRANCE
3 7531 05911909 0